

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của
TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

CTCP Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

SAVICO

Số: **104**/CV-SVC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày **20** tháng **04** năm 2015

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Mã chứng khoán: SVC

Địa chỉ trụ sở chính: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 3821 3913 Fax: (08) 3821 3553

Người được uỷ quyền công bố thông tin: Đoàn Văn Quang

Địa chỉ: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp.HCM

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên 2014.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 20/04/2015
tại đường dẫn www.savico.com.vn.

Quý Cổ đông có nhu cầu nhận Báo cáo thường niên bản in, xin vui lòng liên hệ Công ty từ
ngày 24/04/2015.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu
trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



DOÀN VĂN QUANG



SAVICO



NHÂN TỐ MỚI
THÀNH CÔNG MỚI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

NỘI DUNG

- 04** Con số và sự kiện
- 06** Thông điệp Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
- 08** Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi
- 09** Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 10** Quá trình hình thành phát triển
- 12** Sơ đồ tổ chức
- 14** Định hướng phát triển
- 16** Các rủi ro
- 18** Tình hình Hoạt động
- 22** Tình hình Tài chính
- 23** Thông tin Cổ phiếu và Cổ đông
- 25** Tổ chức và Nhân sự
- 36** Báo cáo ban Tổng Giám Đốc
- 44** Báo Cáo Hội Đồng Quản Trị
- 49** Quản trị công ty
- 53** Các giải thưởng, công tác IR, PR và các công tác khác
- 58** Báo cáo tài chính riêng
- 70** Báo cáo tài chính hợp nhất
- 125** Danh mục các dự án SAVICO đầu tư
- 131** Danh sách các Công ty con Liên doanh Liên kết



NHÂN TỐ MỚI
THÀNH CÔNG MỚI



CON SỐ VÀ SỰ KIỆN

500

SAVICO tiếp tục đạt vị trí Top 500 Doanh Nghiệp lớn nhất Việt Nam

Ngày 17 tháng 01 năm 2014, tại Trung Tâm hội nghị Quốc gia Mỹ Đình, Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietnamNet chính thức tổ chức Lễ công bố Bảng xếp hạng VNR500 - Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam. Đây là năm thứ 6 liên tiếp Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) nằm trong danh sách 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.



100

Hội nghị kế hoạch hệ thống SAVICO 2014

Hội nghị kế hoạch năm 2014 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) nhằm đánh giá hoạt động kinh doanh, kết quả thực hiện theo Hội nghị kế hoạch 2013; Triển khai và giao kế hoạch kinh doanh 2014 cho các đơn vị thành viên trong toàn hệ thống; Gần 100 đại biểu được triệu tập gồm: Ban TGD, cán bộ Quản lý, điều hành hệ thống SAVICO đã về tham dự.



06

6 năm liền đạt Báo cáo Thường Niên tốt nhất

Vượt qua gần 700 báo cáo của các doanh nghiệp niêm yết tại Việt Nam, Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) liên tục 6 năm liền ghi dấu ấn tại Cuộc bình chọn Báo cáo thường niên 2014.



03

Số thành viên Ban lãnh đạo cấp cao của SAVICO và các đơn vị trong hệ thống đạt danh hiệu "Doanh nhân TP. HCM tiêu biểu năm 2014".

4/5

Số lượng thành viên Ban điều hành Công ty thuộc thể hệ 7X: trẻ, năng động, có năng lực, có tâm huyết, chín muồi về kinh nghiệm, bản lĩnh.

05

Số đơn vị thành viên ô tô trong hệ thống SAVICO đạt được các danh hiệu cao về kỹ thuật, dịch vụ, cố vấn dịch vụ, kỹ năng chăm sóc khách hàng, kỹ năng bán hàng trong các cuộc thi tay nghề toàn quốc.

08

Số đại lý ô tô trong hệ thống SAVICO được khai trương trong năm 2014, trong đó có 6 đại lý được thành lập mới, 2 đại lý được nâng cấp.



113,5

Tổng nợ vay của Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2014, giảm mạnh so với mức kỷ lục 463,5 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2010.



THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý Cổ đông, Nhà đầu tư và Khách hàng!

Năm 2014 tình hình thế giới diễn biến phức tạp nên kinh tế phục hồi chậm hơn dự báo. Trong nước, do ảnh hưởng hậu quả từ những năm trước, kinh tế vẫn còn tồn đọng những khó khăn như khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hàng hóa tiêu thụ chậm; năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp, ... Tuy nhiên, kinh vĩ mô cơ bản đã ổn định, GDP tăng 5,98%, lạm phát được kiểm soát dưới 5% đã tác động tích cực đến cộng đồng doanh nghiệp.

Về phía SAVICO, đã chủ động tiếp tục tái cơ cấu lại mọi mặt hoạt động của mình như tiếp tục mở rộng hệ thống đại lý ô tô 2S, 3S; cắt giảm các khoản đầu tư bất động sản và tài chính; thanh lý, sắp xếp lại những đơn vị không hiệu quả hoặc không có triển vọng phát triển. Nhờ vậy, kết thúc năm 2014, tổng doanh thu toàn hệ thống đạt 10.170,4 tỷ đồng, tổng doanh thu theo báo cáo hợp nhất là 7.939,7 tỷ đồng đạt 113% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế toàn hệ thống đạt 139,7 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế theo báo cáo hợp nhất là 118,6 tỷ đồng đạt 131,8% kế hoạch.

Kính thưa Quý Cổ đông, Nhà đầu tư và Khách hàng!

Thành quả đạt được trong năm 2014 đối với hệ thống SAVICO rất có ý nghĩa khi vừa trải qua thời kỳ kết thúc khó khăn của lĩnh vực phân phối ô tô năm 2012; sự sút giảm nhu cầu xe gắn máy liên tục trong hai năm 2013 và 2014; cùng với việc liên tục thay đổi nhân sự cấp cao ở các vị trí Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Song, kết quả kinh doanh vẫn phát triển đã tiếp tục khẳng định đóng góp của cán bộ quản lý, cán bộ nhân viên và các doanh nghiệp thành viên trong toàn hệ thống. Trong đó, thành công lớn nhất là công tác quy hoạch nguồn cán bộ lãnh đạo kế cận được chuẩn bị chu đáo, quy trình bầu chọn và bổ nhiệm công khai, minh bạch tạo được sự tin nhiệm và đồng thuận trong toàn hệ thống.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, các cơ quan ban ngành trung ương và thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, các cơ quan báo đài, đối tác, khách hàng, Tổng công ty Bến Thành và các doanh nghiệp đã luôn đặt niềm tin, đồng hành, hỗ trợ và góp ý cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành trong suốt nhiệm kỳ 2010 – 2015. Tôi xin gửi lời tri ân đến toàn thể người lao động trong hệ thống đã nỗ lực xây dựng cho các doanh nghiệp thành viên và toàn hệ thống không ngừng phát triển.

Về chiến lược năm 2015 - 2020, với nhận định tình hình kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định và chuyển biến tích cực, toàn hệ thống SAVICO đã sẵn sàng tập trung mọi nguồn lực, các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực để tận dụng

tối đa các cơ hội phát triển trên định hướng chiến lược:

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình công ty tư đầu tư trên nền tảng 3 lĩnh vực dịch vụ thương mại – dịch vụ bất động sản - dịch vụ tài chính. Trong đó, lấy dịch vụ thương mại làm nòng cốt phát triển, dịch vụ bất động sản và dịch vụ tài chính làm phương tiện để hỗ trợ cho dịch vụ thương mại.
- Tiếp tục phát triển và gia tăng hiệu quả chuỗi dịch vụ thương mại, phân phối ô tô. Tiếp tục thực hiện liên kết ngành, lĩnh vực kinh doanh, kiểm soát thị phần theo từng vùng thị trường thông qua các Công ty Cổ phần SAVICO khu vực: Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ.
- Tiếp tục khẳng định là công ty đầu tư hàng đầu về cung cấp và phân phối sản phẩm chất lượng tốt nhất cho khách hàng, là địa chỉ tin cậy cho nhà đầu tư.
- Mục tiêu cho giai đoạn 2015 - 2020 dự kiến như sau:

CHỈ TIÊU	2015	2020
Hệ thống phân phối ô tô	23 đại lý (2S & 3S) Tiêu thụ > 13.000 xe Thị phần 8,5%	35 - 40 đại lý (2S & 3S) Tiêu thụ > 25.000 xe Thị phần 10%
Vốn điều lệ	250 tỷ đồng	400 tỷ đồng
Vốn chủ sở hữu	780 tỷ đồng	1.200 - 1.300 tỷ đồng
Doanh thu	8.500 tỷ đồng	15.000 - 15.500 tỷ đồng
Lợi nhuận trước thuế	130 tỷ đồng	260 - 270 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế	100 tỷ đồng	200 - 210 tỷ đồng
Thu nhập thuộc cổ đông Công ty mẹ	60 tỷ đồng	125 - 130 tỷ đồng
Cổ tức	12%	≥ 12 %

Kính thưa Quý Cổ đông, Nhà đầu tư và Khách hàng!

Thay mặt Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2010 - 2015), tôi xin chân thành cảm ơn Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Khách hàng đã luôn tin tưởng và chia sẻ cùng chúng tôi; Xin cảm ơn Ban kiểm soát, Ban điều hành, cán bộ quản lý, cán bộ đại diện vốn và cán bộ nhân viên toàn hệ thống đã đồng hành cùng chúng tôi trong suốt năm năm vừa qua. Qua đây, tôi cũng hy vọng tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý Cổ đông, Nhà đầu tư và Khách hàng; cùng sự quyết tâm, hành động và đoàn kết của Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, cán bộ đại diện vốn và cán bộ nhân viên toàn hệ thống. Chúng tôi xin hứa luôn theo dõi và hỗ trợ cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc mới để tiếp tục xây dựng, khẳng định uy tín thương hiệu SAVICO và mong muốn toàn thể Ban lãnh đạo, cán bộ đại diện vốn và người lao động luôn đồng thuận, chia sẻ mọi khó khăn, nắm bắt mọi cơ hội để đạt được hiệu quả cao,

phát triển bền vững để SAVICO tiếp tục không chỉ là một thương hiệu uy tín trong cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam mà cả trong cộng đồng doanh nghiệp khu vực và quốc tế.

Xin chân thành cảm ơn.
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH
Nguyễn Vinh Thọ
Chủ tịch HĐQT

SỨ MỆNH, TÂM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Sứ mệnh

Nhà cung cấp dịch vụ tốt nhất mọi hoạt động của Công ty luôn hướng tới sự thỏa mãn của khách hàng.
“Thỏa mãn khách hàng là hạnh phúc chính mình”.

Tâm nhìn

Trở thành Công ty đầu tư chuyên ngành dịch vụ hàng đầu tại Việt Nam, hội nhập Khu vực và Quốc tế.

Giá trị cốt lõi

Minh bạch: Trong các giao dịch, ứng xử và kinh doanh

Tôn trọng: Cổ đông, Nhà đầu tư, khách hàng, đối tác...

Trách nhiệm: tuân thủ luật pháp, tham gia đóng góp cộng đồng, xã hội.

Sáng tạo: luôn tìm kiếm cơ hội, tự đổi mới để gia tăng uy tín và hiệu quả doanh nghiệp

Đoàn kết: đồng thuận, vượt qua thách thức; Tự đổi mới, đón đầu cơ hội, gạt hái thành công.

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty tập trung vào 3 lĩnh vực chính: Dịch vụ - Thương mại, Dịch vụ Bất động sản và Dịch vụ Tài chính. Trong đó:

• **Dịch vụ - Thương mại:** tổ chức hệ thống kinh doanh; phân phối; sửa chữa; bảo trì ô tô, xe gắn máy và các dịch vụ kèm theo tập trung vào các thương hiệu Toyota, Ford, GM, Hyundai, Suzuki, Yamaha...

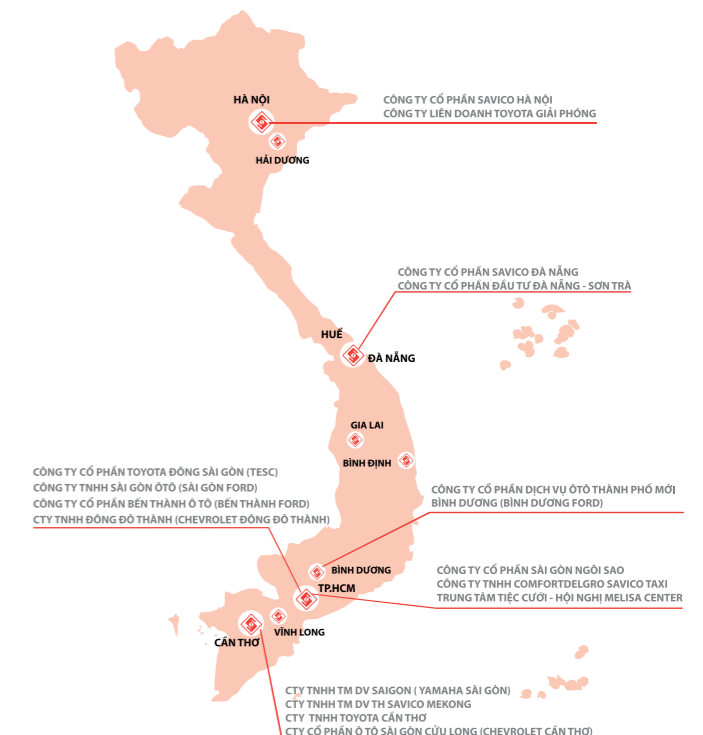
• **Dịch vụ Bất động sản:** phát triển hệ thống bất động sản để hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh Dịch vụ - Thương mại; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự, khu nghỉ dưỡng cao cấp.

• **Dịch vụ Tài chính:** tập trung hỗ trợ cho hoạt động của lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại và Dịch vụ Bất động sản; đầu tư vốn vào công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ; tìm kiếm và đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu của các công ty niêm yết khi có điều kiện thích hợp.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Địa bàn kinh doanh của Công ty trải rộng từ Bắc và Nam, trong đó:

- Khu vực phía Bắc: tập trung vào địa bàn Hà Nội, Hải Dương, Nam Định.
- Khu vực miền Trung – Tây Nguyên: tập trung vào địa bàn Đà Nẵng, Bình Định, Gia Lai.
- Khu vực TP. HCM và Đông Nam Bộ: tập trung vào địa bàn TP. HCM, Bình Dương.
- Khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long: tập trung vào địa bàn Cần Thơ, Vĩnh Long, An Giang.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN
Tên giao dịch: SAVICO
Mã chứng khoán: SVC
Trụ sở chính: 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-8) 3821 3913
Fax : (84-8) 3821 3553 / 3821 5992
Website: www.savico.com.vn
Email: savico@savico.com.vn

1982 - 1985 KHỞI NGHIỆP

Năm 1982 cả nước hoạt động trong nền kinh tế bao cấp, Quận 1 đã đề xuất ý tưởng phát triển ngành kinh tế dịch vụ như một mô hình thí điểm. Đề án ấy đã được ủng hộ và Công ty Dịch vụ Quận 1, tiền thân của Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) được thành lập. Với vị trí Trung tâm của Quận 1, TP. HCM, có nhiều cửa hàng hoạt động dịch vụ như may đo, giặt ủi, uốn tóc, giày da, sửa chữa xe, dịch vụ giữ xe, dịch vụ văn phòng, sửa chữa điện lạnh, điện tử... nằm rải rác trên địa bàn quận; Theo chủ trương của thành phố lúc ấy, những cơ sở này đòi hỏi phải được tổ chức, tập hợp lại để quản lý chuyên sâu theo ngành nhằm tận dụng tay nghề của các hộ tư nhân thông qua phương thức hợp tác kinh doanh. Ngày thành lập với 07 điểm kinh doanh phục vụ. Đến năm 1985 khi thành phố tiến hành công tác cải tạo ngành công thương nghiệp; SAVICO cũng đã tập hợp và phát triển 90 cửa hàng và 140 điểm kinh doanh phục vụ, 127 điểm giữ xe hai bánh... Chủ trương này đã góp phần mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty, tạo việc làm cho người lao động và đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước, minh chứng cho sự phát triển tất yếu của ngành kinh tế dịch vụ.

1986 - 1997 XÂY DỰNG NỀN MÓNG

Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ 6 như một luồng gió mới thổi vào nền kinh tế của đất nước mà trong đó ngành kinh tế dịch vụ được tạo thêm sức mạnh để đột phá phát triển. Năm 1990, nền kinh tế xã hội được chuyển từ chế độ kinh tế tập trung sang kinh tế thị trường; Tình hình kinh tế lúc ấy tiếp tục diễn biến phức tạp và đầy khó khăn bởi sự đổ vỡ hàng loạt của các Hợp tác xã tín dụng... Trong bối cảnh đó, Công ty tập trung vào công tác quản lý, tìm mọi cách xoay sở, duy trì các hoạt động sẵn có, mở rộng một số lĩnh vực hoạt động mới, tạo tiền đề để phát triển.

Năm 1991 mạng lưới Công ty được chính thức định hình và phát triển; Ngoài Tổng đại lý xe gắn máy Vindo Motor được thành lập 1990; SAVICO triển khai bán hàng cho các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới; Đặc biệt tham gia vào lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu. Đây cũng chính là tiền đề dẫn đến sự hình thành mô hình kinh doanh dịch vụ gắn với thương mại. Đồng thời đầu tư vốn, mở rộng ngành hàng, liên kết các đơn vị kinh tế khác góp vốn kinh doanh, khai thác thị trường trong và ngoài nước để tiêu thụ và cung ứng hàng xuất nhập khẩu. Bằng chính hoạt động này Công ty đã có thể cân đối việc thanh toán lại trị giá hàng đại lý cho nước ngoài và mang lại lợi nhuận cho Công ty.

Năm 1992, Công ty Dịch vụ Quận 1 được đổi tên thành Công ty Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn theo quyết định 17/QĐ-UB ngày 29/9/1992 của UBND TP HCM. Trong thời điểm này Công ty vẫn xác định loại hình kinh tế dịch vụ chiếm một vị trí quan trọng, tất yếu trong nền kinh tế của đất nước. Từ đó SAVICO lấy hoạt động dịch vụ làm nền tảng cho tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư mở rộng các hoạt động như dịch vụ địa ốc, lắp ráp và kinh doanh xe gắn máy, phân phối ô tô, khai thác dịch vụ du lịch, Taxi... Đặc biệt, SAVICO đã mạnh dạn áp dụng

phương thức bán xe trả góp cho người tiêu dùng, đây là một bước đột phá mới vào thời điểm ấy đã mang lại cho Công ty một hiệu quả nhất định... Quy mô hoạt động của Công ty vượt khỏi phạm vi Tp.HCM và hình thành các Trung tâm thương mại, các Chi nhánh, văn phòng tại các thành phố như Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ cùng với các đại lý có mặt trong cả nước. SAVICO là đơn vị đầu tiên kinh doanh xe ô tô theo cơ chế thị trường tại Việt Nam. Nhiều tập đoàn lớn của nước ngoài đã tín nhiệm và chọn SAVICO làm đại lý phân phối sản phẩm như Toyota, Suzuki, Peugeot, Opel, Daihatsu và Công ty đã tận dụng thế mạnh của từng đối tác, tiếp thu được công nghệ lẫn phong cách quản lý tiên tiến. Đặc biệt năm 1996 Công ty đã ký hợp đồng đại lý độc quyền phân phối xe gắn máy Suzuki tại vùng thị trường 19 tỉnh thành phía nam, tập trung, tổ chức kinh doanh mặt hàng xe gắn máy nhãn hiệu Suzuki... cùng với sản phẩm gia dụng của các thương hiệu như Toshiba, Minolta, Seiko...

Năm 1997 SAVICO chính thức là Công ty thành viên của Tổng Công ty Bến Thành.

1998 - 2004 TẠO ĐÀ PHÁT TRIỂN

SAVICO tập trung chuyển hướng dẫn hoạt động sang mô hình Công ty đầu tư, tiếp tục phát triển các loại hình dịch vụ thương mại, đầu tư và tham gia quản lý vào những ngành dịch vụ then chốt như ngân hàng, dịch vụ bưu chính viễn thông... Bên cạnh đó, SAVICO đã đẩy nhanh tiến độ đầu tư khai thác các dự án bất động sản có vị trí thuận lợi ngay tại Trung tâm thành phố, tạo được sự quan tâm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đặc biệt, Công ty đã xây dựng và phát triển các chuỗi đại lý phân phối sản phẩm uy tín như:

- Hệ thống phân phối ô tô: Toyota, Ford, GM Daewoo.
- Hệ thống phân phối xe gắn máy Suzuki...
- Đại lý phân phối sản phẩm dịch vụ viễn thông...

Qua từng chặng đường hoạt động, SAVICO vừa chứng minh sự cần thiết tồn tại mà còn mở rộng hợp tác đầu tư với các đối tác trong và ngoài nước để phát triển ngành nghề và xây dựng thương hiệu. Ngày 31/12/2004, SAVICO kết thúc giai đoạn doanh nghiệp nhà nước để chuyển đổi thành mô hình Công ty cổ phần, sự kế thừa nhắm đến mục tiêu cao hơn, là động lực thúc đẩy để SAVICO tiếp tục phát triển, khẳng định tầm vóc một thương hiệu Mạnh tại thị trường trong và ngoài nước.

2005 - 2013 TRÊN ĐƯỜNG HỘI NHẬP

Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) chuyển hoạt động sang mô hình Công ty Cổ phần và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 04/01/2005.

Ngày 21 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là SVC.

Tháng 3 năm 2007, Công ty phát hành thành công cho 02 cổ đông chiến lược nước ngoài để nâng Vốn điều lệ từ 128,73 tỷ đồng lên 148,73 tỷ đồng, tổng số tiền thu được từ đợt phát hành là 140 tỷ đồng.

Tháng 3 năm 2008, Công ty phát hành thành công cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên của Công ty để nâng Vốn điều lệ từ 148,73 tỷ đồng lên 203,61 tỷ đồng, tổng số tiền thu được từ đợt phát hành là 115,75 tỷ đồng.

Ngày 01 tháng 06 năm 2009, Cổ phiếu của Công ty chuyển sang giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Tháng 10 năm 2009, Công ty phát hành thành công cho cổ đông riêng lẻ để nâng Vốn điều lệ từ 203,61 tỷ đồng lên gần 249,96 tỷ đồng, tổng số tiền thu được từ đợt phát hành là 182,53 tỷ đồng.

Cũng trong giai đoạn này, Công ty thực hiện tái cơ cấu bộ máy tổ chức, tái cơ cấu tài sản/ nguồn vốn, phát triển nguồn nhân lực phù hợp với qui mô phát triển từng giai đoạn của Công ty.

2014 - ... CHUYỂN GIAO VÀ PHÁT HUY SỨC TRẺ

Từ năm 2014 đến nay, Công ty tiếp tục thực hiện tái cơ cấu tài sản/ nguồn vốn song song với sắp xếp bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp. Đồng thời, đội ngũ lãnh đạo kỳ cựu thực hiện đào tạo, chuyển giao kinh nghiệm, từng bước theo dõi và trao quyền cho đội ngũ lãnh đạo trẻ có năng lực, tâm huyết và rất năng động.

Hiện nay, hầu hết nhân sự Ban điều hành của SAVICO là những người thuộc thế hệ 7X, độ tuổi chín muồi về kinh nghiệm, bản lĩnh và đặc biệt rất tâm huyết với sự nghiệp xây dựng Công ty SAVICO không ngừng phát triển để tiếp nối những thành công mà đội ngũ lãnh đạo tiền nhiệm đã dày công xây dựng.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Giai đoạn 2015-2017:

Giai đoạn tái cấu trúc toàn hệ thống, chuyển đổi mô hình kinh doanh.

Huy động vốn từ nhà đầu tư chiến lược để phát triển các ngành nghề kinh doanh chủ lực của Công ty cũng như củng cố, tăng cường năng lực cạnh tranh, kinh nghiệm quản lý và phát triển dịch vụ để phát triển mạnh SAVICO, từng bước hướng đến các thị trường khu vực; nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng quy mô vốn hoá, gia tăng tính thanh khoản của cổ phiếu Công ty đáp ứng các yêu cầu của cổ đông, nhà đầu tư.

- Thực hiện tái cấu trúc ngành hàng ô tô, mở rộng phát triển đại lý tại các khu vực tiềm năng, chuẩn bị sẵn sàng các nguồn lực phát triển.
- Củng cố và phát triển các đại lý xe gắn máy sau quá trình tái cơ cấu.
- Xây dựng các liên minh chiến lược với các đối tác đáng tin cậy.
- Tập trung phát triển hệ thống các trung tâm thương mại, văn phòng/ mặt bằng cho thuê, tạo nguồn thu ổn định, bền vững.

Giai đoạn 2018-2020:

Tạo chuyển biến mạnh trong tăng trưởng doanh thu và hiệu quả, khẳng định tính chuyên nghiệp trong hoạt động đầu tư, nâng cao uy tín thương hiệu trong nước, khu vực và quốc tế. Mục tiêu đến năm 2020: Doanh thu hợp nhất toàn hệ thống đạt tối thiểu 15.000 tỷ đồng, Lợi nhuận sau thuế đạt tối thiểu 200 tỷ đồng, trong đó Lợi nhuận thuộc cổ đông Công ty mẹ đạt tối thiểu 125 tỷ đồng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Chiến lược phát triển của lĩnh vực dịch vụ - thương mại:

Mục tiêu chiến lược 2015 - 2020 đối với hệ thống dịch vụ - thương mại ô tô:

- Giữ vững vị thế là nhà phân phối ô tô số 1 tại Việt Nam với thị phần toàn hệ thống đạt tối thiểu 10% tổng thị

trường xe ô tô Việt Nam đến năm 2020.

- Phát triển lĩnh vực dịch vụ ô tô, cùng các dịch vụ gia tăng tiện ích cho khách hàng; Lợi nhuận gộp dịch vụ đủ bù đắp 100% chi phí hoạt động của bộ phận dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư với mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt từ 15% - 17% / năm.

Mục tiêu chiến lược 2015 – 2020 đối với hệ thống dịch vụ - thương mại xe gắn máy:

- Tập trung củng cố nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo đà phát triển hệ thống xe máy SAVICO với các thương hiệu lớn như: Honda, Yamaha...
- Phát triển lĩnh vực dịch vụ xe máy, cùng các dịch vụ gia tăng tiện ích cho khách hàng; Đến năm 2018, lợi nhuận gộp dịch vụ đủ bù đắp 100% tổng chi phí hoạt động của doanh nghiệp.
- Tập trung nâng cao hiệu quả đầu tư với mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2015 đạt từ 5% - 10%; Giai đoạn 2016 – 2020 đạt từ 12% - 15% / năm.

Mục tiêu chiến lược 2015 – 2020 đối với lĩnh vực dịch vụ bất động sản:

SAVICO sẽ thành lập Công ty đầu tư bất động sản hoạt động độc lập, không hòa lẫn vào hoạt động của công ty mẹ; thực hiện đầu tư vốn vào các tài sản BĐS, các khu đất tiềm năng, tạo dựng giá trị gia tăng cho BĐS và hiện thực hóa lợi nhuận khi điều kiện thuận lợi. Sản phẩm chủ lực của Công ty bao gồm:

- Trung tâm thương mại (showroom, shopping mall, Nhà hàng tiệc cưới/hội nghị, ...)
- Văn phòng cho thuê (bao gồm các cao ốc, mặt bằng, tòa nhà vừa và nhỏ).
- Căn hộ Dịch vụ - Khách sạn
- Các sản phẩm nhà ở thì tùy vào dự án, SAVICO có thể xem xét đầu tư phát triển.

Mục tiêu đến năm 2020:

- SAVICO được thị trường công nhận là 1 nhà đầu tư bất động sản có uy tín, thương hiệu tại thị trường Việt Nam. Hệ thống bất động sản của SAVICO có mặt ở hầu hết các Thành phố lớn của đất nước.

- Tỷ suất lợi nhuận hàng năm đạt từ mức bình quân của nền kinh tế trở lên.
- Ngành bất động sản trở thành 1 ngành kinh doanh chủ lực của Công ty, góp phần đem lại 50% cơ cấu lợi nhuận ổn định hàng năm của công ty.
- Hội nhập khu vực khi có điều kiện thuận lợi.

ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Mục tiêu đối với môi trường

SAVICO luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống và tương lai của nhân loại. Các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của SAVICO không chỉ bảo đảm chất lượng tốt mà còn có nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên.

Với mục tiêu luôn hướng tới hình ảnh của một công ty thân thiện với môi trường, SAVICO luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát các tác động có hại đến môi trường bằng cách:

- Cam kết tuân thủ chặt chẽ Luật Môi trường Việt Nam.
- Tăng cường kiểm soát, quản lý các vấn đề liên quan đến môi trường nhằm ngăn ngừa ô nhiễm và những tác động đáng kể đến môi trường bằng các biện pháp:
 - Tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và nước sinh hoạt;
 - Xử lý rác và nước thải;
 - Tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên;
- Nâng cao nhận thức cho toàn thể nhân viên thông qua đào tạo kiến thức về công tác bảo vệ môi trường và chính sách này được phổ biến rộng rãi đến toàn thể CBNV Công ty để mọi người thấu hiểu và đều có trách nhiệm bảo vệ môi trường.

Trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng

Trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng trước hết phải kể đến chính là trách nhiệm và nghĩa vụ mang đến cuộc sống ấm no cho đội ngũ hơn 2.500 người lao động đang công tác tại hơn 20 đơn vị thành viên trong hệ thống trên toàn quốc:

- Quan tâm các chính sách đãi ngộ, chính sách khen thưởng, chính sách đào tạo cho người lao động làm nền tảng cho công tác xây dựng đội ngũ trong toàn hệ thống.
- Chăm lo đời sống tinh thần như: tổ chức khám sức khoẻ định kỳ; an toàn lao động trong quá trình công tác; tổ chức tham quan du lịch; Thăm hỏi, hỗ trợ, giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn trong hệ thống, các trường hợp bệnh tật hiểm nghèo, ... giúp người lao động yên tâm công tác, gắn bó với công ty.
- Đóng góp cho các hoạt động xã hội, từ thiện, quỹ vì người nghèo, quỹ phòng chống thiên tai, bão lụt, ...
- Tham gia các chương trình tài trợ học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo, chung tay cùng cộng đồng vươn mình cho các tài năng trẻ - đây chính là những nhân tố, những đội ngũ kế thừa của Việt Nam trong tương lai.

Những hoạt động này được xem là hết sức thiết thực và ý nghĩa, không chỉ góp phần cùng xã hội hướng đến mục tiêu chung là xây dựng một xã hội phồn vinh, một đất nước Việt Nam giàu đẹp và vững mạnh; mà còn là động lực để tập thể SAVICO không ngừng phấn đấu và hoàn thiện, hướng đến sự phát triển ổn định và bền vững.

CÁC RỦI RO



Công ty SAVICO luôn chú trọng và không ngừng nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro nhằm tăng cường tính minh bạch trong hoạt động của một công ty đại chúng, gia tăng hiệu quả kinh doanh và đảm bảo sự phát triển bền vững của hệ thống Công ty. Hoạt động quản lý rủi ro đã được xây dựng, triển khai từ nhiều năm qua và được tiếp tục hoàn thiện, nâng cao nhận thức và hình thành văn hóa quản trị rủi ro từ cấp Lãnh đạo cho đến toàn thể Cán bộ nhân viên, từ Công ty mẹ cho đến các công ty thành viên trong hệ thống, song song với việc thiết lập các cơ chế, chính sách, quy chế, quy định, nhân lực... phục vụ cho công tác kiểm tra - kiểm soát, phòng ngừa rủi ro.

Công ty xác định các rủi ro chính yếu để xây dựng và triển khai các giải pháp phòng ngừa, bao gồm:

CÁC RỦI RO VĨ MÔ

Các sản phẩm kinh doanh chính của Công ty như ô tô, xe gắn máy, dịch vụ bất động sản chịu tác động trực tiếp và mạnh mẽ từ các chính sách liên quan đến thuế, phí, tỷ giá, lãi suất, nền công nghiệp ô tô, xe gắn máy... Bên cạnh đó,

những bất ổn của tình hình kinh tế - chính trị trong khu vực và thế giới cũng có ảnh hưởng nhất định đến tình hình kinh doanh của Công ty.

Để quản lý các rủi ro này, hoạt động theo dõi, phân tích, đánh giá và dự báo các diễn biến của môi trường kinh tế - chính trị trong nước và thế giới, công tác điều hành của Chính phủ, các chính sách của nhà nước với các ngành nghề hoạt động có liên quan đến Công ty luôn được chú trọng. Đồng thời, các đơn vị trong hệ thống cũng luôn theo dõi, bám sát những biến động này để tận dụng tối đa các cơ hội cũng như giảm thiểu các tác động tiêu cực.

Là doanh nghiệp kinh doanh có tỷ trọng doanh thu cao từ ngành ô tô, phần lớn là ô tô lắp ráp trong nước; Công ty đã sớm có phương án điều chỉnh hoạt động kinh doanh này cho phù hợp để giảm thiểu những tác động bất lợi cũng như tận dụng được những cơ hội của việc cắt giảm thuế nhập khẩu ô tô nguyên chiếc từ các nước ASEAN về Việt Nam theo lộ trình gia nhập AFTA.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro chiến lược:

Việc xác định được chiến lược kinh doanh cho riêng mình để phát huy các giá trị nền tảng, lợi thế nhằm đạt các mục tiêu đề ra là rất quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp. Rủi ro liên quan đến chiến lược mà SAVICO có thể gặp phải là đưa ra chiến lược hoạt động không phù hợp, sai sót trong quá trình triển khai ý đồ chiến lược và không điều chỉnh chiến lược kịp thời trong môi trường kinh doanh không ngừng thay đổi.

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực của yếu tố rủi ro này, việc xây dựng chiến lược cũng như mục tiêu tầm nhìn của Công ty được dựa trên giá trị nền tảng và hướng đến giá trị an toàn, bền vững. Ngoài việc xây dựng các mục tiêu trung - dài hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm để cụ thể hoá chiến lược, Công ty cũng thực hiện công tác giám sát, đánh giá thường xuyên nhằm đảm bảo hoạt động theo sát chiến lược để ra cũng như điều chỉnh kịp thời mục tiêu khi có thay đổi.

Rủi ro về con người:

Các rủi ro mà SAVICO có thể gặp phải là rủi ro biến động đội ngũ quản lý cấp cao; sai sót trong quá trình điều hành, ra quyết định; năng suất làm việc của người lao động không thể hiện hết khả năng, chưa tương xứng với các chế độ được hưởng.

Xác định con người là nhân tố trọng tâm, quyết định sự thành công của doanh nghiệp, Công ty chú trọng đến tính hài hoà giữa lợi ích của Công ty, Cổ đông với lợi ích của người lao động nhằm thu hút và giữ chân người tài, khuyến khích sự đóng góp của người lao động vào sự phát triển, gia tăng lợi nhuận cho Công ty. Quy trình quy hoạch nhân sự, đào tạo, đánh giá và bổ nhiệm ngày càng được chuẩn hóa và đã được triển khai trong toàn hệ thống; Quyền lợi của người lao động, các phúc lợi, chế độ khen thưởng được hưởng luôn gắn với trách nhiệm và mức độ đóng góp cho hoạt động của Công ty...

RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro thanh khoản, rủi ro thanh toán, rủi ro tín dụng (công nợ, các khoản ứng vốn, tín dụng...) là những rủi ro hiện hữu trong hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và của hệ thống SAVICO nói riêng.

Để quản lý các rủi ro về tài chính, Công ty đã thực hiện các giải pháp sau:

- Tập trung cho công tác dự báo, đánh giá thị trường để xác định mức tồn kho và công nợ phải thu hợp lý, qua đó xây dựng các chính sách bán hàng phù hợp; xây dựng các quy định ràng buộc trách nhiệm chặt chẽ trong các hợp đồng kinh tế, các quy định về thời gian thanh toán, chậm trả đồng thời tổ chức theo dõi sát tình hình công nợ để kịp thời thu hồi hoặc có hình thức xử lý trách nhiệm liên quan.
- Công tác xây dựng các cơ chế, chính sách, quy chế, quy định... nhằm quản lý rủi ro tài chính đã được Công ty thực hiện như: đã ban hành Quy chế quản lý đầu tư lĩnh vực Dịch vụ Tài chính, Quy chế quản lý tài chính, các tài liệu hướng dẫn công tác kiểm tra - kiểm soát, thẩm định các dự án đầu tư...
- Thực hiện định kỳ các báo cáo tình hình tài chính của Công ty mẹ và các đơn vị trong hệ thống thông qua các chỉ tiêu tài chính an toàn và bền vững, xếp hạng định mức tín dụng riêng cho hệ thống dựa trên bộ chỉ tiêu đánh giá rủi ro của Tổng Công ty Bến Thành và các tổ chức đánh giá, xếp hạng tín dụng có uy tín của quốc tế.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2014

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ban Điều hành Công ty và cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống đã thường xuyên tập trung đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh. Kết quả:

- Doanh thu hợp nhất năm 2014 đạt 7.939 tỷ đồng, vượt 13% kế hoạch, tăng 20,4% so với cùng kỳ. Doanh thu hợp cộng toàn hệ thống đạt 10.170 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ. Doanh thu tăng chủ yếu do lượng xe ô tô tiêu thụ toàn hệ thống tăng 27% so với năm 2013 và nguồn thu từ các dự án bất động sản.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 118,6 tỷ đồng, vượt 32% kế hoạch, tăng tới 40% so với cùng kỳ, hợp cộng toàn hệ thống ước thực hiện 139 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ. Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại tiếp tục giữ vai trò chủ đạo trong cơ cấu hiệu quả, chiếm gần 70% trong tổng lợi nhuận, lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản và Tài chính duy trì hiệu quả ổn định, góp phần giữ mức tăng trưởng cho Công ty.

LĨNH VỰC DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

Hệ thống Dịch vụ thương mại Ô tô:

- Trong bối cảnh thị trường ô tô Việt Nam có nhiều thuận lợi, lượng xe tiêu thụ toàn hệ thống ô tô SAVICO năm 2014 tăng 27% so với năm 2013, giữ được mức tăng trưởng ổn định theo từng quý ngay cả tại chu kỳ mua sắm thấp điểm trong năm (quý 3). Đây là tín hiệu tích cực khi hệ thống ô tô SAVICO đang tập trung mở rộng mạng lưới phân phối tại các vùng thị trường ở các tỉnh.
- Thị phần năm 2014 của hệ thống ô tô SAVICO trong Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA) chiếm 9,7%, giảm 0,6 điểm % so với cuối năm 2013, do vùng thị trường trọng điểm của hệ thống ô tô SAVICO là tại các thành phố lớn, trong khi các thương hiệu lớn như Toyota, Ford tập trung gia tăng thị phần tại các vùng thị trường ở các tỉnh.
- Tuy vậy, hệ thống SAVICO vẫn khẳng định vị thế là nhà phân phối ô tô số 1 Việt Nam; Đồng thời luôn giữ vững

thị phần dẫn đầu đối với từng nhà sản xuất liên tục trong các năm qua.

- Doanh thu của toàn hệ thống ô tô SAVICO năm 2014 tăng trưởng 24% so với 2013;

Toàn hệ thống ô tô SAVICO đã tập trung phát triển hoạt động dịch vụ làm nền tảng để ổn định và nâng cao hiệu quả đầu tư, duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu dịch vụ trong năm 2014 tăng 20% so với 2013, đạt được mục tiêu đề ra.

Do thị trường có nhiều thuận lợi, công tác quản trị điều hành được kiểm soát tốt, toàn hệ thống ô tô SAVICO có mức tăng trưởng tốt về lợi nhuận trước thuế, tăng 40% so với 2013; Mức sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2014 là 20,7%, đạt được mục tiêu đề ra.

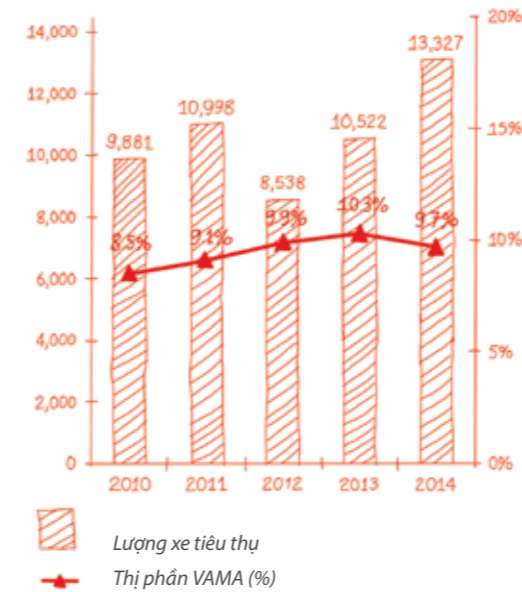
Hệ thống Dịch vụ thương mại Xe máy:

Sau thời gian dài trầm lắng, sức mua của thị trường xe máy có dấu hiệu cải thiện trong những tháng cuối năm 2014, tuy vậy, sự tăng trưởng chưa đồng bộ, chỉ tập trung ở một số phân khúc và thương hiệu lớn. Các đơn vị xe máy trong hệ thống SAVICO cũng đã trải qua một năm đầy khó khăn với nhiều biến động.

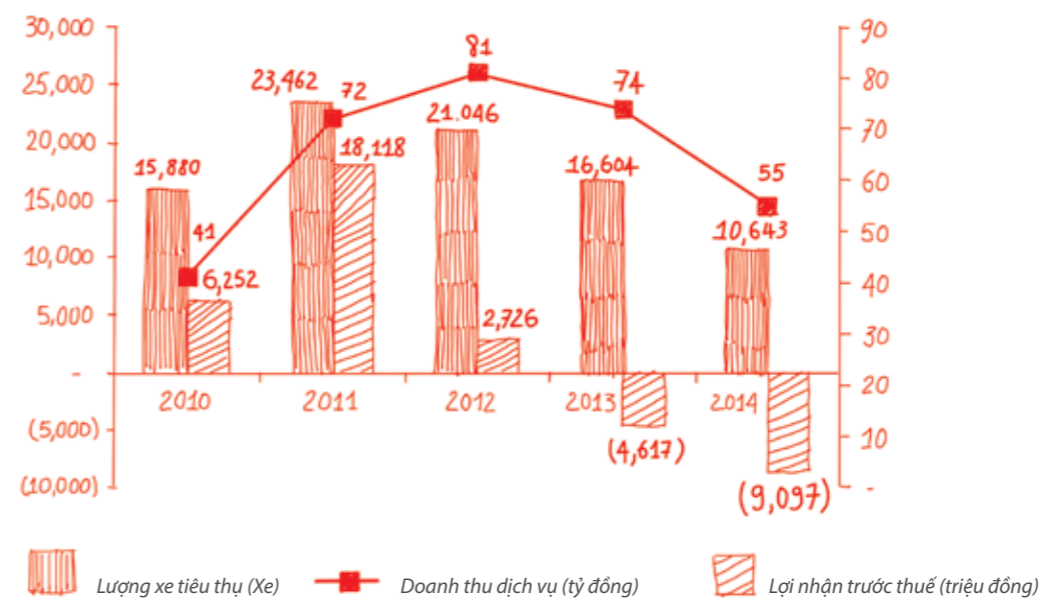
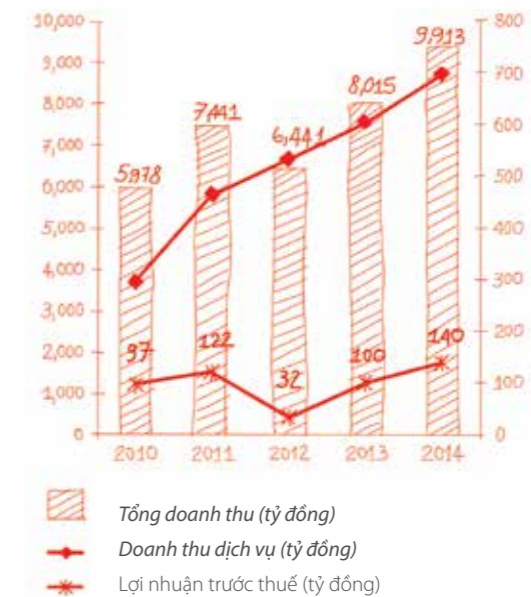
Trong năm 2014, toàn hệ thống xe máy SAVICO đã tập trung các giải pháp tái cấu trúc hệ thống, tăng cường quản trị điều hành, kiểm soát chi phí hoạt động, thu hẹp hoạt động hoặc đóng cửa các điểm kinh doanh không còn triển vọng phát triển nhằm nỗ lực vượt qua giai đoạn khó khăn của thị trường; Lượng xe tiêu thụ toàn hệ thống xe máy SAVICO giảm 36% so với 2013.

Mặc dù hệ thống xe máy SAVICO vẫn tập trung phát triển hoạt động dịch vụ, nhưng do hoạt động bán xe suy giảm mạnh đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động dịch vụ, doanh thu dịch vụ năm 2014 giảm 26% so với 2013.

Thị trường xe máy vẫn còn nhiều khó khăn trong năm 2014 đã ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả kinh doanh của hệ thống xe máy SAVICO, đây cũng là năm thứ 2 hệ thống xe máy SAVICO không có lợi nhuận.



Biểu đồ các thông số ngành ô tô



Biểu đồ các thông số ngành xe gắn máy



HỆ THỐNG DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI KHÁC

Công ty ComfortDelgro SAVICO Taxi: Đã tiến hành di dời văn phòng, bến bãi sang địa điểm mới (384 Phạm Văn Đồng, quận Thủ Đức) vào tháng 11/2014, giúp tiết kiệm một khoản chi phí thuê mặt bằng. Hoạt động kinh doanh taxi có nhiều cải thiện về chất lượng phục vụ khách hàng, tỷ lệ xe hoạt động duy trì ở mức cao và ổn định trên 95%. Tuy nhiên do là giai đoạn đầu của chu kỳ đầu tư mới đoàn xe nên chi phí đầu tư đã ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh.

Trung tâm thương mại SAVICO MegaMall (SMM): Hoạt động kinh doanh trong năm 2014 đang phát triển theo hướng tích cực và bắt đầu có lãi do đơn vị đã chủ động, linh hoạt trong việc khai thác mặt bằng, tận dụng các hành lang, lối đi để nâng cao tỷ lệ hoạt động, đạt trên 90%; Kiểm tra, rà soát chặt chẽ các khoản chi phí hoạt động, các khoản chi phí marketing, chi phí lãi vay giảm mạnh so với năm 2013.

Công ty Cổ phần ÔtôS: Đã cho ra đời website: www.OtoS.vn vào tháng 12/2014 với mục tiêu giúp cho việc mua bán, trao đổi và sử dụng ô tô trở nên dễ dàng, thuận lợi và đáng tin cậy hơn trên nền tảng internet. Cung cấp cho khách hàng một trải nghiệm hoàn toàn mới, từ lúc tìm kiếm một chiếc xe phù hợp với nhu cầu sử dụng, đến quá trình sử dụng xe và phát sinh nhu cầu đổi xe mới.

Lĩnh vực dịch vụ Bất động sản:

Trước tình hình thị trường Bất động sản còn khó khăn, Công ty tiếp tục giữ vững và gia tăng nguồn thu ổn định, đẩy nhanh tiến độ vốn hóa các dự án trọng điểm. Cụ thể:

- Khối Trung tâm thương mại: tiếp tục các hoạt động cho thuê, kinh doanh ổn định tại TTTM Đà Nẵng; Riêng TTTM

SAVICO Cần Thơ tiếp tục tìm kiếm khách thuê mới.

- Khối Văn phòng, mặt bằng cho thuê, dịch vụ thương mại khác: Tiếp tục duy trì hiệu quả khai thác ổn định. Các mặt bằng được đưa vào khai thác 100% với giá được điều chỉnh tăng phù hợp với tình hình thị trường.
- Hoạt động vốn hoá các dự án: đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại dự án 115 - 117 Hồ Tùng Mậu; ký thỏa thuận hợp tác dự án 104 Phố Quang; có chủ trương chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại dự án Quốc lộ 13; đang đàm phán với các đối tác trong việc hợp tác thực hiện các dự án 66 - 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa.

Lĩnh vực dịch vụ tài chính:

Trong năm 2014, bên cạnh việc tìm kiếm cơ hội để thoái vốn tại các khoản đầu tư kém hiệu quả, lĩnh vực Dịch vụ Tài chính chỉ tham gia đầu tư hạn chế vào danh mục mới với các chỉ số cơ bản và thanh khoản tốt, tránh rủi ro.

Trong năm, lĩnh vực đã thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Merufa với giá cao hơn 50% so với dự kiến, thu về cho Công ty 1,65 tỷ đồng. Kế hoạch chuyển nhượng cổ phiếu Bảo Hiểm Toàn Cầu chậm hơn dự kiến do chưa tìm được nhà đầu tư phù hợp.

Cổ phiếu VTH – thuộc danh mục đầu tư của SAVICO đã được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 29/10/2014. Thị giá của cổ phiếu này hiện đang cao hơn so với giá vốn đầu tư bình quân của SAVICO.

Toàn bộ danh mục đầu tư của lĩnh vực tại thời điểm 31/12/2014 đã được trích dự phòng đầy đủ, giá trị tài sản sau khi trích lập dự phòng là 44,8 tỷ đồng, chiếm 3,5% trong cơ cấu tổng tài sản của Công ty mẹ tại cùng thời điểm.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tình hình triển khai các dự án phát triển hệ thống đối với lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại:

Các đơn vị

Các đơn vị Ford	Tình hình triển khai
3S Bình Dương Ford	Khai trương ngày 22/01/2015
3S Cần Thơ Ford	Đã chính thức khai trương, hoạt động từ ngày 30/05/2014
3S Phổ Quang (Sài Gòn Ford)	Khai trương ngày 22/01/2015
2S Gia Lai Ford	Đã chính thức khai trương, hoạt động từ ngày 23/05/2014
Sài Gòn Ford	Đã hoàn thành nâng cấp
Bến Thành Ford	Đã hoàn thành nâng cấp
Các đơn vị Toyota	
2S Hải Dương (Toyota Long Biên)	Chính thức đi vào hoạt động từ ngày 14/05/2014.
Các đơn vị khác	
3S Hyundai Gia Lai (Hyundai Sông Hàn)	Tiếp tục xây dựng các hạng mục hoàn thiện. Dự kiến hoạt động từ tháng 03/2015
3S Chevrolet Cần Thơ	Khai trương và đi vào hoạt động đầu tháng 12/2014

Đối với lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

Trong năm 2014, Công ty đã tập trung đầu tư vào một số dự án để nhanh chóng đưa vào khai thác kinh doanh; thoái vốn ở một số dự án để tái cơ cấu lại hoạt động kinh doanh của lĩnh vực bất động sản.

Dự án Hiệp Bình Phước - Tam Bình: Trong năm 2014 đã nhận góp vốn thêm 13 nền nâng tổng số đã nhận góp vốn được 50 nền/tổng cộng 60 nền nhà của khu nhà liên kế.

Dự án 277-279 Lý Tự Trọng: Đã thi công hoàn thành phần móng và sàn tầng hầm 1, đang chuẩn bị triển khai xây dựng phần thân công trình.

Dự án 104 Phố Quang: ký Thỏa thuận hợp tác với Novaland để phát triển khu đất 6.500 m², đã thu tiền đợt 1 là 40 tỷ đồng; Khu đất 2.500 m² còn lại được triển khai hợp tác với SaiGonFord và đã thu 25 tỷ đồng.

Dự án Trung tâm tiệc cưới Melisa: hoàn thành đầu tư xây dựng vào cuối tháng 9/2014, đưa vào khai thác kinh doanh trong tháng 10/2014, phần vốn góp của SAVICO là 30%.

Dự án CN4.3 Nam Sài Gòn: Hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng dự án cho đối tác, doanh thu 76,4 tỷ đồng và lợi nhuận thu được 21,5 tỷ đồng;

Dự án 115-117 Hồ Tùng Mậu: ký kết hợp đồng chuyển nhượng 25% phần vốn còn lại trong dự án.

TTTM SAVICO Đà Nẵng: chuyển nhượng toàn bộ trung tâm đang khai thác cho Công ty Cổ phần SAVICO Đà Nẵng.

Dự án Quốc lộ 13: Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt chủ trương chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại dự án Quốc lộ 13 nhằm thu hồi vốn để tập trung phát triển các dự án trọng điểm khác.

Thông tin chi tiết các dự án xin xem thêm trong phần Danh sách các dự án thuộc lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2013	NĂM 2014	% TĂNG GIẢM
Tổng giá trị tài sản	2.805.816	2.638.603	-6,0%
Vốn chủ sở hữu	741.610	754.603	1,8%
Tổng vay nợ	980.500	810.206	-17,4%
Doanh thu thuần	6.582.366	7.930.242	20,5%
Chi phí lãi vay	88.158	64.142	-27,2%
Lợi nhuận từ HĐKD	38.569	91.638	137,6%
Lợi nhuận khác	42.183	18.259	-56,7%
Lợi nhuận từ các Công ty LDLK	3.960	8.751	121,0%
Lợi nhuận trước thuế	84.711	118.648	40,1%
Lợi nhuận sau thuế	61.120	87.781	43,6%
Lợi nhuận thuộc cổ đông Công ty mẹ	41.172	51.808	25,8%
Tỷ lệ cổ tức	12%	12%	0,0%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU	NĂM 2013	NĂM 2014	GHI CHÚ
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,84	0,88	cải thiện
Hệ số thanh toán nhanh	0,53	0,52	giảm nhẹ
2. Hệ số về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,67	0,63	cải thiện
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	2,55	2,21	cải thiện
Hệ số nợ vay/ Tổng tài sản	0,35	0,31	cải thiện
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	2,35	3,01	cải thiện
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	0,6%	0,7%	cải thiện
Hệ số LNST/ Vốn chủ sở hữu	1,5%	2,0%	cải thiện
Hệ số LNST/ Tổng tài sản	5,6%	6,9%	cải thiện

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông (theo danh sách cổ đông chốt ngày 05/03/2015)

STT	PHÂN LOẠI CỔ ĐÔNG	KHỐI LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ NẪM GIỮ (%)	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	
					TỔ CHỨC	CÁ NHÂN
1	Cổ đông Nhà Nước	10.192.823	40,78%	1	1	-
2	HĐQT, BGĐ, BKS, KTT	763.945	3,06%	8		8
3	Cổ đông trong nước	10.050.205	40,20%	1.836	58	1.778
4	Cổ đông nước ngoài	3.968.534	15,88%	54	11	43
5	Cổ phiếu quỹ	20.066	0,08%	1	1	
	Tổng cộng	24.995.573	100,00	1.900	71	1.829

Danh sách cổ đông lớn

STT	CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CP SỞ HỮU	TỶ TRỌNG
1	Tổng Công ty Bến Thành	27 Nguyễn Trung Trực, Q.1, TP. HCM	10.192.823	40,78%
2	Jom Silkkitie Investment Fund	Puna Vuorenkatu 2A A 00120 Helsinki, Finland.	2.450.000	9,80%

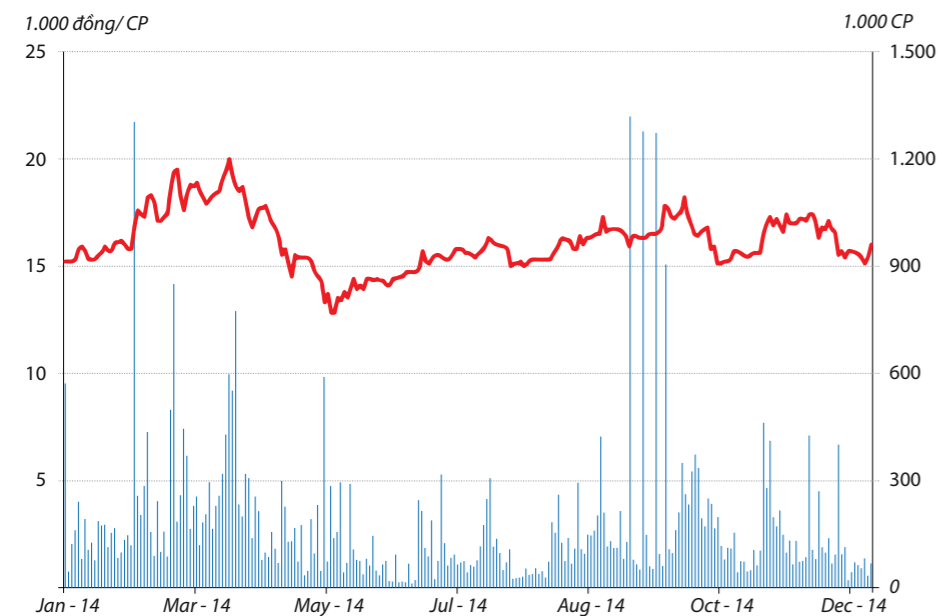
Tỷ lệ sở hữu của thành viên HĐQT, Ban TGD, KTT người được uỷ quyền công bố thông tin (theo danh sách cổ đông chốt ngày 05/03/2015)

HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ CP SỞ HỮU	%
1. Nguyễn Vĩnh Thọ	Chủ tịch HĐQT	550.062	2,201%
2. Nguyễn Bình Minh	Phó Chủ tịch HĐQT	67.900	0,272%
3. Tạ Phước Đạt	Thành viên HĐQT	27.726	0,111%
4. Tế Trí Dũng	Thành viên HĐQT	-	0,000%
5. Võ Hiến	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	77.673	0,311%
6. Lê Hùng	Thành viên HĐQT	-	0,000%
7. Lương Quang Hiến	Thành viên HĐQT	-	0,000%
8. Mai Việt Hà	Tổng Giám đốc	7.800	0,031%
9. Đoàn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc Người được UQ CBTT	30.023	0,120%
10. Nguyễn Thu Nga	Phó Tổng Giám đốc	2.605	0,010%
11. Nguyễn Việt Hoà	Trưởng BKS	-	0,000%
12. Nguyễn Công Bình	Thành viên BKS	156	0,001%
13. Nguyễn Thái Hoà	Thành viên BKS	-	0,000%
14. Ngô Văn Danh	Kế toán trưởng	0	0,000%

Thông tin cổ phiếu

THỐNG KÊ CỔ PHIẾU TRONG NĂM 2014	ĐVT	SỐ LIỆU
Giá ngày 31/12/2014	đồng/ CP	15.000
Giá ngày 31/12/2013	đồng/ CP	16.000
Giá cao nhất trong năm	đồng/ CP	20.300
Giá thấp nhất trong năm	đồng/ CP	12.300
Tổng khối lượng giao dịch	CP	43.764.640
Khối lượng giao dịch bình quân/ phiên	CP/ phiên	177.185
Khối lượng CP niêm yết	CP	24.995.573
Khối lượng CP lưu hành	CP	24.975.507
Tổng giá trị vốn hoá thị trường (ngày 31/12/14)	tỷ đồng	399,9
Tổng giá trị sổ sách của Công ty (ngày 31/12/14)	tỷ đồng	754,6
EPS (2014)	đồng/ CP	2.074
P/E (31/12/2014)	lần	7,2
P/B (31/12/2014)	lần	0,5
Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (31/12/14)	%	14,61%
Tỷ lệ sở hữu của cổ đông Nhà nước (31/12/14)	%	40,78%

Diễn biến giá đóng cửa và khối lượng giao dịch trong năm 2014:



Giao dịch cổ phiếu quỹ

Trong năm, Công ty không thực hiện giao dịch cổ phiếu quỹ. Tổng số cổ phiếu quỹ tại thời điểm 31/12/2014 là 20.066 cổ phiếu.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH LAO ĐỘNG

Hệ thống SAVICO có tổng số 2.509 lao động (đã bao gồm lao động là tài xế Taxi), Tuổi đời trung bình của người lao động tại hệ thống SAVICO 33,5 tuổi, độ tuổi dưới 30 tuổi chiếm 49,9 % trên tổng số lao động. Trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên chiếm 55,7% trên tổng số lao động.

NĂM	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Tổng số lao động	1.662	1.915	2.156	2.348	2.508	2.509
Độ tuổi của CB-CNV						
Từ 18 tuổi đến 30 tuổi	479	1132	1132	1280	1231	1251
Từ 31 tuổi đến 45 tuổi	287	804	804	836	1013	1008
Từ 46 tuổi đến 60 tuổi	135	220	220	232	264	250
Giới tính						
Nữ	304	391	446	494	503	515
Nam	1.358	1.524	1.710	1.854	2.005	1.994
Tổng lao động	1.662	1.915	2.156	2.348	2.508	2.509
Trình độ chuyên môn của CB-CNV toàn Công ty						
Đại học trở lên	494	535	627	784	786	820
Cao đẳng - Trung cấp	296	461	521	588	610	636
THPT	698	735	806	830	1011	962
THCS	174	184	202	146	101	91
CỘNG	1.662	1.915	2.156	2.348	2.508	2.509



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Xây dựng nguồn nhân lực có khả năng đáp ứng được quá trình phát triển kinh doanh của công ty và cả hệ thống là mục tiêu quan trọng của Công ty Cổ phần SAVICO. Trong năm 2014, toàn hệ thống SAVICO chú trọng phát triển nguồn nhân lực nội bộ và đội ngũ kế thừa, các đơn vị đã triển khai thực hiện công tác quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn 2013-2015 và đến năm 2020, đến nay có 176 cán bộ đã quy hoạch quản lý cấp trung và cấp cao.

Bên cạnh việc xây dựng đội ngũ nhân lực làm việc với tinh thần tận tâm với công việc, có ý thức tự đào tạo, có khả năng kết hợp với các đồng nghiệp để tạo ra giá trị mới cho hệ thống SAVICO. Năm qua, các doanh nghiệp đã tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực từ bên ngoài là 258 lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu để ra. Lao động mới bố trí làm việc trực tiếp kinh doanh và dịch vụ kỹ thuật chiếm tỷ lệ 78%, trong đó, ngành hàng kinh doanh ô tô chiếm tỷ lệ 71%, các đơn vị tuyển dụng lao động đúng theo mục tiêu là tập trung cho khối kinh doanh và dịch vụ để gia tăng doanh thu và phát triển dịch vụ.

Về đào tạo, bồi dưỡng, SAVICO tổ chức khóa đào tạo Giám đốc điều hành nâng cao dành cho 30 cán bộ đã được quy hoạch quản lý cấp cao; đã cử 08 CBNV tham gia các khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn; Các doanh nghiệp trong hệ thống cũng áp dụng chính sách đào tạo cho 276 lượt lao động, trong đó, các đơn vị cử đi đào tạo theo chương trình của nhà cung cấp chiếm tỷ lệ 71,7% trên tổng số CBNV được cử đi đào tạo, chủ yếu các khóa học về kỹ năng bán hàng và kỹ thuật (sửa chữa chung, đồng, sơn, cố vấn dịch vụ).

Chế độ tiền lương, thưởng và phúc lợi của SAVICO và các đơn vị trong hệ thống gắn liền với kết quả kinh doanh, chuyên môn và chất lượng dịch vụ của mỗi nhân viên; tương xứng với công sức, trách nhiệm và hiệu quả lao động; đảm bảo thu nhập của CBNV có tính cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành nghề. Hệ thống SAVICO thực hiện đầy đủ các chính sách chế độ theo Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể như Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, trang bị đồng phục và bảo hộ lao động, hỗ trợ ăn trưa, tham quan du lịch, khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm

tai nạn con người, trợ cấp ốm đau, quà tặng cưới hỏi... thực hiện chế độ khen thưởng nhân dịp các ngày lễ tết Nguyên đán, lễ 30/4, 2/9, kỷ niệm ngày thành lập công ty tùy theo kết quả kinh doanh.

Các đơn vị trong hệ thống tích cực thay đổi cơ chế quản lý thúc đẩy hoạt động kinh doanh và xây dựng tinh thần đoàn kết gắn bó trong đội ngũ nhân viên, quan tâm xây dựng môi trường làm việc và tạo điều kiện cho nhân viên thể hiện giá trị đóng góp cho sự nghiệp phát triển của đơn vị. Các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao, ngày hội gia đình, sinh hoạt câu lạc bộ ngành nghề chuyên môn,... luôn được duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động, tạo điều kiện cho toàn thể nhân viên trong hệ thống SAVICO gặp gỡ giao lưu, học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm.

Tổ chức khen thưởng và tôn vinh 03 doanh nhân thành phố Hồ Chí Minh tiêu biểu; doanh nhân SAVICO tiêu biểu 18 người; 08 CBNV đạt giải thưởng hội thi tay nghề do nhà cung cấp tổ chức năm 2014; Đã đề nghị cấp trên khen thưởng 12 đơn vị/bộ phận đã đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc.

Năm 2014, SAVICO và các đơn vị trong hệ thống tiếp tục tập trung đầu tư vào công tác phát triển nguồn nhân lực giỏi, đào tạo đội ngũ Quản trị viên cấp cao và cấp trung đáp ứng cho nhu cầu phát triển chiến lược kinh doanh của công ty và các đơn vị trong hệ thống.

CÁC THAY ĐỔI TRONG ĐỘI NGŨ BAN ĐIỀU HÀNH

Đầu năm 2014, Ông Nguyễn Vĩnh Thọ thôi kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám Đốc Công ty để tập trung cho các nhiệm vụ liên quan với vai trò là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Bên cạnh đó, Bà Hoàng Thị Thảo cũng thôi giữ nhiệm vụ Kế toán trưởng do đến tuổi nghỉ hưu. Thành viên Ban điều hành của Công ty có một số thay đổi kể từ ngày 08/01/2014 như sau:

Ông **NGUYỄN BÌNH MINH** được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ông **ĐOÀN VĂN QUANG** được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác Nghiên cứu phát triển và Chiến lược của Công ty.

Bà **NGUYỄN THU ANH** được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác Hành chính và Sự kiện của Công ty.

Ông **NGÔ VĂN DANH** được bổ nhiệm vị trí Kế toán trưởng của Công ty.

Đến đầu năm 2015, Thành viên Ban điều hành của Công ty có một số thay đổi kể từ ngày 19/01/2015 như sau:

Ông **MAI VIỆT HÀ** được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

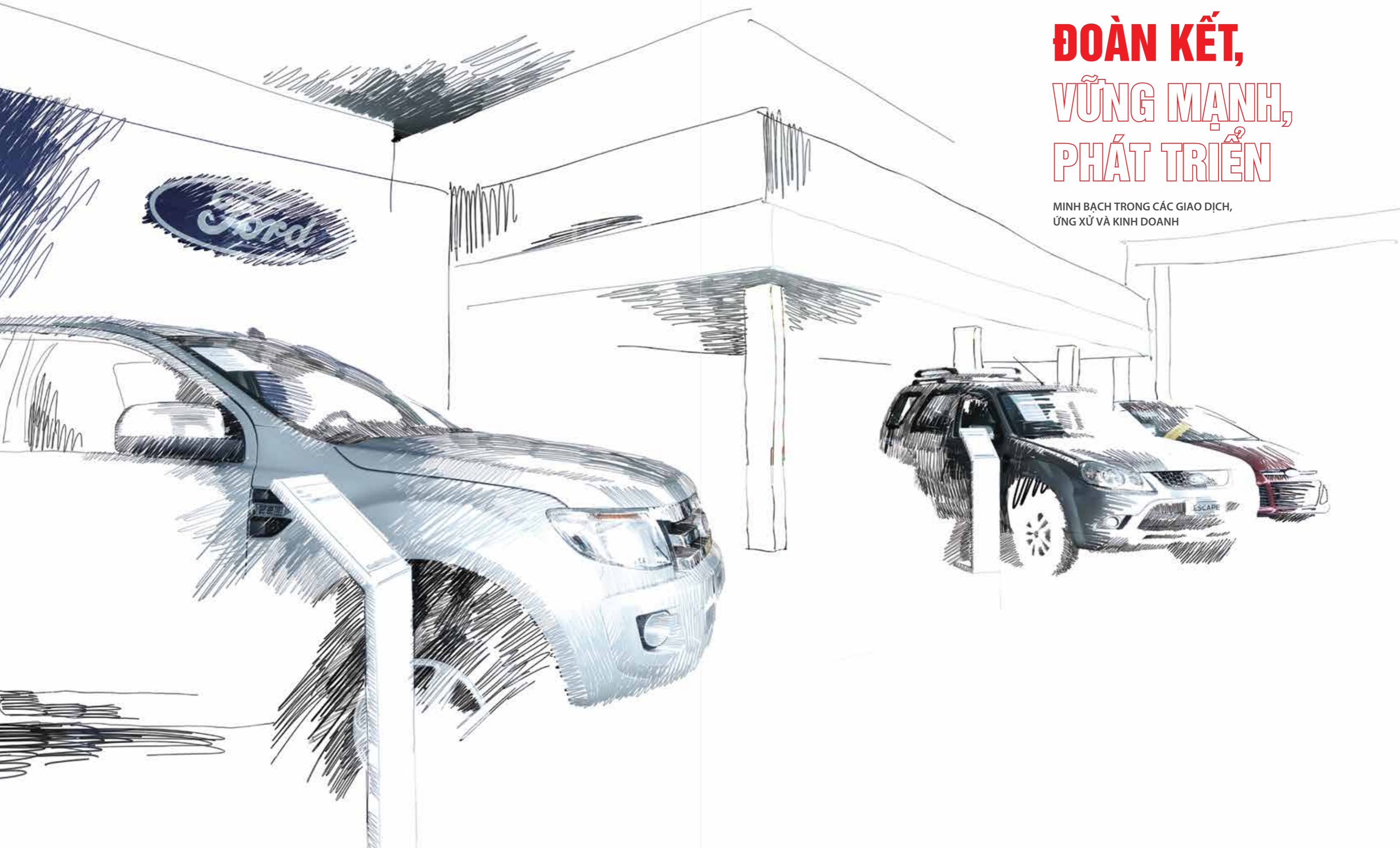
Ông **NGUYỄN BÌNH MINH** thôi giữ nhiệm vụ Tổng Giám đốc SAVICO để tập trung cho nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc tại Tổng Công ty Bến Thành – cổ đông lớn của SAVICO. Ông Minh vẫn giữ nhiệm vụ Phó Chủ tịch HĐQT của SAVICO.

Ông **TẠ PHƯỚC ĐẠT** thôi giữ nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính Kế toán tại SAVICO để tập trung cho nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Ô tô Thành phố Mới Bình Dương (Bình Dương Ford) – Công ty liên doanh liên kết mới thành lập của Savico. Ông Đạt vẫn giữ nhiệm vụ Thành viên HĐQT SAVICO.

Kể từ ngày 04/04/2015, Ông **NGUYỄN CÔNG BÌNH** được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác Kiểm soát nội bộ và công tác khác do Tổng giám đốc phân công.

ĐOÀN KẾT, VỮNG MẠNH, PHÁT TRIỂN

MINH BẠCH TRONG CÁC GIAO DỊCH,
ỨNG XỬ VÀ KINH DOANH



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông **NGUYỄN VINH THỌ**
Chủ tịch HĐQT

2. Ông **NGUYỄN BÌNH MINH**
Phó Chủ tịch HĐQT

3. Ông **VÕ HIỂN**
Thành viên HĐQT

4. Ông **TẠ PHƯỚC ĐẠT**
Thành viên HĐQT

5. Ông **LÊ HÙNG**
Thành viên HĐQT

6. Ông **LƯƠNG QUANG HIỂN**
Thành viên HĐQT

7. Ông **TÊ TRÍ DỨNG**
Thành viên HĐQT



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Ông **MAI VIỆT HÀ**
Tổng Giám Đốc



2. Ông **VÕ HIỂN**
Phó tổng Giám Đốc

3. Ông **ĐOÀN VĂN QUANG**
Phó tổng Giám Đốc

4. Bà **NGUYỄN THU NGA**
Phó tổng Giám Đốc

5. Ông **NGUYỄN CÔNG BÌNH**
Phó tổng Giám Đốc
(Được bổ nhiệm từ ngày 04/04/2015)



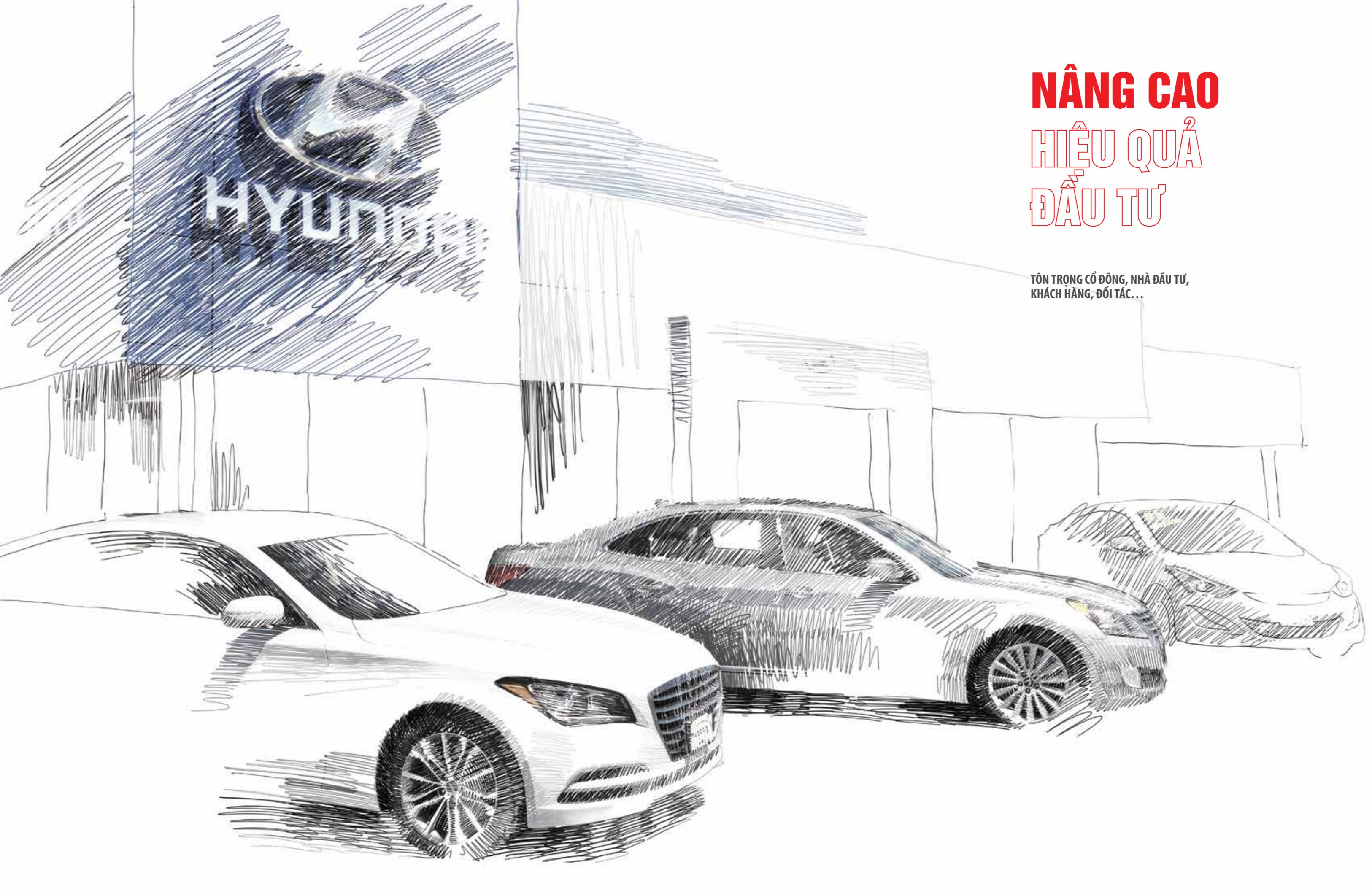
BAN KIỂM SOÁT

1. Bà **NGUYỄN VIỆT HOÀ**
Trưởng Ban Kiểm Soát

2. Ông **NGUYỄN CÔNG BÌNH**
Thành viên Ban Kiểm Soát
(Đã có đơn từ nhiệm ngày 01/04/2015)

3. Ông **NGUYỄN THÁI HOÀ**
Thành viên Ban Kiểm Soát





NÂNG CAO **HIỆU QUẢ** **ĐẦU TƯ**

**TÔN TRỌNG CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ,
KHÁCH HÀNG, ĐỐI TÁC...**

BÁO CÁO

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình kinh tế xã hội năm 2014 đạt kết quả tích cực trên hầu hết các lĩnh vực, GDP tăng 5,98%, lạm phát được kiểm chế dưới 5%, chỉ số sản xuất trong nước duy trì tăng liên tục... góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của Công ty; Sức mua của thị trường ô tô tăng trưởng cao so với cùng kỳ; Thị trường bất động sản, tài chính đã có nhiều cải thiện tích cực, mặt bằng lãi suất ổn định, thuận lợi hơn...

Ngay từ đầu năm, Công ty đã tập trung triển khai nhiều giải pháp, tăng cường công tác quản trị, kiểm soát chặt chẽ tình hình hoạt động kinh doanh, thực hiện việc sắp xếp tái cấu trúc các đơn vị/ngành hàng gặp khó khăn; Tiếp tục thực hiện kiểm soát nguồn vốn, dòng tiền, và công tác kiểm tra kiểm soát phòng ngừa rủi ro, thường xuyên đánh giá kết quả kinh doanh và tìm giải pháp để gia tăng hiệu quả tại các doanh nghiệp thành viên.



được kết quả rất tốt, doanh thu dịch vụ, phụ tùng, phụ kiện toàn hệ thống đạt 706 tỷ đồng, tăng 20% so với cùng kỳ.

Quản trị chi phí: Tổng chi phí của toàn ngành ô tô được kiểm soát chặt chẽ, tổng chi phí của toàn ngành ô tô chỉ tăng 18% trong khi doanh số tăng 21% so với cùng kỳ năm 2013. Mặt khác, trong năm Công ty đã đầu tư phát triển mới 7 đại lý mới đồng thời nâng cấp sửa chữa một số đại lý nhằm nâng cao hiệu quả bán hàng và dịch vụ.

Lợi nhuận trước thuế: lợi nhuận hợp nhất đạt 103 tỷ đồng (chưa bao gồm chi phí phân bổ) vượt 3% kế hoạch, tăng 31% so với cùng kỳ, trong đó, đáng chú ý là lợi nhuận từ hoạt động bán xe tăng 48%, lợi nhuận từ hoạt động phụ kiện tăng 45% so với cùng kỳ. Để có được kết quả trên, bên cạnh việc gia tăng sản lượng tiêu thụ còn có sự nỗ lực của tập thể CBNV trong việc quản trị tốt chi phí hoạt động góp phần gia tăng hiệu quả ngành hàng ô tô...

Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận theo báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

BCTC HỢP NHẤT	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2014	THỰC HIỆN NĂM 2014	TH SO VỚI KH (%)	TH SO VỚI 2013 (%)
Doanh thu bán hàng & DV	Trđ	7.000.000	7.939.698	113,4	120,4
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	90.000	118.647	131,8	140,0
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	65.000	87.781	135,0	143,6
Thu nhập cổ đông Công ty mẹ	Trđ	44.500	51.807	116,4	125,8

Phát triển mạng lưới: Bên cạnh việc nâng cấp Bến Thành Ford, Sài Gòn Ford, Công ty cũng đã hoàn tất công tác đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động thêm các đại lý mới 2S Gia Lai Ford, 3S Sài Gòn Ford Phổ Quang, 3S Cần Thơ Ford, 3S Bình Dương Ford, 2S Toyota Hải Dương, 3S Chevrolet Cần Thơ và đại lý 3S Hyundai Gia Lai; Nâng tổng số đại lý phân phối ô tô lên 25 đại lý các loại.

Ngành ô tô đạt hiệu quả do:

Nguyên nhân khách quan: Tình hình kinh tế vĩ mô dần được cải thiện, lạm phát được kiểm soát, chi phí lãi vay giảm mạnh so với cùng kỳ, các ngân hàng, tổ chức tín dụng đẩy mạnh các giải pháp hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tiếp cận nguồn vốn với lãi suất thấp, các doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, mở rộng kinh doanh góp phần thúc đẩy thị trường ô tô tăng trưởng.

Các nhà sản xuất đưa ra nhiều sản phẩm mới với mẫu mã đẹp và giá cạnh tranh, các chương trình khuyến mãi được tăng cường, góp phần thúc đẩy lượng xe tiêu thụ.

Nguyên nhân chủ quan: Tranh thủ tốt các cơ hội từ thị trường, các đơn vị trong hệ thống SAVICO tăng cường đẩy mạnh các hoạt động bán hàng, dịch vụ, gia tăng doanh thu bán xe, doanh thu phụ kiện, dịch vụ so với cùng kỳ.

Kinh nghiệm từ công tác kiểm tra, quản trị tốt chi phí hoạt động từ các năm trước, giúp cho việc kiểm soát chi phí được thực hiện chặt chẽ, đặc biệt là các khoản chi phí tồn kho, chi phí bán hàng, chi phí marketing...

Cơ cấu hiệu quả kinh doanh hợp lý, dịch vụ ngày càng đóng vai trò quan trọng trong hiệu quả hoạt động kinh doanh bền vững tại đơn vị.

Ngành hàng xe gắn máy:

Sức mua của thị trường xe gắn máy trong năm có dấu hiệu cải thiện, tuy vậy sự tăng trưởng chưa đồng bộ, chỉ tập trung ở một vài phân khúc và thương hiệu lớn; Đúng

trước tình hình đó, Ban Điều hành cùng các đơn vị đã tiến hành tái cấu trúc lại toàn bộ hệ thống, cơ cấu lại ngành hàng, giải thể, ngưng kinh doanh những đơn vị không có hiệu quả và không có khả năng phát triển.

Lượng xe tiêu thụ toàn hệ thống xe gắn máy SAVICO đạt 10.643 xe, giảm 36% so với cùng kỳ. Ngoài nguyên nhân từ việc giải thể 2 đơn vị thì việc không khuyến khích các đơn vị bán sỉ nên lượng xe bán sỉ giảm tới 68% khiến cho tổng lượng xe tiêu thụ toàn hệ thống giảm mạnh.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 359 tỷ đồng, giảm 26% so với cùng kỳ, trong đó thương hiệu Suzuki giảm 40%, Yamaha giảm 31%; SYM giảm 74% (đã ngưng hoạt động).

Quản trị chi phí: Chi phí hoạt động tiếp tục được rà soát chặt chẽ, tổng chi phí toàn ngành xe gắn máy thực hiện 45,3 tỷ đồng, giảm 8% so với cùng kỳ, giảm nhiều nhất là chi phí tài chính 52% và chi phí quản lý doanh nghiệp 12%...

Lợi nhuận trước thuế toàn hệ thống xe gắn máy lỗ 9,1 tỷ đồng, chủ yếu do thực hiện việc giải thể 3 đơn vị là Bến Thành SAVICO, Yamaha Phương Nam và SAVICO MeKong.

Công tác tái cấu trúc ngành xe gắn máy:

Tại khu vực Tp.HCM: Sắp xếp, ngưng kinh doanh đối với 2 thương hiệu SYM và Yamaha. củng cố, gia tăng hiệu quả hoạt động 2 thương hiệu Suzuki và Honda.

Tại khu vực ĐBSCL: Sáp nhập SAVICO Vĩnh Long vào Công ty TNHH TMDV Sài Gòn nhằm tinh gọn bộ máy 2 đơn vị để gia tăng hiệu quả mặt hàng Yamaha; Giải thể Công ty SAVICO MeKong kinh doanh thương hiệu Suzuki tại An Giang và Cần Thơ do không có hiệu quả.

Ngành hàng Dịch vụ khác

Trong năm, Công ty đã thành lập và triển khai phát triển dịch vụ thương mại điện tử thông qua Công ty Cổ phần OtoS. Kết quả triển khai năm đầu đạt theo kế hoạch đặt ra.

Ngành hàng Taxi: Đã tiến hành di dời sang địa điểm mới (384 Phạm Văn Đồng) để bàn giao mặt bằng phát triển dự án tại 104 Phố Quang. Với vị trí mới sẽ tiết kiệm chi phí cho Công ty được gần 100 triệu/tháng. Bên cạnh đó việc duy trì và gia tăng tỷ lệ khai thác đầu xe trên 94% góp phần cải thiện hiệu quả hoạt động ngành hàng Taxi.

Trung tâm thương mại SAVICO MegaMall (SMM): Hoạt động kinh doanh tại SMM tiếp tục phát triển theo hướng tích cực, hiệu quả năm 2014 đạt 1,5 tỷ đồng (cùng kỳ lỗ hơn 10 tỷ đồng), để có được kết quả này đội ngũ CBNV tại SMM đã:

- Chủ động, linh hoạt trong hoạt động khai thác mặt bằng: tận dụng các hành lang, lối đi để nâng cao tỷ lệ hoạt động, nâng tỷ lệ diện tích sàn khai thác khối Trung tâm thương mại đạt 90%; Nâng cao tỷ lệ khai thác tại khối văn phòng và đã đạt 100%.
- Kiểm tra, rà soát chặt chẽ các khoản chi phí hoạt động, chi phí marketing, đặc biệt là đàm phán với ngân hàng để giảm chi phí lãi vay góp phần gia tăng hiệu quả SMM.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản

Trước tình hình thị trường bất động sản còn trầm lắng, Công ty đã thực hiện quyết liệt các giải pháp nhằm cắt giảm tài sản, vốn hóa dự án để thu hồi dòng tiền, đảm bảo nguồn thu ổn định từ khối văn phòng và mặt bằng cho thuê, tập trung hoàn thiện các thủ tục pháp lý cho các dự án trọng điểm.

Khối Văn phòng, Trung tâm thương mại tiếp tục duy trì hiệu quả khai thác ổn định. Các mặt bằng được đưa vào khai thác 100% với giá được điều chỉnh tăng phù hợp với tình hình thị trường;

Khởi các dự án:

Dự án Hiệp Bình Phước - Tam Bình, ngoài phần diện tích đất hợp tác với Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh để phát triển khu căn hộ thì Công ty cũng đã nhận vốn góp 50 nền nhà liên kế trên tổng số 60 nền; Dự án 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, hoàn tất thủ tục pháp lý của dự án và đã tiến hành đàm phán với một số đối tác về phương án đầu tư, phát triển dự án; Dự án Mercure Sơn Trà, đã chuyển toàn bộ giá trị đầu tư dự án sang Công ty

Cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà, Công ty con 100% vốn của SAVICO, để thuận lợi cho việc triển khai phát triển dự án; Dự án 104 Phố Quang, đã đạt được thỏa thuận hợp tác, đang phối hợp cùng các đối tác triển khai dự án; Dự án Trung tâm tiệc cưới Melisa, đã khai trương và đi vào hoạt động từ tháng 10/2014, sau 3 tháng đi vào hoạt động, Trung tâm đã tổ chức gần 60 tiệc cưới và hội nghị khách hàng, với hơn 20.000 lượt khách tham gia; Dự án Quốc lộ 13, tiếp tục đàm phán với các đối tác tiềm năng để chuyển nhượng dự án thực hiện theo mục tiêu cắt giảm tài sản và thu hồi dòng tiền; Dự án 115-117 Hồ Tùng Mậu, tập trung hoàn thiện các thủ tục pháp lý việc chuyển nhượng vốn để thu hồi dòng tiền;

Lĩnh vực Dịch vụ tài chính - Công tác quản trị

Thực hiện việc cơ cấu tài sản, nguồn vốn; Phối hợp với các lĩnh vực/ bộ phận cơ cấu, sắp xếp lại quy mô hoạt động của các đơn vị chưa hiệu quả. Trong năm Công ty thực hiện việc chuyển nhượng và thu hồi được 316,6 tỷ đồng từ các dự án bất động sản và các danh mục đầu tư tài chính.

Hỗ trợ và kết nối các đơn vị trong hệ thống, đặc biệt là các đơn vị mới thành lập, tiếp cận các nguồn vốn kinh doanh có chi phí thấp, giảm chi phí lãi vay góp phần làm giảm các áp lực về tài chính và tăng hiệu quả kinh doanh toàn Công ty.

Tiếp tục khẳng định vai trò Công ty mẹ trong công tác hỗ trợ tài chính, kiểm soát dòng vốn ngắn hạn cũng như việc sử dụng đòn bẩy tài chính của các đơn vị trong toàn hệ thống. Tăng cường kiểm tra, đánh giá hiệu quả đầu tư của từng lĩnh vực, đặc biệt tiếp tục rà soát việc sử dụng vốn vay, tránh việc đầu tư sai mục đích gây lãng phí.

Thực hiện điều chỉnh, sắp xếp lại bộ máy hoạt động tại Văn phòng Công ty từ 9 bộ phận còn 6 bộ phận nhằm nâng cao năng lực hoạt động và vai trò tham mưu tại từng bộ phận.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2014

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch do ĐHQĐ giao là nỗ lực rất lớn của Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám Đốc, cán bộ đại diện vốn, cán bộ quản lý và người lao động toàn hệ thống đã cùng đoàn kết, đồng thuận, chia sẻ vượt qua khó khăn, thách thức, tận dụng tốt các cơ hội thị trường.

Những nỗ lực cố gắng:

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại:

- Theo dõi chặt chẽ tình hình hoạt động kinh doanh tại các đơn vị, đặc biệt là khối ô tô đã có những thay đổi lớn so với cùng kỳ góp phần gia tăng hiệu quả của lĩnh vực và toàn Công ty. Các hoạt động kinh doanh dịch vụ, phụ tùng, phụ kiện, bảo hành, sửa chữa... đều có những tăng trưởng đáng kể, đúng theo mục tiêu đã đề ra.
- Công tác dự báo, phân tích, đánh giá thị trường tiếp tục được tăng cường cùng với việc kiểm tra, giám sát hàng hóa tồn kho, chi phí của từng bộ phận, đơn vị được thực hiện linh hoạt, đồng bộ góp phần tăng cường công tác quản trị theo chiều sâu tại từng đơn vị và trong toàn hệ thống.
- Thực hiện tái cấu trúc ngành xe gắn máy, tập trung củng cố phát triển những thương hiệu lớn tại các vùng thị trường trọng điểm. Bên cạnh đó, hiệu quả của hoạt động Taxi và SAVICO MegaMall đã cải thiện góp phần nâng cao hiệu quả của Công ty.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

- Đã xác định lấy hoạt động của khối thu ổn định làm cơ sở phát triển bền vững, lâu dài; Tổ chức sắp xếp, cơ cấu lại hoạt động kinh doanh một cách hợp lý.
- Hoàn thành và đưa vào khai thác Trung Tâm Hội Nghị Tiệc cưới Melisa đúng tiến độ, dự án 104 Phố Quang đã tìm được đối tác để đầu tư phát triển. Đã thu hồi vốn đầu tư các dự án 56 Bến Vân Đồn, CN4.3 Nam Sài Gòn, Hiệp Bình Phước - Tam Bình.
- Đã phối hợp và hỗ trợ lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại trong công tác khảo sát địa điểm, đánh giá hồ sơ pháp lý, đàm phán giá thuê, mua đất và quản lý đầu tư xây dựng chuỗi showroom thương mại mới đạt hiệu quả.

Lĩnh vực Dịch vụ Tài chính

- Tập trung kiểm soát chặt chẽ được dòng tiền, cơ cấu nguồn vốn hợp lý, đồng thời phối hợp với các bộ phận có liên quan giám sát chặt chẽ các chi phí và hỗ trợ các đơn vị trong hệ thống tiếp cận được nguồn vốn với lãi suất thấp.
- Cắt giảm các danh mục đầu tư không hiệu quả, cơ cấu, sắp xếp lại hoạt động kinh doanh của lĩnh vực tinh gọn và hợp lý.
- Tiến hành đánh giá hiệu quả đầu tư tại từng lĩnh vực, xây dựng quy chế quản lý tài chính, phòng ngừa rủi ro và nâng cao hiệu quả đầu tư của Công ty.

Những hạn chế tồn tại:

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại:

- Công tác dự báo tuy đã được tăng cường nhưng sự chia sẻ thông tin, hiệu quả dự báo chưa cao, thiếu sự liên kết

giữa các đơn vị trong hệ thống.

- Hiệu quả kinh doanh của ngành hàng xe gắn máy đã có cải thiện nhưng vẫn còn chịu nhiều rủi ro như: chính sách sản phẩm của nhà cung cấp, chi phí mặt bằng cao...
- Định mức chi phí quản lý cho từng bộ phận tại từng đơn vị thành viên chưa tương đồng theo ngành hàng và khu vực thị trường ảnh hưởng đến việc đánh giá hiệu quả kinh doanh, hiệu quả đầu tư từng đơn vị...

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

Các dự án đã ưu tiên triển khai trong năm 2014 nhằm mục tiêu cắt giảm tổng tài sản và thu hồi vốn đầu tư như Quốc lộ 13, 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa... còn gặp trở ngại trong việc phê duyệt qui hoạch, cấp quyền sở hữu ảnh hưởng đến tiến độ vốn hóa dự án. Và đây cũng là một trong những nguyên nhân làm ảnh hưởng đến cơ cấu tài sản của lĩnh vực BĐS và của toàn Công ty.

Cổ tức năm 2014: Theo Nghị quyết ĐHQĐ thường niên 2014, mức cổ tức năm 2014 dự kiến là 12%/vốn điều lệ. Tổng giám đốc dự kiến đề xuất Hội đồng quản trị trình ĐHQĐ phê duyệt mức cổ tức năm 2014 là 12%/vốn điều lệ.

Mục tiêu và phương hướng nhiệm vụ kế hoạch 2015

Năm 2015, là năm kết thúc của giai đoạn 2010-2015, đồng thời là năm đầu để triển khai chiến lược kinh doanh 2015-2020. Trên cơ sở đó Công ty đề ra các mục tiêu chủ yếu sau:

Mục tiêu, nhiệm vụ trong năm 2015

1. Xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh giai đoạn 2015-2020 cho từng đơn vị và toàn Công ty. Đồng thời xây dựng và phấn đấu thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015 trên cơ sở kiểm soát chặt chẽ chi phí, đảm bảo hiệu quả các lĩnh vực ổn định và bền vững.

2. Tập trung các nguồn lực để đẩy mạnh phát triển hệ thống đại lý ô tô, nghiên cứu đầu tư mở rộng các dòng sản phẩm và phân khúc thị trường. Tập trung hoàn thiện các thủ tục pháp lý để tiến hành vốn hóa các dự án Bất động sản trọng điểm.

3. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện chính sách để thu hút đội ngũ nguồn nhân lực đủ năng lực để đáp ứng các yêu cầu phát triển của hệ thống. Song song đó thực hiện công tác đào tạo đội ngũ cán bộ tại chỗ đảm bảo thực hiện chiến lược kinh doanh của Công ty.

4. Tìm kiếm đối tác chiến lược có cùng ngành nghề hoạt động và nguồn lực tốt để tạo sức mạnh cộng hưởng phát triển Công ty.

Chỉ tiêu kinh doanh năm 2015

BCTC hợp nhất	Đvt	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	KH 2015 so với TH 2014 (%)
Doanh thu bán hàng & DV	Trđ	7.939.698	8.500.000	107,06
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	118.647	130.000	109,57
Lợi nhuận sau thuế	Trđ	87.781	100.000	113,92
Thu nhập cổ đông Công ty mẹ	Trđ	51.807	60.000	115,81
Cổ tức	% / VĐL	12	12	100,00

Giải pháp thực hiện

Lĩnh vực Dịch vụ - Thương Mại:

Ngành hàng ô tô – xe máy:

Bám sát diễn biến thị trường, ảnh hưởng từ chính sách thuế - phí... nâng cao công tác dự báo, phân tích, đánh giá thị trường định kỳ để có những giải pháp phù hợp thực hiện mục tiêu kế hoạch 2015. Tăng cường trao đổi, chia sẻ giữa công ty mẹ và các đơn vị thành viên trong hệ thống, giảm thiểu rủi ro trong tồn kho và bán hàng;

Tiếp tục nâng cao hiệu quả từ hoạt động dịch vụ tại các đơn vị, nâng cao tỷ trọng hiệu quả dịch vụ trong cơ cấu lợi nhuận.

Phối hợp với từng đơn vị triển khai các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015 theo từng tháng/ từng quý và giám sát lộ trình triển khai chiến lược kinh doanh giai đoạn 2015-2020;

Tập trung phát triển các dự án tại TpHCM, Bình Dương, Cần Thơ, Đà Nẵng và các khu vực trọng điểm khác. Ngoài việc phát triển các thương hiệu hiện tại, trong năm 2015 sẽ tập trung nghiên cứu khả thi đầu tư mở rộng hệ thống mạng lưới đại lý xe thương mại... Tiếp tục rà soát, sắp xếp lại hệ thống xe máy theo triển vọng phát triển từng thương hiệu, từng điểm kinh doanh;

Ngành hàng Taxi: Tập trung các giải pháp đảm bảo tỷ lệ xe taxi ra kinh doanh trên 95%; Kiểm soát tốt các chi phí hoạt động; Xây dựng kế hoạch đầu tư nâng quy mô đoàn xe taxi trong thời gian tới.

TTTM SAVICO MegaMall, tập trung các giải pháp tiếp thị, chăm sóc khách hàng, đảm bảo tỷ lệ khai thác tại khối Trung tâm thương mại trên 90% và duy trì tỷ lệ lấp đầy tại khối Văn phòng; Đẩy nhanh tiến độ cơ cấu tài sản, giảm

thiểu chi phí tài chính và các khoản chi phí hoạt động khác, nâng cao hiệu quả kinh doanh tại đơn vị.

Công ty Cổ phần OTOS, tập trung phát triển, hoàn thiện các dịch vụ, các tính năng hỗ trợ, thông tin tư vấn, bài viết chuyên ngành ô tô nhằm hỗ trợ tốt nhất cho khách hàng; Tăng cường kiểm soát chi phí hoạt động, đảm bảo tính hiệu quả của các chương trình Digital Marketing.

Lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản:

Đảm bảo khối mặt bằng, văn phòng cho thuê hiện có hoạt động ổn định tạo nguồn thu bền vững cho lĩnh vực Dịch vụ Bất động sản. Tiếp tục triển khai việc hợp tác tại 104 Phố Quang, phối hợp theo dõi hoạt động Trung tâm tiệc cưới Melisa có hiệu quả.

Tập trung hoàn tất gọi vốn đầu tư vào các dự án như 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Mercure Sơn Trà nhằm gia tăng hiệu đầu tư, hiệu quả sử dụng tài sản.

Lựa chọn phân khúc đầu tư phù hợp với năng lực, tình hình thị trường, xây dựng lộ trình hoạt động đầu tư trong dài hạn để thực hiện chiến lược của lĩnh vực bất động sản.

Phối hợp với lĩnh vực Dịch vụ Thương mại trong việc tìm kiếm mặt bằng, hỗ trợ phát triển các chuỗi dự án ô tô.

Công tác quản trị:

Phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của từng đơn vị, từng lĩnh vực và toàn hệ thống; Kiểm soát cơ cấu tài sản, nâng cao hiệu quả đầu tư của Công ty. Kiểm soát và ngăn ngừa rủi ro, biến động của thị trường, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu kế hoạch đề ra.

Nâng cao vai trò quản lý, tham mưu từ bộ máy văn phòng. Thực hiện triệt để các quy chế quản lý, quản trị Công ty nhằm tăng cường giám sát và gia tăng hiệu quả đầu tư trong toàn hệ thống.



Tăng cường quan hệ hợp tác, đầu tư với các đối tác chiến lược, nhà đầu tư gắn kết với triển vọng phát triển Công ty. Đẩy mạnh thực thi văn hóa doanh nghiệp, tăng cường gắn kết nội bộ, đảm bảo sự phát triển bền vững của hệ thống.

Xây dựng kế hoạch và giải pháp phát triển nguồn nhân lực đáp ứng theo yêu cầu phát triển của toàn hệ thống. Bên cạnh đó, tiếp tục duy trì thực hiện quy hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ CBNV.

Tăng cường công tác truyền thông, đảm bảo cung cấp

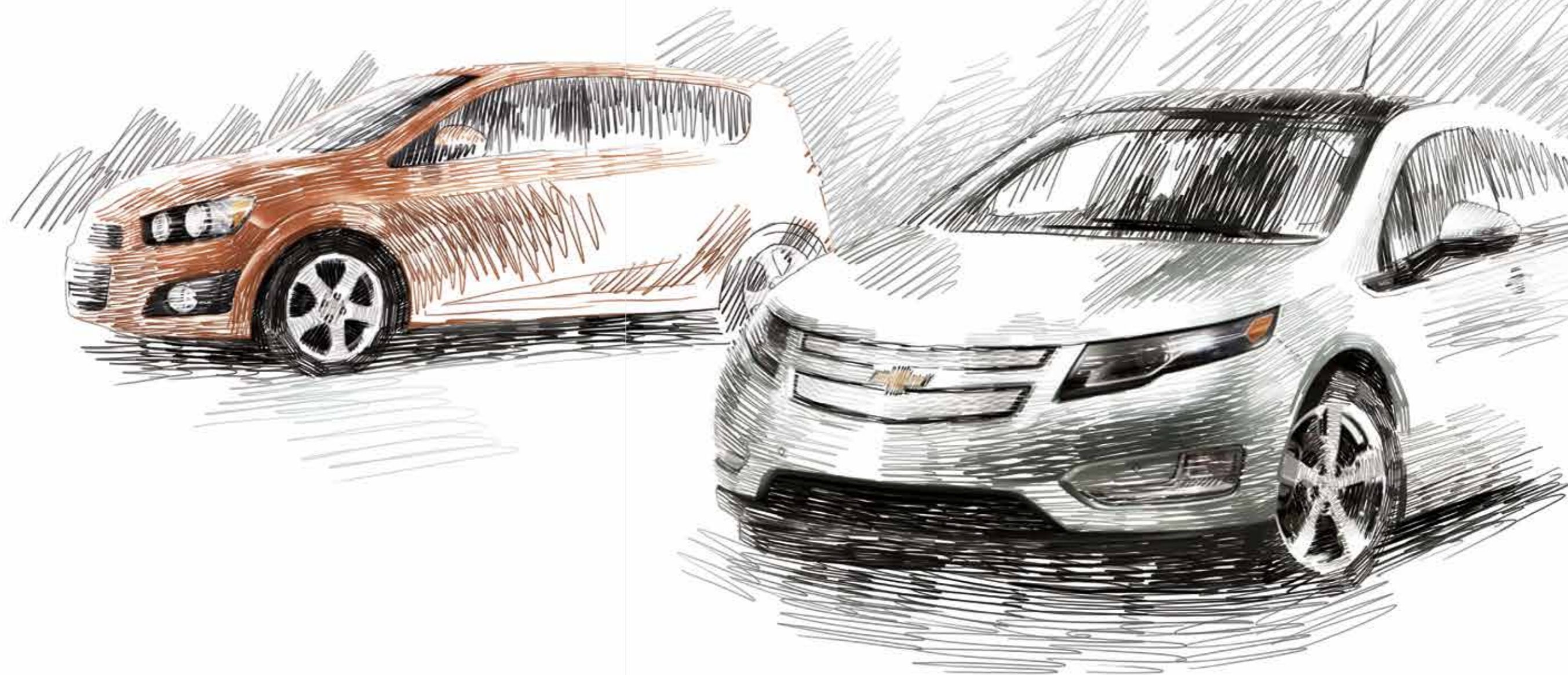
đầy đủ các thông tin cho cổ đông, nhà đầu tư. Thường xuyên theo dõi và có các giải pháp cụ thể để bảo vệ giá trị cổ phiếu SAVICO trên thị trường.

Kiến nghị:

Trường hợp Công ty thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận năm 2015 như đăng ký, kính đề nghị ĐHCĐ chấp thuận mức trích 10% trên phần vượt kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2015 để làm chi phí quan hệ và chi thưởng, động viên kịp thời các thành viên HĐQT, Ban điều hành, cán bộ quản lý và cán bộ đại diện vốn trong toàn hệ thống.

MỞ RỘNG PHÁT TRIỂN[?] DỊCH VỤ

TRÁCH NHIỆM TUÂN THỦ LUẬT PHÁP,
THAM GIA ĐÓNG GÓP CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI.



BÁO CÁO

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2014, Công ty đã thực hiện thành công và vượt kế hoạch các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận mà Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua. Cụ thể:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	TH so với KH (%)	TH so với 2013 (%)
Doanh thu bán hàng & Dịch vụ	7.000.000	7.939.698	113,4	120,4
Lợi nhuận trước thuế	90.000	118.647	131,8	140,0
Lợi nhuận sau thuế	65.000	87.781	135,0	141,6
Thu nhập cổ đông Công ty mẹ	44.500	51.807	116,4	125,8

Bên cạnh các nỗ lực thực hiện hoàn thành và vượt mức kế hoạch doanh thu, lợi nhuận mà Đại hội đồng Cổ đông giao, Công ty đã thực hiện tốt hoạt động tái cơ cấu nguồn vốn và tài sản, cắt giảm chi phí tài chính về mức hợp lý theo lộ trình đã được Hội đồng Quản trị phê duyệt. Tình hình tài chính của toàn hệ thống và của riêng Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2014 đã đạt mức an toàn cao, cụ thể tại riêng Công ty mẹ: tỷ lệ đòn bẩy trên vốn (tổng nợ vay/ (VCSH + tổng nợ vay) đang ở mức thấp 14,6% - giảm mạnh so với mức kỷ lục 41,8% tại thời điểm cuối năm 2010; chi phí lãi vay được cắt giảm còn 14,6 tỷ đồng - giảm mạnh so với mức đỉnh điểm 76,5 tỷ đồng của năm 2011.

Đánh giá về hoạt động của Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc và người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp của SAVICO. Qua đó, Tổng giám đốc Công ty đã triển khai tổ chức và thực hiện hành công các công việc sau:

- Xây dựng hoàn thiện mục tiêu, chiến lược kinh doanh giai đoạn 2015 - 2020.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh và các giải pháp thực hiện trong năm 2015.
- Triển khai linh hoạt và đồng bộ đến các đơn vị công tác đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, dự báo thị trường, chia sẻ thông tin kịp thời hàng tháng, quý; kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Triển khai xây dựng và đưa vào hoạt động đại lý 2S Toyota Hải Dương, 2S Gia Lai Ford, 3S Cần Thơ Ford, 3S Bình Dương Ford, 3S GM Cần Thơ, 3S Hyundai Gia Lai, nâng cấp 2S Sài Gòn Ford tại 104 Phố Quang thành 3S, Công ty kinh doanh trực tuyến OtoS.
- Củng cố, tái cấu trúc một số doanh nghiệp trong hệ thống, sắp xếp, điều chỉnh và ngưng kinh doanh một số nhãn hàng ngành xe gắn máy nhằm phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng theo địa phương: chuyển đổi Sài Gòn Ford từ loại hình TNHH sang cổ phần, sáp nhập SAVICO Vinh Long vào Yamaha Sài Gòn, giải thể Bến Thành SYM, ...
- Tách dự án Mercure Sơn Trà, một phần dự án Nam Cẩm Lệ cho các công ty được thành lập mới nhằm thuận tiện cho việc triển khai thực hiện, kêu gọi đầu tư. Hợp tác được với các đối tác trong việc triển khai thực hiện dự án 104 Phố Quang. Chuyển nhượng phần vốn góp tại dự án 115-117 Hồ Tùng Mậu cho đối tác nhằm thu hồi

vốn để tập trung cho việc phát triển lĩnh vực kinh doanh cốt lõi. Đưa vào hoạt động Trung tâm Hội nghị - Tiệc cưới Melisa, ...

- Sắp xếp bộ máy, nhân sự theo mô hình, cơ cấu bộ máy điều chỉnh nhằm tinh gọn và nâng cao hiệu quả làm việc; sắp xếp, luân chuyển cán bộ đại diện vốn và tham gia quản lý tại các đơn vị thành viên.
- Kiểm tra tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước và các cơ quan chức năng, các quy định hoạt động của Công ty.

Tổng kết và đánh giá về hoạt động của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ II (2010 - 2015)

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công 05 lần Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức 37 phiên họp và trưng cầu ý kiến bằng văn bản 249 lần, qua đó đã ban hành 420 nghị quyết, quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động như sau:

Về lĩnh vực Dịch vụ - Thương mại:

- Phát triển hệ thống dịch vụ - thương mại đối với ngành ô tô tại các vùng, miền thị trường.

Tại Tp.HCM thành lập Trung tâm kinh doanh xe Toyota đã qua sử dụng tại Gò Vấp, Công ty Cổ phần dịch vụ ô tô Thành phố mới Bình Dương (3S Bình Dương Ford), Công ty kinh doanh trực tuyến OtoS, nâng cấp đại lý 3S Ford Phố Quang.

Thực hiện chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên giao:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014
Vốn Điều lệ	249.955	249.955	249.955	249.955	249.955
Doanh thu	4.188.200	6.174.258	5.433.311	6.595.628	7.939.698
Lợi nhuận trước thuế	107.700	117.933	61.496	84.711	118.648
Cổ tức	15	15	10	12	12

Tại Hà Nội thành lập các đại lý 3S Toyota Long Biên, 3S Toyota Pháp Vân, 2S Toyota Hải Dương.

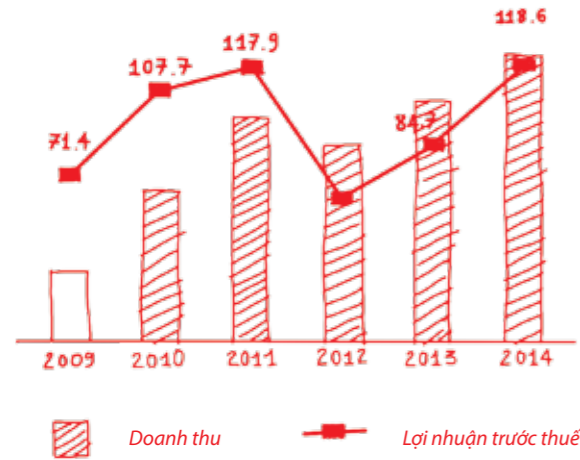
Tại Đà Nẵng thành lập Công ty Cổ phần SAVICO Đà Nẵng, đại lý 3S Hyundai Gia Lai, đại lý 2S Ford Gia Lai.

Tại Cần Thơ thành lập các đại lý 3S Cần Thơ Ford, 3S Chevrolet Cần Thơ...

- Củng cố, tái cấu trúc một số doanh nghiệp trong hệ thống, sắp xếp, điều chỉnh và ngưng kinh doanh một số ngành hàng xe gắn máy phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng theo địa phương: chuyển đổi Sài Gòn Ford từ loại hình TNHH sang cổ phần, giải thể Siêu Xe và Hyundai Trần Hưng Đạo, sáp nhập SAVICO Vinh Long vào Yamaha Sài Gòn, giải thể Bến Thành SYM, ...

Về lĩnh vực Dịch vụ bất động sản: Tách một số dự án cho các công ty được thành lập mới nhằm thuận tiện cho việc triển khai thực hiện, kêu gọi đầu tư; tập trung cắt giảm tổng tài sản đầu tư của lĩnh vực nhằm thu hồi dòng tiền, giảm chi phí sử dụng vốn; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục pháp lý, đầu tư, triển khai dự án và vốn hoá các dự án; tiếp tục giữ vững và gia tăng nguồn thu ổn định từ trung tâm thương mại và khối văn phòng, mặt bằng cho thuê, dịch vụ thương mại khác, ...

Về lĩnh vực Dịch vụ tài chính: tập trung xây dựng và thực hiện lộ trình cắt giảm và cơ cấu nguồn vốn của Công ty, kiểm soát tình hình nợ vay, đề xuất các giải pháp tài chính toàn hệ thống và cơ cấu nguồn vốn Công ty.



Biểu đồ Doanh thu, Lợi nhuận 2009-2014

- Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao một cách cẩn trọng, đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc và bộ máy quản lý điều hành tại các công ty trong hệ thống tìm ra các giải pháp tích cực nhằm ứng phó với tình hình khủng hoảng, suy thoái toàn cầu và nguy cơ lạm phát gia tăng. Tập trung tái cấu trúc lại cơ cấu nguồn vốn, triển khai một số dự án bất động sản, vốn hóa một số dự án và danh mục đầu tư tài chính để giảm áp lực về tài chính nhằm đảm bảo thực hiện chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh. Tổ chức theo dõi, báo cáo tình hình thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị định kỳ hàng tháng, quý, năm cho Hội đồng quản trị nhằm giám sát các kết quả thực hiện các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua. Qua đó, giúp cho Hội đồng quản trị có những chỉ đạo kịp thời cho Ban Tổng giám đốc tận dụng các cơ hội, khai thác những nguồn lực của Công ty một cách tốt nhất.
- Thành lập các tiểu ban của Hội đồng quản trị gồm có: Tiểu ban kinh doanh - chiến lược, Tiểu ban dịch vụ thương mại, Tiểu ban bất động sản, Tiểu ban tài chính, Tiểu ban sự kiện thương hiệu, Tiểu ban nguồn nhân lực - lương - thưởng, có chức năng tham mưu, tư vấn, hỗ trợ cho các hoạt động của Hội đồng quản trị, thực hiện vai trò tham mưu, phản biện, kiểm tra, giám sát trong việc xây dựng chiến lược, mục tiêu, nhóm giải pháp, kế hoạch hành động, ...qua đó đã giúp Hội đồng quản trị có những quyết định kịp thời và hiệu quả.
- Hàng năm, SAVICO đã tổ chức hội nghị phân tích, đánh giá, xây dựng kế hoạch, tạo khối đoàn kết thống nhất vượt qua khó khăn và để có những ý kiến góp ý cho sự phát triển của Công ty.
- Tiếp tục thu hút nguồn nhân lực có trình độ để tăng cường hiệu quả quản trị, quản lý và điều hành tại SAVICO và tại các doanh nghiệp trong toàn hệ thống.

- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nhất là công tác quy hoạch nhân sự cấp cao, cấp trung dự bị cho các chức danh thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của các doanh nghiệp thành viên giai đoạn 2010 -2015. Đặc biệt, đã thành lập "Quỹ chăm sóc tài năng trẻ hệ thống SAVICO" nhằm phát hiện những nhân tố có trình độ chuyên môn và có năng lực để đào tạo phát triển thành những quản trị viên cao cấp, đáp ứng yêu cầu chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty giai đoạn 2010 - 2015. Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc tiếp tục củng cố và phát triển Quỹ tương trợ CBNV nhằm tạo điều kiện cho CBNV toàn hệ thống an tâm, cống hiến cho Công ty.

- Tháng 01/2014, Hội đồng quản trị đã thống nhất bầu Ông Nguyễn Bình Minh - thành viên Hội đồng quản trị làm Phó chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc điều hành. Bổ nhiệm Ông Đoàn Văn Quang làm Phó Tổng giám đốc phụ trách Nghiên cứu phát triển, bổ nhiệm Bà Nguyễn Thu Nga làm Phó Tổng giám đốc phụ trách Quản trị hành chính, bổ nhiệm Ông Ngô Văn Danh làm Kế toán trưởng thay cho Bà Hoàng Thị Thảo nghỉ hưu. Thôi giữ nhiệm vụ Phó Tổng giám đốc đối với Ông Phan Tuấn Dũng để Ông Dũng tập trung vào công tác xây dựng, điều hành, phát triển Công ty Cổ phần SAVICO Đà Nẵng. Đến tháng 1/2015, Hội đồng quản trị đã bổ nhiệm Ông Mai Việt Hà làm Tổng giám đốc điều hành thay Ông Nguyễn Bình Minh nhận nhiệm vụ mới tại Tổng Công ty TNHH MTV Bến Thành do Ủy ban nhân dân TP.HCM giao, thôi giữ nhiệm vụ Phó Tổng giám đốc đối với Ông Tạ Phước Đạt để về nhận nhiệm vụ Phó Tổng giám đốc Bình Dương Ford.
- Tiếp tục sắp xếp bộ máy cán bộ quản lý, cán bộ đại diện vốn trong toàn hệ thống, tiến hành tổ chức lấy phiếu tín nhiệm và bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao, cấp trung theo mục tiêu phát triển Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các Báo cáo thường niên theo qui định của tổ chức niêm yết, SAVICO đạt giải Báo cáo thường niên tốt nhất 6 năm liền do Ủy ban chứng khoán nhà nước tổ chức.

2. Giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác :

Hội đồng quản trị đã thường xuyên theo dõi các hoạt động của Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc, người đại diện phần vốn tại các công ty có vốn góp của SAVICO, phối hợp với Ban kiểm soát của Công ty kiểm tra các kết quả thực hiện về:

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
- Các nội dung thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quyết định Hội đồng quản trị đã ban hành về tiến độ và các biện pháp thực hiện.

- Xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế thường xuyên định kỳ hàng tháng, hàng quý để có biện pháp kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.
- Tập trung kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, cơ cấu nguồn vốn hợp lý, cắt giảm các danh mục đầu tư không hiệu quả, không thực hiện chủ trương phát hành trái phiếu 150 tỷ đồng do đã cơ cấu được một số danh mục tài sản.
- Thực hiện quy chế quản lý đầu tư tài chính nhằm tham mưu, đề xuất các giải pháp cho Tổng giám đốc cơ cấu danh mục đầu tư tài chính và hạn chế rủi ro của các dự án đầu tư lĩnh vực dịch vụ tài chính; Ban hành quy chế quản lý tài chính nhằm chuyên môn hóa và đi vào chiều sâu, nâng cao công tác giám sát, quản trị rủi ro, quản trị chi phí nhằm tăng cường hiệu quả quản trị tại văn phòng cũng như trong toàn hệ thống.
- Công tác tham mưu, quản lý và điều hành ngày càng hoàn thiện và nâng dần về số lượng và chất lượng thông qua việc tăng cường công tác phối hợp giữa các Tiểu Ban Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, cán bộ đại diện vốn tại các doanh nghiệp thành viên và các bộ phận chức năng với Ban Tổng giám đốc.
- Kiểm tra tình hình chấp hành việc tuân thủ các qui định của nhà nước, các cơ quan chức năng và các qui định hoạt động của Công ty.

3. Đánh giá chung hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ II (2010 – 2015):

Ưu điểm:

- Hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông giao hàng năm.
- Có các giải pháp và lộ trình cụ thể để phát triển các dự án theo hướng tối đa hóa hiệu quả đầu tư.
- Hệ thống mạng lưới rộng khắp cả nước, giữ vị trí số 1 nhà phân phối ôtô tại Việt Nam, chiếm 10% thị phần VAMA.
- Quy hoạch đội ngũ nhân lực kế thừa, chuẩn bị nguồn nhân lực sẵn sàng cho việc mở rộng, phát triển dự án mới cũng như đội ngũ cán bộ quản lý kế thừa trong tương lai.
- Hoàn thiện mô hình công ty đầu tư với những định hướng rõ ràng, trên cơ sở hoạt động của 3 lĩnh vực: dịch vụ thương mại, dịch vụ bất động sản và dịch vụ tài chính, trong đó lấy hệ thống dịch vụ thương mại làm nền tảng. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã tiến hành tái cấu trúc bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với tình hình mới.
- Luôn tập trung công tác quản trị doanh nghiệp minh bạch cũng như phối hợp với Ban kiểm soát để hỗ trợ, giám sát mọi mặt hoạt động từ Văn phòng Công ty đến các doanh nghiệp thành viên.

Hạn chế:

- Chưa hoàn thành một số mục tiêu, chiến lược giai đoạn 2010 – 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Hoạt động kinh doanh có hiệu quả nhưng chưa thực sự bền vững, cơ cấu lợi nhuận có sự biến động mạnh và chịu tác động lớn từ nguồn thu nhập khác.
- Hiệu quả đầu tư (ROA, ROE) đã có sự cải thiện, song chưa đạt mục tiêu đặt ra. Dòng tiền cổ tức thu về từ hoạt động đầu tư chưa cao.
- Công tác quản trị chi phí chưa thực hiện tốt, đặc biệt là tại các doanh nghiệp thành viên chưa xây dựng được kế hoạch giao chi phí cho từng bộ phận.

Bài học và kinh nghiệm

- Phải tập trung thường xuyên nghiên cứu, phân tích, đánh giá diễn biến, tác động của thị trường và các chính sách của nhà nước liên quan đến các lĩnh vực đầu tư của Công ty; Nâng cao năng lực dự báo và mạnh dạn đánh giá lại các mặt hoạt động nhằm tăng cường công tác quản trị phòng ngừa rủi ro và kịp thời điều chỉnh mục tiêu, xây dựng các giải pháp phù hợp khi tình thế thay đổi.
- Tiếp tục thực hiện việc kiểm soát, giao kế hoạch chi phí tới từng đơn vị, bộ phận; thường xuyên rà soát, kiểm tra và đánh giá chặt chẽ tình hình thực hiện chi phí hàng tháng, quý và báo cáo ngay khi có vấn đề phát sinh.
- Phải tìm kiếm được đối tác chiến lược có cùng quan điểm phát triển, có năng lực tài chính nhằm hỗ trợ và đồng hành cùng SAVICO phát triển cũng như gia tăng chuỗi giá trị của hệ thống SAVICO tại thị trường trong nước, khu vực và quốc tế.

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị:

Căn cứ các mục tiêu kinh tế - xã hội được Chính phủ trình Quốc hội thông qua năm 2015 gồm: tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng khoảng 6,2%, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10%; nhập siêu khoảng 5%; tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) khoảng 5% và chỉ đạo của Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm tạo thuận lợi cho sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiếp cận vốn đầu tư; giảm chi phí cho người dân và doanh nghiệp trong các lĩnh vực thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội, đất đai, ... cho thấy sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động ở các lĩnh vực của Công ty. Đặc biệt, việc duy trì lãi suất ổn định ở mức thấp, tạo điều kiện rất lớn cho các doanh nghiệp và người dân tiếp cận nguồn vốn cho các hoạt động kinh doanh và tiêu dùng là yếu tố cơ bản thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội.

Và cùng với mục tiêu chiến lược kinh doanh 2015 – 2020 đã được hoàn thiện trình Đại hội đồng cổ đông thông

qua trong kỳ Đại hội cổ đông năm nay theo định hướng tiếp tục là công ty đầu tư, tập trung vào 3 lĩnh vực dịch vụ thương mại, dịch vụ bất động sản và dịch vụ tài chính, trong đó tập trung xây dựng lĩnh vực Dịch vụ Thương mại làm nền tảng, Hội đồng quản trị định hướng một số công tác chính trong năm 2015 như sau:

- Tăng cường công tác dự báo, giám sát hoạt động kinh doanh, đánh giá kịp thời những biến động thị trường để có những phản ứng kịp thời đối với từng đơn vị, từng lĩnh vực, đặc biệt là đối với các đơn vị thuộc lĩnh vực dịch vụ thương mại; hoàn thiện chiến lược kinh doanh 2015 – 2020 cho từng đơn vị và SAVICO; hoàn thiện cơ cấu bộ máy Công ty, tổ chức các bộ phận sau sáp nhập theo hướng tăng cường hiệu quả hoạt động, nâng cao sự gắn kết và hiệu quả phối hợp giữa các phòng ban Công ty.
- Tập trung nghiên cứu, phát triển mạng lưới phân phối và dịch vụ, nhân hàng phân phối mới tại các khu vực trọng điểm và khu vực vệ tinh.
- Tiếp tục theo dõi, đánh giá tình hình hoạt động của ngành xe gắn máy và thương mại dịch vụ khác, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí hoạt động nhằm gia tăng lợi nhuận ngành xe máy và ngành thương mại dịch vụ.
- Tập trung vốn hóa, kêu gọi đầu tư đối với các dự án bất

động sản để thu hồi vốn đầu tư, giảm thiểu chi phí và tái đầu tư vào các dự án mới.

- Hoàn thiện mô hình hoạt động, lựa chọn phân khúc đầu tư phù hợp với năng lực, tình hình thị trường, xây dựng lộ trình hoạt động đầu tư trong dài hạn của từng lĩnh vực.
- Phân tích, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, hiệu quả sử dụng vốn tại từng doanh nghiệp thành viên trong hệ thống.
- Tập trung công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực theo các mục tiêu chiến lược, đảm bảo nguồn nhân lực dự phòng cho việc phát triển các dự án và đội ngũ cán bộ kế thừa trong giai đoạn tới.
- Tăng cường công tác quan hệ cổ đông, xây dựng các giải pháp nâng cao giá trị cổ phiếu SAVICO trên thị trường. Mặt khác, phối hợp với các tổ chức tài chính, chứng khoán để cung cấp các thông tin cần thiết về tình hình hoạt động cho nhà đầu tư, cổ đông quan tâm.

Từ những định hướng trên, Hội đồng quản trị đề ra các chỉ tiêu kế hoạch năm 2015 trình thông qua Đại hội đồng cổ đông năm 2015 như sau:

- | | |
|----------------------------|---------------|
| • Tổng doanh thu hợp nhất: | 8.500 tỷ đồng |
| • Lợi nhuận trước thuế: | 130 tỷ đồng |
| • Cổ tức: | 12% |

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Giới thiệu thành viên HĐQT, BTGD, BKS, KẾ TOÁN TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông NGUYỄN VĂN THỌ

Chức vụ : Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày sinh: 01/01/1961, Nơi sinh: Gia Lai
Địa chỉ thường trú: 17 Trần Nhật Duật, Q.1, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần SAVICO Hà Nội
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dana

2. Ông NGUYỄN BÌNH MINH

Chức vụ: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày sinh: 13/02/1972, Nơi sinh: Hà Nội
Địa chỉ thường trú: 150/1 Ung Văn Khiêm, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bến Thành
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Toyota Cần Thơ
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SAVICO Hà Nội
- Thành viên HĐQT Công ty Liên Doanh SAVICO - Vinaland

3. Ông LƯƠNG QUANG HIỂN

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
Ngày sinh: 25/11/1967, Nơi sinh: Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú: 93 đường 37, P. Tân Quy, Q. 7, TP. HCM
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Giám Đốc điều hành Công ty Cổ phần Hùng Vương
- Thành viên Ban Đại Diện Quỹ đầu tư cân bằng Prudential (PRUBF1)
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần thực phẩm xuất khẩu Tân Bình

4. Ông TÊ TRÍ DŨNG

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
Ngày sinh: 14/08/1981, Nơi sinh: Tp. HCM
Địa chỉ thường trú: 56 Đinh Công Tráng, P. Tân Định, Q.1, Tp. HCM
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Tổng Giám Đốc Tổng Công ty Bến Thành
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Bến Thành
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bưu chính viễn thông Sài Gòn
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Du Lịch Sài Gòn Mũi Né

5. Ông VÕ HIỂN

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
- Phó Tổng Giám Đốc
Ngày sinh: 20/06/1956, Nơi sinh: Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú :159 Lý Tự Trọng, P. Bến Thành, Q. 1, Tp. HCM
Trình độ chuyên môn: Cao đẳng
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV Tổng hợp SAVICO MeKong

6. Ông TẠ PHƯỚC ĐẠT

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
Ngày sinh: 15/06/1969, Nơi sinh: Tp. HCM
Địa chỉ thường trú: 115/110A Lê Văn Sỹ, P. 13, Q. Phú Nhuận, Tp. HCM
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế Toán
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Việt Thái
- Thành viên HĐQT Công ty Du Lịch Bến Thành Long Hải

7. Ông LÊ HÙNG

Chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị
Ngày sinh: 24/08/1974, Nơi sinh: Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú: Xã Nghĩa Đông, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản Trị Kinh Doanh
Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu Bình Thạnh.

BAN ĐIỀU HÀNH

1. Ông MAI VIỆT HÀ

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Ông Mai Việt Hà được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty kể từ ngày 19/01/2015.

Ngày sinh: 18/02/1973, Nơi sinh: Hưng Yên

Địa chỉ thường trú: Lô A 4-6 C/c Khánh Hội, 360C Bến Vân Đồn, P. 1, Q. 4, Tp. HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (Saigon Ford)
- Phó chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Bến Thành Ô tô (Bến Thành Ford)
- Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Ô tô Sông Hàn
- Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao
- Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần OTOS

2. Ông VÕ HIỂN

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

3. Ông ĐOÀN VĂN QUANG

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Được bổ nhiệm kể từ ngày 08/01/2014

Ngày sinh: 20/10/1971, Nơi sinh: Bình Định

Địa chỉ thường trú: 326/16 Phan Đình Phùng,

Q. Phú Nhuận, Tp. HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH TM-DV Sài Gòn
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao

4. Bà NGUYỄN THU ANH

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Được bổ nhiệm kể từ ngày 08/01/2014

Ngày sinh: 02/10/1974, Nơi sinh: Nam Định

Địa chỉ thường trú: 51 Mỹ Văn, khu phố 6, Q. 7, Tp. HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

5. Ông NGUYỄN CÔNG BÌNH

Chức vụ: Phó Tổng Giám Đốc

Được bổ nhiệm kể từ ngày 04/04/2015

Ngày sinh: 31/03/1978, Nơi sinh: Tp. HCM

Địa chỉ thường trú: 327 Lô C, C/c Nguyễn Thiện Thuật, P.1, Q. 3, Tp. HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Trưởng BKS Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn
- Trưởng BKS Công ty Cổ phần SAVICO Hà Nội
- Thành viên BKS Công ty TNHH Toyota Cần Thơ

BAN KIỂM SOÁT

1. Bà NGUYỄN VIỆT HOÀ

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 12/05/1975, Nơi sinh: Thanh Hoá

Địa chỉ thường trú: 32/107 Bùi Đình Túy, P. 12,

Q. Bình Thạnh, Tp. HCM

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kế toán Kiểm toán

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Giám đốc Tài chính Tổng Công Ty Bến Thành.

2. Ông NGUYỄN CÔNG BÌNH

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm Soát

Xin từ nhiệm từ ngày 03/04/2015.

3. Ông NGUYỄN THÁI HOÀ

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày sinh: 08/06/1980, Nơi sinh: TP. HCM

Địa chỉ thường trú: 10/5 Khu phố 7, Huỳnh Tấn Phát,

Thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật – chuyên ngành Kinh tế.

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (Saigon Ford)
- Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Bến Thành Ô tô (Bến Thành Ford)
- Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần SAVICO Đà Nẵng
- Kiểm Soát Viên Công ty TNHH ComfortDelgro SAVICO Taxi

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông NGÔ VĂN DANH

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ngày sinh: 27/12/1975, Nơi sinh: Sài Gòn

Địa chỉ thường trú: 159/74/52 Trần Văn Đang,

Quận 3, TP. HCM

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính - Kế Toán

Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức kinh tế khác:

- Trưởng Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái.
- Trưởng Ban Kiểm Soát Công Ty TNHH Đông Đô Thành.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị:

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 cuộc họp Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị mở rộng, 59 lần trưng cầu xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản, qua đó đã ban hành 117 quyết định liên quan đến các lĩnh vực hoạt động của Công ty, cụ thể:

- 45 quyết định liên quan đến lĩnh vực dịch vụ thương mại;
- 14 quyết định liên quan đến lĩnh vực dịch vụ bất động sản;
- 10 quyết định liên quan đến lĩnh vực dịch vụ tài chính;
- 29 quyết định về nhân sự;
- 16 quyết định về một số vấn đề hoạt động khác của Công ty.

Các nội dung làm việc trong năm của HĐQT tập trung vào các vấn đề sau:

- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, cán bộ đại diện vốn tập trung đánh giá lại hoạt động giai đoạn 2010 - 2014, đi sâu vào phân tích hoạt động, kế hoạch của từng đơn vị, của công ty mẹ và đã xây dựng hoàn thiện chiến lược kinh doanh 2015 - 2020 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 thông qua.
- Hoàn thiện mô hình hoạt động và cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty; Củng cố, tái cấu trúc một số doanh nghiệp trong hệ thống; Hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng, vận hành hệ thống các quy định nội bộ của doanh nghiệp.
- Tập trung đầu tư, tăng quy mô, phát triển hệ thống kinh doanh và dịch vụ đối với lĩnh vực Dịch vụ thương mại; Vốn hoá, kêu gọi hợp tác đầu tư thành công một số dự án; Cơ cấu, phân bổ tài sản, nguồn vốn hợp lý cho các lĩnh vực đầu tư và ban hành quy chế quản lý tài chính.
- Tiếp tục tập trung công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và đã chuẩn bị được nguồn nhân lực kế cận có đủ phẩm chất, năng lực, tâm huyết và đam mê; Bổ nhiệm các nhân sự cấp cao trong Ban Tổng giám đốc để tập trung thực hiện mục tiêu, chiến lược của Công ty giai đoạn 2015 - 2020 và tầm nhìn 2030.
- Chỉ đạo việc xây dựng và thực hiện các chương trình nhằm nâng cao văn hoá doanh nghiệp để kết nối và cộng hưởng cho toàn hệ thống.

Hội đồng quản trị cũng đã phối hợp với Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động và kiểm tra thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của ĐHQĐ và Hội đồng quản trị giao.

Hoạt động của các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Nhìn chung, các Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị đã thực hiện hoạt động theo các mục tiêu đề ra; thực hiện giám sát, tư vấn việc thực hiện chiến lược phát triển các dự án đầu tư, và hạn chế rủi ro từ việc đầu tư trong những

năm kế tiếp, đảm bảo phát triển ổn định và bền vững.

- Tuy nhiên, vẫn còn một số Tiểu Ban chưa chủ động xây dựng kế hoạch, chương trình làm việc để có chỉ đạo, kiểm tra giám sát Ban Điều Hành và đề ra những giải pháp để hệ thống SAVICO phát triển bền vững.

BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm:

Ban Kiểm soát đã thực hiện các đợt kiểm tra định kỳ tình hình hoạt động của Công ty theo đúng lịch trình làm việc hàng năm cũng như thường xuyên thực hiện hoạt động thu thập số liệu, trao đổi làm rõ thông tin từ các bộ phận và cá nhân có liên quan của Công ty. Qua đó, Ban Kiểm soát theo dõi kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh, thực hiện giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty trong việc thực thi Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

Trong năm, Ban Kiểm soát cũng tham gia vào hoạt động giám sát tài chính Công ty và các đơn vị trong hệ thống để kịp thời đưa ra các ý kiến độc lập, các khuyến nghị đối với Hội đồng quản trị liên quan đến kết quả kiểm tra, giám sát nhằm góp phần kiểm soát rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động.

Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các bộ phận chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động của Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các buổi họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty, tham mưu, góp ý cho Hội đồng quản trị trong việc ra quyết định.

Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ II (2010 – 2015):

Đầu nhiệm kỳ II, Ban kiểm soát đã xây dựng Quy chế làm việc, phân công công việc giữa các thành viên Ban kiểm soát và thông báo đến Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Công ty. Trên cơ sở đó, định kỳ hàng năm, Ban Kiểm Soát tổ chức họp trao đổi thống nhất giữa các thành viên về kế hoạch công việc trong năm, nhiệm vụ cho các thành viên, phối hợp với các phòng ban, bộ phận có liên quan trong công tác kiểm tra - kiểm soát. Các kế hoạch này đều được thông báo đến Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty và các phòng ban, bộ phận có liên quan để chủ động trong công tác phối hợp.

Trong nhiệm kỳ qua, Ban kiểm soát đã thực hiện 10 đợt làm việc định kỳ tại Công ty (định kỳ 6 tháng/lần). Sau các đợt kiểm tra, Ban kiểm soát đã có các khuyến nghị cần thiết đến Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty. Bên cạnh đó, hàng quý Ban kiểm soát trao đổi, thu thập số liệu từ bộ phận Kế toán, bộ phận Tài chính, Thư ký Công ty, bộ phận Nghiên cứu phát triển, bộ phận Dịch vụ - Thương mại, bộ phận Dịch vụ Bất động sản... để theo dõi tình hình hoạt động Công ty, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty, việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Đặc biệt trong giai đoạn năm

2012, với rất nhiều khó khăn của nền kinh tế ảnh hưởng trực tiếp đến các lĩnh vực hoạt động then chốt của Công ty, Ban kiểm soát đã thống nhất với Hội đồng quản trị phối hợp với Ban điều hành, nhóm cán bộ đại diện vốn, các bộ phận chức năng triển khai các Tổ công tác làm việc theo chuyên đề tại các đơn vị trong hệ thống Công ty. Qua đó đã chỉ ra những mặt tích cực, những hạn chế, khó khăn của đơn vị trong bối cảnh kinh tế giai đoạn này và đưa ra các khuyến nghị, giải pháp; Góp phần vào các giải pháp quyết liệt, kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đưa hệ thống Công ty vượt qua khó khăn, từng bước ổn định và tiếp tục phát triển.

Các giao dịch và thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD, BKS Công ty:

	2014 (Vnd)	2013 (Vnd)
Thành viên Hội đồng Quản trị	2.744.680.000	2.626.500.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	1.305.400.000	790.000.000
Ban Kiểm soát	112.500.000	112.500.000
	4.162.580.000	3.529.000.000

CÁC GIẢI THƯỞNG, CÔNG TÁC IR, PR VÀ CÁC CÔNG TÁC KHÁC

CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM

SAVICO và một số các đơn vị thành viên trong hệ thống đã đạt các giải thưởng thương hiệu do các tổ chức uy tín trao tặng như sau:

- Top 50 Báo cáo Thường niên tốt nhất 2014
- Giải thưởng Doanh nghiệp mạnh và Phát triển bền vững do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Trung tâm Văn hoá Doanh nhân tổ chức.
- Ông Mai Việt Hà – PTGD SAVICO, Ông Phan Dương Cửu Long - TGD Công ty TNHH Sài Gòn Ôtô, Ông Bùi Cảnh Hưng - TGD Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn: Doanh nhân TPHCM Tiêu biểu 2014.
- Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500)
- Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500)
- Top 1.000 Doanh nghiệp đóng thuế thu nhập Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (V1000)
- Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam do Công ty Cổ phần Báo cáo đánh giá Việt Nam bình chọn.

Các giải thưởng khác do các tập đoàn, ngành nghề trao tặng:

- Công ty TNHH Sài Gòn Ôtô: Giải Vàng - Kỹ thuật viên toàn quốc
- Công ty Cổ phần Ôtô Bến Thành: Giải Ba - Giám đốc Dịch vụ, Giải Ba - Cố vấn dịch vụ
- Công ty Cổ phần Ôtô Sông Hàn: Giải Ba - Kỹ thuật viên 2014
- Công ty Liên Doanh Toyota Giải Phóng: Cúp Bạc - Kỹ năng chăm sóc khách hàng, Cúp Bạc - Kỹ năng phụ tùng
- Công ty TNHH Toyota Cần Thơ: Cúp Đồng - Phần Thi CVDV, Cúp Đồng - Phần thi Kỹ năng bán hàng.

CÔNG TÁC QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (IR)

Trong năm 2014, Công ty đã tổ chức thường xuyên các cuộc tiếp xúc, gặp gỡ trực tiếp cũng như qua điện thoại, email với các nhà đầu tư, cổ đông, các tổ chức truyền thông và các công ty chứng khoán để cập nhật, giải đáp thắc mắc cũng như chủ động điều chỉnh các thông tin chưa chính xác về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, Công ty đã tổ chức các buổi làm việc, tham quan hoạt động kinh doanh trong hệ thống cho các nhà đầu tư là tổ chức có thể mạnh về sự thành công, kinh nghiệm, khả năng tài chính... trong các hoạt động có tính chất tương đồng với Công ty (như kinh doanh hệ thống đại lý ô tô, dịch vụ bất động sản) đến để tìm hiểu các cơ hội đầu tư, hợp tác phát triển.

Về hoạt động công bố thông tin, bên cạnh việc thực hiện đúng và đủ theo quy định, Công ty chú trọng hơn đến các nội dung thuyết minh liên quan đến các thông tin được công bố.

Năm 2014 cũng là năm thứ 6 liên tiếp Công ty tham gia và nhận được giải thưởng từ cuộc thi bình chọn Báo cáo Thường niên do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM và Báo Đầu tư Chứng khoán phối hợp tổ chức.

Thời gian qua, Ban Quan hệ Cổ đông đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp chân tình, mang tính chất xây dựng để hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng tốt hơn.

Mục tiêu của hoạt động IR của Công ty trong năm 2015 là tiếp tục thực hiện tốt hoạt động công bố thông tin, đẩy mạnh hoạt động gặp gỡ cổ đông, nhà đầu tư, các tổ chức truyền thông, các công ty chứng khoán để thông tin rõ và kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đến với đông đảo cổ đông, nhà đầu tư.



PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU VÀ CÁC CÔNG TÁC KHÁC

Công tác phát triển thương hiệu

Hơn 32 năm xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Sài Gòn (SAVICO) đã xây dựng được hình ảnh và vị thế nhất định trong cộng đồng các nhà đầu tư, doanh nghiệp và người tiêu dùng trong nước.

Cùng với chiến lược trở thành một tập đoàn Đầu tư chuyên ngành dịch vụ hàng đầu tại thị trường Việt Nam, SAVICO đã tiếp tục vượt qua khó khăn và tăng trưởng ổn định, bền vững; điều này thể hiện qua kết quả hoạt động kinh doanh đã đạt được trong năm 2014.

Từ những con số đáng khích lệ này, vị trí Công ty luôn được khẳng định trên thị trường qua những giải thưởng danh hiệu cao quý do các cơ quan và tổ chức uy tín trao tặng như Top 100 Giải Sao Vàng Đất Việt đạt 07 năm liên tiếp từ năm 2007 - 2013; Top Báo cáo thường niên tốt nhất; Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam... Đội ngũ các nhà lãnh đạo và CBNV trong hệ thống cũng nhận được những phần thưởng vinh danh to lớn từ cộng đồng và xã hội: Top 100 Doanh nhân trẻ VN tiêu biểu, Doanh nhân Tp. HCM tiêu biểu cùng nhiều giải thưởng cao từ các hội thi

tay nghề do các nhà cung cấp tổ chức.

Xây dựng và phát huy văn hoá Doanh nghiệp cũng được xem là một nét son trong công tác xây dựng thương hiệu của SAVICO trong nhiều năm qua. Từ các sự kiện được tổ chức định kỳ hằng năm như: Hội nghị Kế hoạch, Ngày hội gia đình, Kỷ niệm ngày thành lập Công ty, chương trình SAVICO Tháng 10 - Tôn vinh các doanh nhân trong hệ thống, biểu dương các kỹ thuật viên xuất sắc trong các hội thi tay nghề, Tổng kết thi đua khen thưởng, Họp mặt tất niên đến các hoạt động như tổ chức chúc mừng Sinh nhật CBNV, các chương trình đối thoại,... đã giúp hình thành nên một nét văn hoá rất SAVICO mà qua đó như một chất keo giúp kết dính tinh thần đoàn kết tập thể, giúp phát huy một một lực vững vàng làm nền tảng cho cả tập thể SAVICO tự tin để đón đầu nhiều cơ hội và thách thức trong hoạt động kinh doanh của mình.

Thông qua việc thành lập CLB Thương hiệu nhằm kết nối công tác quản trị thương hiệu trong toàn hệ thống, kịp thời chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ các khó khăn trong công tác truyền thông tại các đơn vị thành viên không chỉ giúp thương hiệu SAVICO mà còn giúp các sản phẩm, dịch vụ tại các đơn vị thành viên tiếp cận và đến gần hơn với khách hàng, người tiêu dùng mục tiêu.

Công tác xây dựng và phát triển thương hiệu của SAVICO còn là việc xây dựng được niềm tin dành cho đối tác, khách hàng và cổ công thông qua thước đo là sự minh bạch, trung thực trong tất cả các hoạt động truyền thông và công bố thông tin. Mặt khác, Công ty còn luôn sẵn sàng chia sẻ những khó khăn để từ đó đưa ra các giải pháp tốt nhất trong các lĩnh vực kinh doanh của mình. Chính vì điều này, mà đối tác, khách hàng đã gắn bó lâu dài qua nhiều năm cũng đã được đảm bảo qua sự chia sẻ ấy.

Tiếp tục chặng đường mới 2015 - 2020, tầm nhìn đến 2030, cùng nhiều thay đổi trong chiến lược và tái cấu trúc bộ máy, công tác phát triển thương hiệu của SAVICO chắc chắn sẽ có nhiều đổi mới để bắt kịp với xu thế và tầm nhìn chung của toàn hệ thống. Nhưng chắc chắn rằng, với những nền tảng vững vàng đã có trong hơn 32 năm qua, SAVICO cùng với đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm và năng lực sẽ bước tiếp những bước đi vững chắc trong tương lai.

CÔNG TÁC XÃ HỘI, ĐOÀN THỂ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Vai trò của công tác xã hội và các hoạt động Đoàn thể đã góp một phần không nhỏ trong việc thúc đẩy hoạt động thi đua hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh trong toàn hệ thống.

- Phong trào thi đua lao động giỏi, hội thi tay nghề, các chương trình bán hàng, chăm sóc khách hàng, sửa chữa xe lưu động tại Thành Phố và các Tỉnh vào cuối tuần nhằm tăng doanh thu bán hàng, gia tăng lượng khách hàng trung thành.
- Tham gia các cuộc thi nâng cao tay nghề do các nhà cung cấp tổ chức.
- Phong trào thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến cũng đã được phát động đến tất cả các đơn vị trong hệ thống, phong trào tháng công nhân với 5 chương trình: Gặp gỡ đối thoại, Giờ thứ 9, Bàn tay vàng, Cùng công nhân vượt khó và Đồng hành cùng doanh nghiệp đã được các đơn vị nhiệt tình tham gia.
- Phát động thi đua "90 ngày hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014" đến toàn thể đoàn viên tổ công đoàn.

Đồng thời, trong năm vừa qua SAVICO cùng hệ thống các đơn vị thành viên cũng đã tiếp tục duy trì và củng cố các công tác chăm lo và bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho người lao động:

- Tổ chức Hội nghị Người lao động, ký kết thoả ước lao động tập thể.
- Xây dựng thoả ước lao động tập thể, thực hiện chế độ,

chính sách cho người lao động như lương, thưởng, Bảo hiểm xã hội, Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp đều được đảm bảo đầy đủ và đúng qui định cho người lao động.

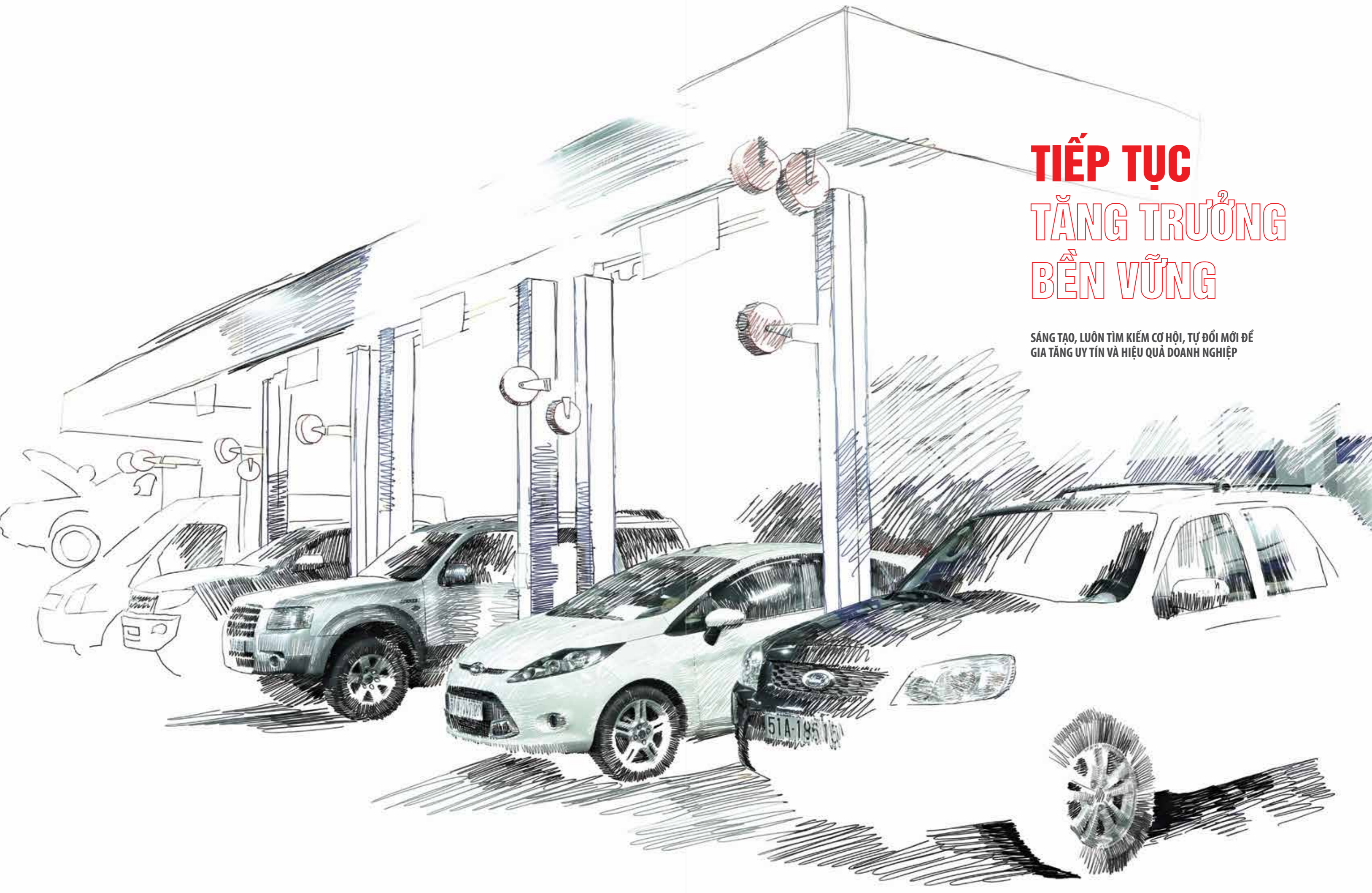
- Tổ chức tham quan, nghỉ mát hằng năm, ngày hội gia đình toàn hệ thống tạo điều kiện cho người lao động tái tạo sức lao động, kết nối và giao lưu; chăm lo tặng quà cho CBNV nhân ngày 8/3, 20/10, ngày của Mẹ, ngày của Cha, tặng quà cho các cháu thiếu nhi nhân ngày 1/6, tết Trung thu,...
- Chăm lo Người lao động trong dịp tết Nguyên Đán, để xuất hỗ trợ công đoàn cho vay không lãi suất để chữa bệnh, sửa chữa nhà,...

Công tác tuyên truyền, giáo dục trong các hoạt động Công đoàn tại Savico và các đơn vị thành viên cũng hết sức được chú trọng, trong đó Đoàn thanh niên được xem là đóng vai trò nòng cốt trong công tác đề xuất, tham mưu và tổ chức triển khai các hoạt động thực tiễn tại doanh nghiệp và hệ thống.

- Phổ biến đến cán bộ đoàn viên, người lao động quán triệt kế hoạch kinh doanh của đơn vị và vận động mọi người thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ chuyên môn, kinh doanh được giao ngay từ đầu năm trong hội nghị kế hoạch năm được tổ chức và theo từng tháng, quý.
- Tuyên truyền vận động CBĐV, người lao động thực hành tiết kiệm chi phí, đoàn kết, vượt qua khó khăn trong năm 2014, đăng ký chỉ tiêu kế hoạch và phấn đấu hoàn thành; phát huy sáng kiến, cải tiến đóng góp giải pháp đẩy mạnh kinh doanh.
- Triển khai chương trình hoạt động tháng công nhân, phát động nhắn tin chương trình "Vi biển đảo quê hương", họp mặt ĐV hát với nhau trong chương trình "Giờ thứ 9"; khảo sát và trợ cấp ĐV khó khăn trong chương trình "Cùng Công nhân vượt khó",...
- Vận động đoàn viên thực hiện các hoạt động an toàn vệ sinh lao động, công sở văn minh sạch đẹp và an toàn PCCC. Phổ biến đến các ĐCĐCSTV, Tổ Công đoàn nội dung thực hiện tháng "An toàn giao thông".
- Tích cực tham gia các chương trình hội thi văn nghệ, vinh quang Công Đoàn Việt Nam do Tổng Công Ty phát động trong không khí thi đua vui tươi và phấn khởi.
- Tăng cường công tác phổ biến kiến thức Công Đoàn và kết nạp Đoàn viên mới.

TIẾP TỤC TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG

SÁNG TẠO, LUÔN TÌM KIẾM CƠ HỘI, TỰ ĐỔI MỚI ĐỂ
GIÀ TĂNG UY TÍN VÀ HIỆU QUẢ DOANH NGHIỆP



THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Quyết định số

3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Tp. HCM cấp.

Giấy phép Kinh doanh

4103002955 ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 26 tháng 1 năm 2015. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ *Chủ tịch*
Ông Nguyễn Bình Minh *Phó Chủ tịch*
(từ ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Nguyễn Bình Minh *Thành viên*
(đến ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Tạ Phước Đạt *Thành viên*
Ông Võ Hiển *Thành viên*
Ông Tế Trí Dũng *Thành viên*
Ông Lương Quang Hiển *Thành viên*
Ông Lê Hùng *Thành viên*

Trụ sở đăng ký

68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Việt Hà *Tổng Giám đốc*
(từ ngày 19 tháng 1 năm 2015)
Ông Nguyễn Bình Minh *Tổng Giám đốc*
(từ ngày 8 tháng 1 năm 2014
đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)
Ông Nguyễn Vĩnh Thọ *Tổng Giám đốc*
(đến ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Đoàn Văn Quang *Phó Tổng Giám đốc*
(từ ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Bà Nguyễn Thu Nga *Phó Tổng Giám đốc*
(từ ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Võ Hiển *Phó Tổng Giám đốc*
Ông Nguyễn Bình Minh *Phó Tổng Giám đốc*
(đến ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Tạ Phước Đạt *Phó Tổng Giám đốc*
(đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)
Ông Phan Tuấn Dũng *Phó Tổng Giám đốc*
(đến ngày 15 tháng 3 năm 2014)
Ông Mai Việt Hà *Phó Tổng Giám đốc*
(đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Việt Hòa *Trưởng ban*
(từ ngày 28 tháng 3 năm 2014)
Ông Lê Xuân Đức *Trưởng ban*
(đến ngày 28 tháng 3 năm 2014)
Ông Nguyễn Thái Hòa *Thành viên*
(từ ngày 28 tháng 3 năm 2014)
Bà Nguyễn Phương Loan *Thành viên*
(đến ngày 28 tháng 3 năm 2014)
Ông Nguyễn Công Bình *Thành viên*

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 61 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
tại TP. HCM, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động
chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-383

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 6 đến trang 61.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0866-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

TP. HCM, ngày 23 tháng 3 năm 2015

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nguyễn Cẩm Tú

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2193-2013-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 01 – DN

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		135.846.105.916	187.523.929.721
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	46.270.712.230	24.515.494.949
Tiền	111		7.270.712.230	13.647.729.787
Các khoản tương đương tiền	112		39.000.000.000	10.867.765.162
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	47.805.076.136	42.673.301.361
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		63.588.156.490	61.954.136.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(15.783.080.354)	(19.280.834.639)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	18.435.479.180	117.799.354.716
Phải thu khách hàng	131		3.164.580.493	6.449.948.663
Trả trước cho người bán	132		1.758.913.006	85.799.625.113
Các khoản phải thu khác	135		13.511.985.681	25.549.780.940
Hàng tồn kho	140	8	20.774.995.892	43.813.382
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.559.842.478	2.491.965.313
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		427.059.160	386.504.617
Thuế phải thu Nhà nước	154		344.953.134	38.130.512
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.787.830.184	2.067.330.184

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.156.471.166.539	1.294.785.898.150
Các khoản phải thu dài hạn	210	7	81.345.621.247	76.845.621.247
Phải thu dài hạn khác	218		81.345.621.247	76.845.621.247
Tài sản cố định	220		396.877.067.442	662.305.788.765
Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.059.124.031	2.344.961.306
Nguyên giá	222		11.501.897.061	9.950.639.888
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.442.773.030)	(7.605.678.582)
Tài sản cố định vô hình	227	10	49.795.989.703	43.174.479.684
Nguyên giá	228		54.371.011.809	47.084.099.490
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.575.022.106)	(3.909.619.806)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	344.021.953.708	616.786.347.775
Bất động sản đầu tư	240	12	172.665.657.525	179.039.700.824
Nguyên giá	241		225.388.783.099	225.388.783.099
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(52.723.125.574)	(46.349.082.275)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	501.878.708.757	372.800.675.746
Đầu tư vào công ty con	251		260.884.906.814	154.045.222.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		57.358.709.000	56.353.359.436
Đầu tư dài hạn khác	258		196.236.376.112	185.662.344.630
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(12.601.283.169)	(23.260.250.320)
Tài sản dài hạn khác	260		3.704.111.568	3.794.111.568
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.583.611.568	2.583.611.568
Tài sản dài hạn khác	268		1.120.500.000	1.210.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.292.317.272.455	1.482.309.827.871

BẢNG CÂN ĐỐI

KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 01 – DN

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		629.546.778.991	823.324.350.517
Nợ ngắn hạn	310		362.656.728.784	461.165.259.840
Vay ngắn hạn	311	14	18.123.418.970	60.427.675.248
Phải trả người bán	312	15	6.798.914.377	3.810.712.537
Người mua trả tiền trước	313		10.549.668.850	179.366.247.551
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	12.703.917.195	6.796.906.468
Phải trả người lao động	315		25.728.914.439	30.415.871.234
Chi phí phải trả	316	17	9.473.933.109	12.469.584.234
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	274.300.048.742	164.623.597.375
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	4.977.913.102	3.254.665.193
Nợ dài hạn	330		266.890.050.207	362.159.090.677
Phải trả dài hạn khác	333	20	118.097.470.509	115.427.465.521
Vay dài hạn	334	21	95.345.896.390	191.887.691.844
Doanh thu chưa thực hiện	338	22	53.446.683.308	54.843.933.312

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		662.770.493.464	658.985.477.354
Vốn chủ sở hữu	410	23	662.770.493.464	658.985.477.354
Vốn cổ phần	411	24	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	414	24	(690.474.358)	(690.474.358)
Quỹ đầu tư và phát triển	417		12.469.151.903	12.469.151.903
Quỹ dự phòng tài chính	418		12.469.151.903	12.469.151.903
Lợi nhuận chưa phân phối	420		71.502.075.713	67.717.059.603
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.292.317.272.455	1.482.309.827.871

Người lập



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 3 năm 2015
Người duyệt



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 02 - DN

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	01	25	283.707.766.113	61.687.928.299
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	(861.272.047)	(85.983.120)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10	25	282.846.494.066	61.601.945.179
Giá vốn hàng bán	11	26	(215.013.653.650)	(29.306.395.006)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		67.832.840.416	32.295.550.173
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	36.739.031.854	56.793.225.308
Chi phí tài chính	22	28	(10.797.466.902)	(26.831.954.400)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(14.569.056.931)	(24.429.651.652)
Chi phí bán hàng	24		(783.063.447)	(596.703.986)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(32.407.885.388)	(28.910.609.778)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		60.583.456.533	32.749.507.317
Thu nhập khác	31	29	7.313.550.426	10.912.060.182
Chi phí khác	32	30	(16.771.711.295)	(1.543.346.522)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		(9.458.160.869)	9.368.713.660
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		51.125.295.664	42.118.220.977
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	(10.176.710.311)	(4.902.822.533)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	-	(1.675.874.914)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		40.948.585.353	35.539.523.530
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.640	1.423

Người lập



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 3 năm 2015
Người duyệt



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 03 - DN (Phương pháp gián tiếp)

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		51.125.295.664	42.118.220.977
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		7.876.540.047	8.811.136.109
Các khoản dự phòng	03		(14.156.721.436)	110.987.090
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		-	(20.000.000)
Lỗ từ thanh lý đầu tư tài chính dài hạn vào công ty con	05		5.361.449.810	47.272.155
Lỗ từ thanh lý đầu tư tài chính dài hạn vào công ty liên kết	05		3.288.850.453	-
Lỗ từ xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		245.616.673	-
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(26.736.132.379)	(20.006.412.747)
Lỗ thuần từ kinh doanh chứng khoán	05		1.343.209.510	-
Chi phí lãi vay	06		14.569.056.931	24.429.651.652
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		42.917.165.273	55.490.855.236
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		91.626.846.383	59.100.341.653
Biến động hàng tồn kho	10		190.717.371.198	62.806.205
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(45.569.926.962)	139.757.846.330
Biến động chi phí trả trước	12		-	346.265.269
			279.691.455.892	254.758.114.693
Tiền lãi vay đã trả	13		(27.088.824.296)	(48.869.541.625)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(12.023.671.308)	(13.754.026.122)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	9.312.189.790
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(5.469.712.934)	(7.495.723.896)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		235.109.247.354	193.951.012.840

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN

TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Mẫu B 03 - DN (Phương pháp gián tiếp)

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(29.842.656.698)	(116.770.892.513)
Tiền thu từ thanh lý xây dựng cơ bản dở dang	22		1.474.011.286	45.000.000
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào chứng khoán	22		7.598.355.000	6.570.300.000
Tiền thu từ thanh lý đầu tư vào công ty con và công ty liên kết			6.040.500.000	1.960.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(57.203.523.449)	(2.740.795.979)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	26		734.199.983	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		27.176.384.367	17.531.519.034
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(44.022.729.511)	(93.404.869.458)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		203.340.105.439	77.691.207.789
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(342.186.157.171)	(133.521.714.699)
Tiền trả cổ tức	36		(30.485.248.830)	(24.655.691.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(169.331.300.562)	(80.486.198.060)

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2014 VND	2013 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		21.755.217.281	20.059.945.322
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		24.515.494.949	4.455.549.627
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50 + 60)	70	5	46.270.712.230	24.515.494.949

Người lập



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 3 năm 2015
Người duyệt



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Quyết định số

3448/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004
3449/QĐ-UB ngày 9 tháng 7 năm 2004

Các quyết định này do Ủy Ban Nhân Dân Tp. HCM cấp.

Giấy phép Kinh doanh

4103002955 ngày 15 tháng 12 năm 2004

Giấy phép kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy phép kinh doanh số 0301154821 ngày 26 tháng 1 năm 2015. Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. HCM cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ *Chủ tịch*
Ông Nguyễn Bình Minh *Phó Chủ tịch*
(từ ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Nguyễn Bình Minh *Thành viên*
(đến ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Tạ Phước Đạt *Thành viên*
Ông Võ Hiển *Thành viên*
Ông Tế Trí Dũng *Thành viên*
Ông Lương Quang Hiển *Thành viên*
Ông Lê Hùng *Thành viên*

Trụ sở đăng ký

68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q. 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mai Việt Hà *Tổng Giám đốc*
(từ ngày 19 tháng 1 năm 2015)
Ông Nguyễn Bình Minh *Tổng Giám đốc*
(từ ngày 8 tháng 1 năm 2014
đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)
Ông Nguyễn Vĩnh Thọ *Tổng Giám đốc*
(đến ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Đoàn Văn Quang *Phó Tổng Giám đốc*
(từ ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Bà Nguyễn Thu Nga *Phó Tổng Giám đốc*
(từ ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Võ Hiển *Phó Tổng Giám đốc*
Ông Nguyễn Bình Minh *Phó Tổng Giám đốc*
(đến ngày 8 tháng 1 năm 2014)
Ông Tạ Phước Đạt *Phó Tổng Giám đốc*
(đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)
Ông Phan Tuấn Dũng *Phó Tổng Giám đốc*
(đến ngày 15 tháng 3 năm 2014)
Ông Mai Việt Hà *Phó Tổng Giám đốc*
(đến ngày 19 tháng 1 năm 2015)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Việt Hòa *Trưởng ban*
(từ ngày 28 tháng 3 năm 2014)
Ông Lê Xuân Đức *Trưởng ban*
(đến ngày 28 tháng 3 năm 2014)
Ông Nguyễn Thái Hòa *Thành viên*
(từ ngày 28 tháng 3 năm 2014)
Bà Nguyễn Phương Loan *Thành viên*
(đến ngày 28 tháng 3 năm 2014)
Ông Nguyễn Công Bình *Thành viên*

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 6 đến trang 64 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn ("Công ty") và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
tại TP. HCM, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động
chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-383

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con ("được gọi chung là Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 6 đến trang 64.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0866-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

TP. HCM, ngày 23 tháng 3 năm 2015

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Nguyễn Cẩm Tú

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2193-2013-007-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 01 – DN/HN

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		850.167.915.033	904.383.830.530
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	179.855.579.173	187.157.793.659
Tiền	111		136.264.039.173	160.727.048.497
Các khoản tương đương tiền	112		43.591.540.000	26.430.745.162
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	53.807.128.679	42.675.353.904
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		69.590.209.033	61.956.188.543
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(15.783.080.354)	(19.280.834.639)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	241.925.470.112	322.176.581.309
Phải thu khách hàng	131		180.495.663.976	182.247.915.338
Trả trước cho người bán	132		22.341.293.910	110.790.187.857
Các khoản phải thu khác	135		39.537.358.660	29.167.537.174
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(448.846.434)	(29.059.060)
Hàng tồn kho	140	8	345.562.579.432	327.294.943.521
Hàng tồn kho	141		349.052.523.101	329.859.439.689
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.489.943.669)	(2.564.496.168)
Tài sản ngắn hạn khác	150		29.017.157.637	25.079.158.137
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6.400.386.877	5.110.255.889
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.377.987.969	3.879.275.692
Thuế phải thu Nhà nước	154		1.116.681.706	714.911.865
Tài sản ngắn hạn khác	158		10.122.101.085	15.374.714.691

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.788.434.821.014	1.901.432.002.573
Các khoản phải thu dài hạn	210	7	9.345.621.247	4.345.621.247
Phải thu dài hạn khác	218		9.345.621.247	4.345.621.247
Tài sản cố định	220		667.200.003.459	783.651.895.915
Tài sản cố định hữu hình	221	9	181.834.605.708	120.457.119.269
<i>Nguyên giá</i>	222		272.433.479.303	190.038.973.990
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(90.598.873.595)	(69.581.854.721)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	10	-	1.974.158.868
<i>Nguyên giá</i>	225		-	5.280.483.547
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(3.306.324.679)
Tài sản cố định vô hình	227	11	50.719.400.830	44.434.270.003
<i>Nguyên giá</i>	228		60.558.856.159	53.263.288.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.839.455.329)	(8.829.018.837)
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	230	12	434.645.996.921	616.786.347.775
Bất động sản đầu tư	240	13	748.333.861.693	765.790.945.029
<i>Nguyên giá</i>	241		860.824.567.718	854.040.766.295
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(112.490.706.025)	(88.249.821.266)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	14	299.845.134.838	273.950.703.616
Đầu tư vào công ty liên kết	252		98.866.042.688	87.569.378.997
Đầu tư dài hạn khác	258		204.351.640.112	189.320.158.630
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(3.372.547.962)	(2.938.834.011)
Tài sản dài hạn khác	260		63.710.199.777	73.692.836.766
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	36.783.542.803	45.257.021.973
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	33	3.767.835.493	2.669.442.312
Tài sản dài hạn khác	268		23.158.821.481	25.766.372.481
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.638.602.736.047	2.805.815.833.103

BẢNG CÂN ĐỐI

KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 01 - DN/HN

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.667.197.994.009	1.888.334.348.278
Nợ ngắn hạn	310		969.259.400.348	1.080.265.978.973
Vay ngắn hạn	311	16	413.133.029.920	478.290.058.679
Phải trả thương mại	312		96.568.059.294	109.602.109.423
Người mua trả tiền trước	313		57.139.531.631	228.420.211.506
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	33.652.596.327	28.913.488.080
Phải trả người lao động	315		65.789.300.868	67.918.393.954
Chi phí phải trả	316	18	27.002.005.743	23.708.971.886
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	19	267.082.846.811	136.887.652.266
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	20	8.892.029.754	6.525.093.179
Nợ dài hạn	330		697.938.593.661	808.068.369.305
Phải trả dài hạn khác	333	21	173.309.910.091	185.196.226.578
Vay dài hạn	334	22	397.073.375.426	502.209.827.703
Doanh thu chưa thực hiện	338	23	127.555.308.144	120.662.315.024
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		754.603.303.849	741.609.750.122
Vốn chủ sở hữu	410	24	754.603.303.849	741.609.750.122
Vốn cổ phần	411	25	249.955.730.000	249.955.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		317.064.858.303	317.064.858.303
Cổ phiếu quỹ	414	25	(690.474.358)	(690.474.358)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.093.483.305	5.093.483.305
Quỹ đầu tư và phát triển	417		20.579.438.084	19.172.474.946
Quỹ dự phòng tài chính	418		20.102.186.741	18.472.324.897
Lợi nhuận chưa phân phối	420		142.498.081.774	132.541.353.029
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	26	216.801.438.189	175.871.734.703
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		2.638.602.736.047	2.805.815.833.103

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ trong tiền		
USD	543	871
Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba – được trình bày bằng VND	92.299.543.053	90.571.650.672

Người lập



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 3 năm 2015
Người duyệt



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 02 - DN/HN

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu	01	27	7.939.698.170.623	6.595.628.151.519
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	(9.456.390.759)	(13.262.568.762)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10	27	7.930.241.779.864	6.582.365.582.757
Giá vốn hàng bán	11	28	(7.429.963.163.553)	(6.186.678.221.044)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		500.278.616.311	395.687.361.713
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	11.387.456.520	44.459.960.054
Chi phí tài chính	22	30	(67.564.894.871)	(84.771.832.677)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(64.142.222.565)	(88.158.375.350)
Chi phí bán hàng	24		(187.250.220.059)	(169.500.322.431)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(165.213.173.009)	(147.305.933.640)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		91.637.784.892	38.569.233.019
Thu nhập khác	31	31	58.850.738.612	50.189.951.018
Chi phí khác	32	32	(40.591.805.868)	(8.007.359.940)
Lợi nhuận từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		18.258.932.744	42.182.591.078
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết	41	14	8.751.205.868	3.959.616.144
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		118.647.923.504	84.711.440.241
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	(31.908.297.424)	(21.825.335.773)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	1.041.391.181	(1.765.781.334)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		87.781.017.261	61.120.323.134

	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 + 51 + 52)	60		87.781.017.261	61.120.323.134
Phân bổ cho:				
Các cổ đông thiểu số	61	26	35.973.324.829	19.948.253.386
Các cổ đông của Công ty	62		51.807.692.432	41.172.069.748
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	2.074	1.648

Người lập



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 3 năm 2015
Người duyệt



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp) Mẫu B 03 - DN/HN

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	01		118.647.923.504	84.711.440.241
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		46.268.640.090	46.681.441.190
Các khoản dự phòng	03		(1.694.187.478)	(7.957.655.999)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(2.481.039.874)	(673.454.534)
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	05		(664.950.000)	(464.673.782)
Lỗ từ thanh lý đầu tư vào công ty liên kết	05		2.694.669.694	-
Lỗ từ xóa sổ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	05		245.616.673	286.527.273
Thu nhập cổ tức và lãi tiền gửi	05		(5.392.421.309)	(14.651.666.633)
Lỗ thuần từ kinh doanh chứng khoán	05		1.343.209.510	-
Thu nhập từ các công ty liên kết	05		(8.751.205.868)	(3.959.616.144)
Chi phí lãi vay	06		64.142.222.565	88.158.375.350
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		214.358.477.507	192.130.716.962
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		84.195.221.794	23.844.777.067
Biến động hàng tồn kho	10		192.664.732.756	(77.503.255.618)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(59.650.523.725)	70.995.158.019
Biến động chi phí trả trước	12		7.183.348.182	17.426.059.760
			438.751.256.514	226.893.456.190
Tiền lãi vay đã trả	13		(67.733.019.851)	(88.771.700.134)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(31.054.179.708)	(32.133.924.605)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	9.460.449.421
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.263.611.866)	(8.537.138.424)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		331.700.445.089	106.911.142.448

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	2014 VND	2013 VND
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(123.164.262.896)	(128.913.651.064)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		10.094.569.908	5.564.609.094
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vào chứng khoán	22		7.598.355.000	6.570.300.000
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn tài chính khác			907.500.000	6.582.481.592
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(44.899.616.482)	(2.740.795.979)
Tiền thu hồi từ đầu tư vào các công ty liên kết			734.199.983	1.960.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức (Tiền chi cho)/tiền thu hồi từ tài sản dài hạn khác	27		5.392.421.309	14.774.724.908
			(2.392.449.000)	13.906.250.321
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(145.729.282.178)	(82.296.081.128)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		3.870.681.841.050	2.980.813.258.415
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.039.649.274.822)	(3.003.651.529.110)
Tiền thu từ vốn phát hành bởi các công ty con cho cổ đông thiểu số			29.098.000.000	3.200.000.000
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(1.326.047.264)	(904.017.600)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	36		(30.485.248.830)	(24.655.691.150)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông thiểu số của các công ty con			(21.592.647.531)	(14.387.669.932)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(193.273.377.397)	(59.585.649.377)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(7.302.214.486)	(34.970.588.057)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		187.157.793.659	222.128.381.716
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	179.855.579.173	187.157.793.659

Ngày 23 tháng 3 năm 2015

Người lập

Người duyệt



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

01. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một Công ty Cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Dịch vụ và thương mại: kinh doanh, phân phối, sửa chữa và bảo trì xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng của Toyota, Ford, GM, Suzuki, Hyundai, SYM, Yamaha; kinh doanh trang sức, vật liệu xây dựng; cung cấp dịch vụ bar và khách sạn;
- Bất động sản: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; cho thuê nhà kho, văn phòng, trung tâm thương mại; đầu tư, phát triển các dự án bất động sản theo định hướng kinh doanh cao ốc văn phòng, căn hộ, các khu biệt thự và khu nghỉ dưỡng cao cấp;
- Dịch vụ tài chính: đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và vào cổ phiếu của các đơn vị khác hoạt động trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ, bất động sản và cơ sở hạ tầng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn có 1.810 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.791 nhân viên).

02. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

03. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt

động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

(ii) Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi các khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả thay cho các công ty liên kết.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong Tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro

về thay đổi giá trị và được giữ nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(d) Đầu tư ngắn hạn và dài hạn

Đầu tư ngắn hạn khác bao gồm đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và không niêm yết và đầu tư ngắn hạn khác.

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được lập như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường cho mục đích lập dự phòng là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng phù hợp với quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường cho mục đích lập dự phòng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng phù hợp với quy định của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn khác, cơ sở để lập dự phòng là báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế mà Tập đoàn đầu tư phù hợp với quy định của Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho bao gồm dự án khu dân cư, ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế.

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh đối với bất động sản, xe ô tô, xe máy và bình quân gia quyền đối với phụ tùng thay thế và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm quyền sử dụng đất và chi phí phát triển đất.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm tại thời điểm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng

dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa	6 - 42 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 10 năm
Phương tiện vận chuyển	5 - 6 năm
Khác	3 - 5 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng. Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 20 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Các dự án đang được xây dựng và phát triển cho mục đích sử dụng hỗn hợp trong tương lai như tài sản cố định, bất động sản đầu tư và tài sản để bán (hàng tồn kho) được phân loại là xây dựng cơ bản dở dang và được thể hiện theo nguyên giá, cho đến khi việc xây dựng hoặc phát triển được hoàn thành hoặc nguyên giá được xác định một cách đáng tin cậy cho các tài sản này, tại thời điểm đó chúng được phân loại và sau đó được ghi nhận là tài sản cố định, bất động sản đầu tư hoặc hàng tồn kho. Tài sản cố định, bất động sản đầu tư và hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá. Sau đó, chúng được ghi nhận theo các chính sách kế toán được thể hiện trong các thuyết minh tương ứng.

Tất cả các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua và phát triển một dự án, chi phí phát sinh từ quyền sử dụng đất đi thuê, và tất cả chi phí vốn sau đó cho việc phát triển đủ điều kiện là chi phí mua được vốn hóa.

Chi phí vay được vốn hóa nếu liên quan trực tiếp đến việc mua, xây dựng hay sản xuất một tài sản đủ điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí vay bắt đầu khi các hoạt động cần thiết trong việc chuẩn bị tài sản đang được tiến hành và các chi phí cho việc đầu tư xây dựng và chi phí vay bắt đầu phát sinh. Việc vốn hoá chi phí vay sẽ chấm dứt khi tài sản hầu như đã trong trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tỷ lệ vốn hóa được tính bằng cách tham chiếu đến lãi suất thực tế phải trả trên các khoản vay cho mục đích phát triển, hoặc phần của chi phí phát triển được tài trợ bởi khoản vay chung, được phân bổ dựa trên lãi suất trung bình.

(k) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí liên quan trực tiếp đến việc

đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ tại thời điểm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Quyền sử dụng đất	18 - 50 năm
Nhà cửa	5 - 36 năm

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 8 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

(m) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự tính phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(o) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính. Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong

thời gian ngắn;

- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì

mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;

- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Các tài sản tài chính khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất được phân loại là các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - Được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải

trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính trên bảng cân đối kế toán hợp nhất được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(q) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi kỳ từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu kinh doanh bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng nền đất và bán nhà theo mẫu thiết kế sẵn không theo yêu cầu riêng của từng khách hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm muộn hơn giữa thời điểm bán hoặc thời điểm hoàn thành bất động sản.

(ii) Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(iii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(s) Doanh thu tài chính

(i) Doanh thu từ lãi tiền gửi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(t) Các khoản thanh toán thuế hoạt động

Các khoản thanh toán thuế hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản và bất động sản đầu tư đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hoá vào nguyên giá các tài sản này.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ. Tập đoàn không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

(w) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

(x) Các bên liên quan

Các cổ đông, doanh nghiệp và cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tập đoàn, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, cán bộ điều hành của Tập đoàn, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

04. BÁO CÁO BỘ PHẬN

	DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI		DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN		DỊCH VỤ TÀI CHÍNH		TỔNG CỘNG	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Cho năm kết thúc ngày:								
Doanh thu bộ phận	7.561.303.976.857	6.487.407.666.859	368.937.803.007	94.957.915.898	-	-	7.930.241.779.864	6.582.365.582.757
Thu nhập khác của bộ phận	41.189.305.213	25.377.023.724	17.756.209.793	46.674.311.608	3.597.275.690	3.314.959.315	62.542.790.696	75.366.294.647
Giá vốn trực tiếp của bộ phận	(7.189.418.469.165)	(6.168.703.523.868)	(240.544.694.388)	(17.974.697.176)	-	-	(7.429.963.163.553)	(6.186.678.221.044)
Chi phí khác trực tiếp của bộ phận	(332.682.787.935)	(306.987.855.609)	(108.436.284.328)	(90.792.395.575)	(1.878.258.410)	(3.797.837.564)	(442.997.330.673)	(401.578.088.748)
Lợi nhuận của bộ phận kinh doanh	80.392.024.970	37.093.311.106	37.713.034.084	32.865.134.755	1.719.017.280	(482.878.249)	119.824.076.334	69.475.567.612
Doanh thu không phân bổ					16.446.610.304			23.243.232.569
Chi phí không phân bổ					(17.622.763.134)			(8.007.359.940)
					118.647.923.504			84.711.440.241

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

	DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI		DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN		DỊCH VỤ TÀI CHÍNH		TỔNG CỘNG	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản								
Tài sản ngắn hạn	720.206.967.182	728.051.797.995	82.415.443.355	133.055.165.453	47.545.504.496	43.276.867.082	850.167.915.033	904.383.830.530
Tài sản dài hạn	278.601.352.634	277.956.477.420	1.505.050.368.887	1.619.548.268.841	1.015.264.000	1.257.814.000	1.784.666.985.521	1.898.762.560.261
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	3.767.835.493	2.669.442.312
	998.808.319.816	1.006.008.275.415	1.587.465.812.242	1.752.603.434.294	48.560.768.496	44.534.681.082	2.638.602.736.047	2.805.815.833.103
Nợ phải trả								
Nợ ngắn hạn	567.218.156.266	599.095.088.451	388.277.352.396	453.339.548.291	13.763.891.686	27.831.342.231	969.259.400.348	1.080.265.978.973
Nợ dài hạn	129.280.877.121	69.768.437.880	564.351.582.154	738.299.931.425	4.306.134.386	-	697.938.593.661	808.068.369.305
	696.499.033.387	668.863.526.331	952.628.934.550	1.191.639.479.716	18.070.026.072	27.831.342.231	1.667.197.994.009	1.888.334.348.278

Cho năm kết thúc ngày:

	DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI		DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN		DỊCH VỤ TÀI CHÍNH		TỔNG	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Khấu hao và phân bổ	22.027.755.331	21.546.536.764	24.240.884.759	25.134.904.426	-	-	46.268.640.090	46.681.441.190
Các khoản dự phòng	1.369.852.856	404.578.112	-	-	(3.064.040.334)	(8.362.234.111)	(1.694.187.478)	(7.957.655.999)
Chi tiêu vốn	95.329.743.763	10.941.505.450	27.834.519.133	117.972.145.614	-	-	123.164.262.896	128.913.651.064

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

05. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	7.258.329.191	7.572.387.045
Tiền gửi ngân hàng	129.005.709.982	152.619.955.702
Tiền đang chuyển	-	534.705.750
Các khoản tương đương tiền	43.591.540.000	26.430.745.162
	179.855.579.173	187.157.793.659

Trong các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có 2.542 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 26.281 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

06. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư ngắn hạn vào		
• Cổ phiếu niêm yết	14.015.656.490	4.338.960.000
• Cổ phiếu chưa niêm yết	49.574.552.543	57.617.228.543
	63.590.209.033	61.956.188.543
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác (*)	6.000.000.000	-
	69.590.209.033	61.956.188.543
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(15.783.080.354)	(19.280.834.639)
	53.807.128.679	42.675.353.904

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản đầu tư vào các cổ phiếu sau:

	31/12/2014	
	SỐ LƯỢNG	VND
Công cụ vốn - đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu của:		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Xuất Nhập khẩu 2	500.000	14.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh	1.350.000	13.500.000.000
- Công ty Cổ phần Bến Thành Non Nước	90.000	9.000.000.000
- Công ty Cổ phần Việt Thái	650.760	8.042.676.000
- Công ty Cổ phần Bến Thành Long Hải	691.126	6.772.500.000
- Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu	180.000	6.300.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bến Thành	182.129	3.289.960.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên	289.530	2.683.020.490
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	812	2.052.543
	3.934.357	63.590.209.033

(*) Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn sau 3 tháng kể từ ngày giao dịch (ngày 31 tháng 12 năm 2013: Không).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản đầu tư ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 5.718 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	19.280.834.639	41.920.000.000
Phân loại lại từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	3.262.766.551
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(24.929.700.000)
Hoàn nhập	(3.497.754.285)	(972.231.912)
Số dư cuối năm	15.783.080.354	19.280.834.639

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

07. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

Trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 3.393 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 96.773 triệu VND).

08. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Hàng mua đang đi trên đường	15.553.222.728	9.475.902.732
Vật tư và phụ tùng thay thế	9.041.913.301	5.675.989.846
Sản phẩm dở dang	23.017.854.422	2.293.214.671
Thành phẩm	213.035.173	8.202.267
Hàng hóa	300.624.679.295	312.210.430.040
Hàng gửi đi bán	601.818.182	195.700.133
	349.052.523.101	329.859.439.689
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.489.943.669)	(2.564.496.168)
	345.562.579.432	327.294.943.521

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	2.564.496.168	3.583.556.613
Tăng dự phòng trong năm	943.161.465	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(17.713.964)	(101.920.200)
Hoàn nhập	-	(917.140.245)
Số dư cuối năm	3.489.943.669	2.564.496.168

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 165.003 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 169.770 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

09. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	NHÀ CỬA VND	MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ VND	THIẾT BỊ VĂN PHÒNG VND	PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN VND	KHÁC VND	TỔNG CỘNG VND
Số dư đầu năm	122.708.376.283	32.971.462.381	5.355.181.003	23.144.618.228	5.859.336.095	190.038.973.990
Tăng trong năm	51.426.830.797	11.213.506.330	1.930.370.499	20.026.334.083	3.405.789.735	88.002.831.444
Thanh lý	-	(126.170.611)	-	(10.453.329.279)	-	(10.579.499.890)
Xóa sổ	-	(293.866.818)	(15.442.970)	-	-	(309.309.788)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	-	5.280.483.547	-	-	5.280.483.547
Số dư cuối năm	174.135.207.080	43.764.931.282	12.550.592.079	32.717.623.032	9.265.125.830	272.433.479.303
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	34.948.292.780	19.687.092.388	4.173.338.026	7.937.308.457	2.835.823.070	69.581.854.721
Khấu hao trong năm	9.596.687.440	4.561.197.390	723.228.007	4.299.941.202	1.007.688.365	20.188.742.404
Thanh lý	-	(535.328.852)	-	(2.430.641.004)	-	(2.965.969.856)
Xóa sổ	-	(293.866.818)	(15.442.970)	-	-	(309.309.788)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	-	4.103.556.114	-	-	4.103.556.114
Số dư cuối năm	44.544.980.220	23.419.094.108	8.984.679.177	9.806.608.655	3.843.511.435	90.598.873.595
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	87.760.083.503	13.284.369.993	1.181.842.977	15.207.309.771	3.023.513.025	120.457.119.269
Số dư cuối năm	129.590.226.860	20.345.837.174	3.565.912.902	22.911.014.377	5.421.614.395	181.834.605.708

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 22.906 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 20.311 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 40.872 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.463 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH THUÊ TÀI CHÍNH

	THIẾT VỊ VĂN PHÒNG VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	5.280.483.547
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.280.483.547)
Số dư cuối năm	-
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	3.306.324.679
Khấu hao trong năm	797.231.435
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.103.556.114)
Số dư cuối năm	-
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.974.158.868
Số dư cuối năm	-

Vào ngày kết thúc hợp đồng thuê, Tập đoàn có quyền chọn mua thiết bị với giá ưu đãi.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT KHÔNG CÓ THỜI HẠN XÁC ĐỊNH VND	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÓ THỜI HẠN XÁC ĐỊNH VND	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH VND	TỔNG CỘNG VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	36.486.639.190	2.142.595.350	53.263.288.840
Tăng trong năm	-	7.286.912.319	40.000.000	7.326.912.319
Xóa sổ	-	-	(31.345.000)	(31.345.000)
Số dư cuối năm	14.634.054.300	43.773.551.509	2.151.250.350	60.558.856.159
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	6.945.762.028	1.883.256.809	8.829.018.837
Khấu hao trong năm	-	900.795.140	140.986.352	1.041.781.492
Xóa sổ	-	-	(31.345.000)	(31.345.000)
Số dư cuối năm	-	7.846.557.168	1.992.898.161	9.839.455.329
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	14.634.054.300	29.540.877.162	259.338.541	44.434.270.003
Số dư cuối năm	14.634.054.300	35.926.994.341	158.352.189	50.719.400.830

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 1.785 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 548 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 27.899 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 28.540 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

12. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	616.786.347.775	492.609.027.541
Tăng trong năm	36.764.597.374	125.997.990.244
Chuyển sang hàng tồn kho	(211.875.530.132)	(1.534.142.737)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(6.783.801.423)	-
Xóa sổ	(245.616.673)	(286.527.273)
Số dư cuối năm	434.645.996.921	616.786.347.775

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự án Quốc lộ 13	205.001.515.814	204.944.001.629
Dự án Nam Cẩm Lệ, Đà Nẵng	74.563.358.488	77.229.210.858
Dự án Mecure Sơn Trà, Đà Nẵng	83.794.011.286	75.632.214.523
Dự án CN4-3 Phú Mỹ Hưng	-	54.937.738.080
Dự án 104 Phổ Quang	34.878.168.629	26.303.521.184
Dự án Tam Bình – Hiệp Bình Phước	-	155.155.893.142
Dự án Cao ốc văn phòng 277 – 279 Lý Tự Trọng	18.228.025.937	11.673.685.260
Dự án 66 – 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa	11.110.328.757	10.670.213.016
Chi phí nâng cấp chỗ sửa ô tô của Toyota Pháp Vân, một chi nhánh của Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	3.654.200.366	-
Dự án Chi nhánh Hyundai Gia Lai (một chi nhánh của Công ty Cổ phần SAVICO Đà Nẵng)	3.175.831.561	-
Dự án Hồ Tràm, Xuyên Mộc	240.556.083	239.870.083
	434.645.996.921	616.786.347.775

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ là 46.040 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 42.864 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 8.930 triệu VND (2013: 18.500 triệu VND).

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VND	NHÀ CỬA VND	TỔNG CỘNG VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	133.201.140.041	720.839.626.254	854.040.766.295
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	6.783.801.423	-	6.783.801.423
Số dư cuối năm	139.984.941.464	720.839.626.254	860.824.567.718
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	14.263.776.705	73.986.044.561	88.249.821.266
Khấu hao trong năm	4.237.389.780	20.003.494.979	24.240.884.759
Số dư cuối năm	18.501.166.485	93.989.539.540	112.490.706.025
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	118.937.363.336	646.853.581.693	765.790.945.029
Số dư cuối năm	121.483.774.979	626.850.086.714	748.333.861.693

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn bao gồm các bất động sản và quyền sử dụng đất cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản với nguyên giá 12.746 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 11.702 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 671.154 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 691.559 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết	98.866.042.688	87.569.378.997
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	204.351.640.112	189.320.158.630
	303.217.682.800	276.889.537.627
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(3.372.547.962)	(2.938.834.011)
	299.845.134.838	273.950.703.616

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư của Tập đoàn vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh bất động sản với các pháp nhân riêng được thành lập với giá trị ghi sổ là 199.652 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 189.320 triệu VND) và tiền gửi ngân hàng dài hạn với giá trị ghi sổ là 4.700 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: Không).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản đầu tư dài hạn có giá trị ghi sổ là 4.700 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: Không) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Biến động đầu tư tài chính dài hạn vào công ty liên kết như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	87.569.378.997	92.508.120.585
Đầu tư mới	13.050.000.000	83.050.436
Thu nhập từ lợi nhuận thuần của công ty liên kết (sau thuế thu nhập doanh nghiệp)	8.751.205.868	3.959.616.144
Cổ tức từ công ty liên kết	(7.075.672.500)	(7.021.408.168)
Thanh lý các công ty liên kết	(8.909.369.677)	(1.960.000.000)
Chuyển nhượng nội bộ một công ty liên kết	6.040.500.000	-
Thu hồi một phần đầu tư tài chính dài hạn vào một công ty liên kết (c)	(560.000.000)	-
	98.866.042.688	87.569.378.997

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	2.938.834.011	13.591.602.761
Tăng dự phòng trong năm	433.713.951	-
Phân loại lại sang dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	-	(3.262.766.551)
Hoàn nhập	-	(7.390.002.199)
Số dư cuối năm	3.372.547.962	2.938.834.011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

TÊN	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ	% SỞ HỮU	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Liên doanh ComfortDelgro SAVICO Taxi	Điều hành dịch vụ vận tải bằng taxi và các dịch vụ khác có liên quan tại Việt Nam.	Giấy phép Đầu tư số 824/GP-HCM do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005.	40,03%	30.680.975.476	31.869.886.914
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD) (a)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và được điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2007.	28,19%	7.451.862.891	6.602.937.626
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003 và được điều chỉnh ngày 14 tháng 7 năm 2005 và ngày 14 tháng 11 năm 2007.	35,16%	47.679.461.182	45.223.981.109
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội (b)	Kinh doanh, cung cấp dịch vụ tư vấn và đầu thầu bất động sản, quảng cáo.	Giấy phép Kinh doanh số 0309535441 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 1 năm 2010.	-	-	1.189.007.367
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành SAVICO (c)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu SYM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006.	37,33%	70.072.710	1.566.141.297
Công ty Cổ phần Siêu xe (b)	Chuyên cung cấp phụ tùng, phụ kiện, trang trí nội thất xe ô tô.	Giấy phép Kinh doanh số 4103008825 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 12 năm 2007 và điều chỉnh ngày 6 tháng 3 năm 2008.	-	-	1.117.424.684
Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành Phố Mới Bình Dương (d)	Kinh doanh xe ô tô mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 3702287077 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 7 năm 2014.	35,41%	12.983.670.429	-

98.866.042.688 **87.569.378.997**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

(a) Tại ngày 26 tháng 3 năm 2014, Công ty thanh lý một công ty liên kết – Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD). Công ty ký một thỏa thuận chuyển nhượng vốn góp với Công ty Cổ phần SAVICO Đà Nẵng, một công ty con, theo đó Công ty chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ cổ phần của Công ty trong DANA FORD cho Công ty Cổ phần SAVICO Đà Nẵng kể từ ngày 3 tháng 1 năm 2014. Không có khoản lãi hay lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý này.

(b) Trong năm, Công ty Cổ phần Siêu xe và Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội đã được giải thể.

Lỗ phát sinh từ thanh lý/giải thể các công ty liên kết, được bao gồm trong chi phí tài chính trong năm, như sau:

	CÔNG TY CỔ PHẦN DANA VND	CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TỔNG HỢP SÀI GÒN KHÁNH HỘI VND	CÔNG TY CỔ PHẦN SIÊU XE VND	TỔNG VND
Tiền thu từ thanh lý/giải thể các công ty liên kết	6.040.500.000	174.199.983	-	6.214.699.983
Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được thanh lý/giải thể	(6.602.937.626)	(1.189.007.367)	(1.117.424.684)	(8.909.369.677)
Lỗ từ thanh lý/giải thể các công ty liên kết	(562.437.626)	(1.014.807.384)	(1.117.424.684)	(2.694.669.694)

(c) Trong năm, Tập đoàn đã thu hồi một phần đầu tư của Công ty vào Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành SAVICO, một công ty liên kết, là 560 triệu VND.

(d) Trong năm, Tập đoàn góp 35,41% vào vốn của Công ty Cổ phần Dịch Vụ Ô tô Thành Phố Mới Bình Dương và có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty này.

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty liên kết như sau:

	TỔNG TÀI SẢN 31/12/2014 VND	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ 31/12/2014 VND	VỐN CHỦ SỞ HỮU 31/12/2014 VND	LỢI NHUẬN/(LỖ) THUẬN SAU THUẾ TNDN 2014 VND
Công ty Liên doanh ComfortDelgro SAVICO Taxi	85.898.446.146	9.253.491.173	76.644.954.973	(2.970.051.056)
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	44.220.768.810	26.149.427.017	18.071.341.793	8.304.750.163
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	363.349.307.806	227.742.194.090	135.607.113.716	26.269.432.736
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành SAVICO	187.885.642	-	187.885.642	(2.513.599.335)
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Ô tô Thành Phố Mới Bình Dương	39.365.661.078	14.632.971.369	24.732.689.709	(187.310.291)

	TỔNG TÀI SẢN 31/12/2013 VND	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ 31/12/2013 VND	VỐN CHỦ SỞ HỮU 31/12/2013 VND	LỢI NHUẬN/(LỖ) THUẬN SAU THUẾ TNDN 2013 VND
Công ty Liên doanh ComfortDelgro SAVICO Taxi	107.635.623.993	28.020.617.964	79.615.006.029	(4.854.002.659)
Công ty Cổ phần Dana (DANA FORD)	36.553.255.155	21.553.255.155	15.000.000.000	4.275.457.890
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	320.222.705.827	191.599.323.831	128.623.381.996	16.732.873.294
Công ty TNHH Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Khánh Hội	2.427.463.949	918.301	2.426.545.648	173.561.974
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành SAVICO	8.698.408.609	4.496.923.632	4.201.484.977	(1.059.848.456)
Công ty Cổ phần Siêu xe	254.356.952	421.025.621	(166.668.669)	-

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công cụ và dụng cụ	2.671.477.178	8.509.899.125
Chi phí thuê đất trả trước	12.733.960.616	14.632.898.017
Chi phí nâng cấp	14.781.713.089	18.835.808.099
Các chi phí khác	6.596.391.920	3.278.416.732
	36.783.542.803	45.257.021.973

16. VAY NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay bằng VND	362.787.833.920	427.896.227.651
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	50.345.196.000	50.393.831.028
	413.133.029.920	478.290.058.679

Trong vay ngắn hạn có 68.725 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 179.208 triệu VND) vay không đảm bảo và 294.063 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 248.688 triệu VND) đảm bảo bằng các tài sản sau đây:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản tương đương tiền	2.541.540.000	15.412.980.000
Các khoản đầu tư ngắn hạn	5.718.022.800	-
Hàng tồn kho	148.251.615.423	169.770.411.810
Tài sản cố định hữu hình	-	1.979.798.718
Bất động sản đầu tư	33.419.410.703	44.660.768.949
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	4.700.000.000	-
	194.630.588.926	231.823.959.477

Các khoản vay ngắn hạn này chịu lãi suất dao động từ 2,1% đến 9% (2013: 1,8% đến 14%) một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	2014 VND	2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.625.774.566	4.695.785.030
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.313.503.872	7.459.386.156
Thuế thu nhập cá nhân	4.582.896.487	3.440.776.366
Các khoản phải nộp khác	15.130.421.402	13.317.540.528
	33.652.596.327	28.913.488.080

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	519.068.474	4.109.865.760
Chi phí thuê	254.143.228	360.965.451
Chi phí lương và các chi phí liên quan	4.676.937.820	2.720.000.000
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	9.783.046.548	9.515.595.775
Chi phí hoạt động được trích trước	3.810.076.095	1.572.108.775
Các chi phí khác	7.958.733.578	5.430.436.125
	27.002.005.743	23.708.971.886

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	2014 VND	2013 VND
Cổ tức phải trả	6.974.401.435	4.040.651.275
Vay từ một bên liên quan	-	6.541.734.555
Vay từ các bên thứ ba (a)	1.800.000.000	3.000.000.000
Trả hộ các bên liên quan	-	926.194.003
Phải trả Vinaland Investments Limited (b)	130.323.934.900	-
Phải trả đối tác của một dự án bất động sản (c)	40.235.200.000	-
Phải trả một khách hàng	5.856.400.000	5.856.400.000
Ký quỹ ngắn hạn nhận được cho Dự án Tam Bình – Hiệp Bình Phước	59.101.838.270	42.442.208.800
Ký quỹ ngắn hạn nhận được từ một khách hàng cho Dự án Nam Sài Gòn	-	54.887.738.080
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	6.932.017.411	6.470.400.000
Phải trả cho các đối tác trong Dự án Phan Văn Trị	1.130.055.440	1.895.371.856
Phải trả liên quan đến xe đã qua sử dụng bán hộ khách hàng	-	511.000.000
Góp vốn từ các bên khác của hợp đồng vào Dự án Siêu thị Ô tô	1.384.764.476	1.473.697.257
Phí bảo hiểm thu hộ các đại lý bảo hiểm	3.117.487.977	1.640.628.598
Hoa hồng tư vấn bán hàng phải trả	1.446.828.107	253.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.779.918.795	6.948.627.842
	267.082.846.811	136.887.652.266

- (a) Vay từ các bên thứ ba tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chịu lãi suất 8,5% (2013: lãi suất dao động từ 10,7% đến 13%) một năm. Các khoản này phải trả vào ngày 31 tháng 10 năm 2015.
- (b) Phải trả Vinaland Investments Limited tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 thể hiện khoản ứng trước từ đối tác này theo Thỏa thuận Chuyển nhượng vốn ngày 20 tháng 11 năm 2014 về việc góp vốn của Công ty vào Công ty TNHH SAVICO-VINALAND.
- (c) Phải trả đối tác của một dự án bất động sản thể hiện khoản ứng trước từ đối tác này theo Thỏa thuận Hợp tác ký ngày 10 tháng 7 năm 2014 về một dự án tại 104 Phố Quang.

20. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	6.525.093.179	6.649.990.345
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	8.603.572.264	6.610.854.931
Sử dụng quỹ trong năm	(6.236.635.689)	(6.735.752.097)
Số dư cuối năm	8.892.029.754	6.525.093.179

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ký quỹ dài hạn nhận được	45.977.607.041	61.400.248.429
Phải trả dài hạn khác	127.332.303.050	123.795.978.149
	173.309.910.091	185.196.226.578

Phải trả dài hạn khác, không chịu lãi, thể hiện số tiền nhận được từ các đối tác tham gia vào các dự án bất động sản của Tập đoàn và các khoản phải trả cho các hợp đồng dài hạn khác như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự án Bình An	22.042.917.434	19.532.917.434
Dự án Quốc lộ 13	25.098.400.000	26.098.400.000
Dự án cao ốc văn phòng 227-229 Lý Tự Trọng	47.714.227.225	43.621.215.625
Dự án 104 Phổ Quang	10.000.000.000	14.549.119.468
Dự án Phan Văn Trị	14.882.586.965	14.233.633.130
Phải trả tiền thuê đất cho chủ đất	7.594.171.426	5.760.692.492
	127.332.303.050	123.795.978.149

22. VAY DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn bằng VND	447.418.571.426	451.277.611.467
Trái phiếu dài hạn phát hành	-	100.000.000.000
	447.418.571.426	551.277.611.467
Nợ thuê tài chính	-	1.326.047.264
	447.418.571.426	552.603.658.731
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 16)	(50.345.196.000)	(50.393.831.028)
Hoàn trả sau 12 tháng	397.073.375.426	502.209.827.703

Trong vay dài hạn có 12.100 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 20.963 triệu VND) vay không đảm bảo và 435.319 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 430.315 triệu VND) đảm bảo bằng các tài sản sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản tương đương tiền	-	10.867.765.162
Hàng tồn kho	16.751.846.290	-
Tài sản cố định hữu hình	40.872.396.466	1.483.285.750
Tài sản cố định vô hình	27.899.312.792	28.540.425.384
Xây dựng cơ bản dở dang	46.039.831.209	42.863.999.648
Bất động sản đầu tư	637.734.352.845	646.898.536.979
	769.297.739.602	730.654.012.923

Các khoản vay dài hạn này chịu lãi suất dao động từ 3,4% đến 11% (2013: 3% đến 18%) một năm.

23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Doanh thu từ cho thuê văn phòng	102.368.932.133	109.727.200.000
Doanh thu từ cho thuê đất	9.004.800.000	-
Doanh thu từ dịch vụ bảo hành và chăm sóc khách hàng	16.181.576.011	10.508.238.412
Doanh thu chưa thực hiện khác	-	426.876.612
	127.555.308.144	120.662.315.024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

24. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

	VỐN CHỦ SỞ HỮU		CHÉNH LỆCH		LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI VND	TỔNG VND
	VỐN CHỦ SỞ HỮU VND	CHÉNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOẠI VND	THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN VND	QUỸ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VND		
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	249.955.730.000	317.064.858.303 (690.474.358)	5.093.483.305	18.718.976.700	17.802.254.521	733.037.908.229
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	41.172.069.748
Trích các quỹ	-	-	-	453.498.246	670.070.376	(1.123.568.622)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.406.513.911)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(24.975.507.000)
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.888.513.767)
Các khoản giảm khác	-	-	-	-	-	(329.693.177)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	249.955.730.000	317.064.858.303	5.093.483.305	19.172.474.946	18.472.324.897	741.609.750.122
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	51.807.692.432
Trích các quỹ	-	-	-	1.406.963.138	1.629.861.844	(3.036.824.982)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.644.987.627)
Cổ tức (Thuyết minh số 37)	-	-	-	-	-	(29.970.608.400)
Trích quỹ hoạt động cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(2.026.976.177)
Các khoản giảm khác	-	-	-	-	-	(171.566.501)
SỐ DƯ TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014	249.955.730.000	317.064.858.303 (690.474.358)	5.093.483.305	20.579.438.084	20.102.186.741	754.603.303.849

25. VỐN CỔ PHẦN

	31/12/2014		31/12/2013	
	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	VND	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	VND
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	24.995.573	249.955.730.000	24.995.573	249.955.730.000
Cổ phiếu quỹ	(20.066)	(690.474.358)	(20.066)	(690.474.358)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	249.265.255.642	24.975.507	249.265.255.642

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

26. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	175.871.734.703	169.423.686.070
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông thiểu số trong năm	35.973.324.829	19.948.253.386
Góp vốn trong năm	29.098.000.000	3.200.000.000
Cổ tức	(21.592.647.531)	(14.387.669.932)
Quỹ khen thưởng và phúc lợi phân bổ cho cổ đông thiểu số	(1.958.584.637)	(1.117.213.580)
Khác	(590.389.175)	(1.195.321.241)
Số dư cuối năm	216.801.438.189	175.871.734.703

27. TỔNG DOANH THU

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2014 VND	2013 VND
Tổng doanh thu		
• Chuyển nhượng bất động sản	226.145.504.359	1.086.474.762
• Bán hàng hóa	7.091.192.063.245	6.004.020.446.119
• Dịch vụ	479.568.304.371	496.649.789.502
• Cho thuê	142.792.298.648	93.871.441.136
	7.939.698.170.623	6.595.628.151.519
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu	(9.456.390.759)	(13.262.568.762)
Doanh thu thuần	7.930.241.779.864	6.582.365.582.757

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2014 VND	2013 VND
Hàng hóa đã bán	6.860.892.974.256	5.812.963.217.119
Dịch vụ đã cung cấp	352.712.079.232	347.963.097.007
Chi phí khấu hao của bất động sản đầu tư	24.240.884.759	25.134.904.426
Giá trị còn lại của bất động sản đã chuyển nhượng	191.174.063.841	1.534.142.737
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	943.161.465	(917.140.245)
	7.429.963.163.553	6.186.678.221.044

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	1.995.628.109	11.664.362.233
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	220.282.490	44.623.519
Thu nhập từ thanh lý một khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	664.950.000	-
Cổ tức	3.396.793.200	2.987.304.400
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.046.570.370	1.116.361.849
Doanh thu tài chính khác	4.063.232.351	28.647.308.053
	11.387.456.520	44.459.960.054

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	64.142.222.565	88.158.375.350
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	1.563.492.000	188.345.937
Lỗ từ thanh lý/giải thể đầu tư tài chính dài hạn vào công ty liên kết	2.694.669.694	-
Chi phí kinh doanh chứng khoán	52.570.644	37.734.791
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	807.784.082	2.069.559.119
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	(3.064.040.334)	(8.362.234.111)
Các chi phí tài chính khác	1.368.196.220	2.680.051.591
	67.564.894.871	84.771.832.677

31. THU NHẬP KHÁC

	2014 VND	2013 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	10.094.569.908	5.564.609.094
Thu từ thanh lý chi phí trả trước dài hạn	4.421.964.161	-
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	19.147.172.105	11.496.720.690
Hoa hồng nhận được từ các đơn vị khác	9.150.518.363	15.449.997.759
Hỗ trợ từ Vinaland Investments Limited trong thời gian xây dựng của Dự án SAVICO-Vinaland	-	10.400.000.000
Bồi thường từ các khách hàng do hủy hợp đồng	7.106.437.840	1.132.170.000
Bồi thường từ một đối tác do hủy hợp đồng (*)	7.000.000.000	-
Các thu nhập khác	1.930.076.235	6.146.453.475
	58.850.738.612	50.189.951.018

(*) Thu nhập này thể hiện khoản bồi thường nhận từ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khánh Hội (Khahomex) do hủy hợp đồng ngày 25 tháng 9 năm 2013 về việc mua căn hộ tại Dự án 56 Bến Vân Đồn. Khoản bồi thường này đã được đồng ý giữa hai bên theo thỏa thuận hủy hợp đồng ngày 9 tháng 1 năm 2014.

32. CHI PHÍ KHÁC

	2014 VND	2013 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình được thanh lý	7.613.530.034	4.891.154.560
Giá trị còn lại của chi phí trả trước dài hạn được thanh lý	5.988.045.049	-
Nộp bổ sung Ngân sách Nhà nước	16.924.009.460	-
Các chi phí khác	10.066.221.325	3.116.205.380
	40.591.805.868	8.007.359.940

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Các khoản dự phòng	-	27.282.888
Chi phí phải trả	2.722.698.294	2.642.159.424
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	1.045.137.199	-
	3.767.835.493	2.669.442.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT *(tiếp theo)*

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	30.300.444.363	21.621.412.008
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.607.853.061	203.923.765
	31.908.297.424	21.825.335.773
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	-	(2.493.705.148)
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	3.746.018	4.259.486.482
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	(1.045.137.199)	-
	(1.041.391.181)	1.765.781.334
Chi phí thuế thu nhập	30.866.906.243	23.591.117.107

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	118.647.923.504	84.711.440.241
Thuế theo thuế suất thuế thu nhập áp dụng cho Công ty	26.102.543.171	21.177.860.059
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.461.590.348	1.413.222.555
Thu nhập không chịu thuế	(4.034.210.242)	(2.830.029.716)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	3.888.475.754	1.926.461.145
Lỗ tính thuế được sử dụng	(2.949.322.078)	-
Tài sản/(nợ phải trả) thuế thu nhập hoãn lại không ghi nhận trên hoàn nhập dự phòng/(dự phòng) giảm giá đầu tư tài chính dài hạn vào công ty con và công ty liên kết	789.976.229	(2.161.863.172)
Ảnh hưởng của thay đổi trong thuế suất	-	3.861.542.471
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.607.853.061	203.923.765
Chi phí thuế thu nhập	30.866.906.243	23.591.117.107

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được một số công ty con ghi nhận trên lỗ tính thuế vì các công ty con này không chắc chắn có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng lợi ích của các khoản lỗ tính thuế này.

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất phổ biến được áp dụng cho các doanh nghiệp tại Việt Nam, hiện nay bằng 22% trên lợi nhuận tính thuế. Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn trong năm	51.807.692.432	41.172.069.748

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông

	2014 Số lượng cổ phiếu	2013 Số lượng cổ phiếu
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.975.507	24.975.507

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

35. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản; và
- Rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	THUYẾT MINH	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(ii)	172.597.249.982	179.050.700.864
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác vào các khoản tiền gửi ngân hàng	(ii)	6.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn	(iii)	228.929.797.449	215.732.014.699
Đầu tư dài hạn khác vào tiền gửi ngân hàng	(ii)	4.700.000.000	-
		412.227.047.431	394.782.715.563

(ii) Tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn vào tiền gửi ngân hàng

Tiền, các khoản tương đương tiền tại ngân hàng và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác vào tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 30 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Phải thu thương mại và các khoản phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn – chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn – tại thời điểm cuối năm như sau:

	GỘP 31/12/2014 VND	DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI 31/12/2014 VND	GỘP 31/12/2013 VND	DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI 31/12/2013 VND
Không quá hạn	217.895.334.327	300.000.000	205.782.930.152	-
Quá hạn từ 0 đến 30 ngày	8.211.561.617	-	3.482.247.187	-
Quá hạn từ 31 đến 180 ngày	1.454.739.797	-	6.321.104.019	13.927.195
Quá hạn trên 180 ngày	1.817.008.142	148.846.434	174.792.401	15.131.865
	229.378.643.883	448.846.434	215.761.073.759	29.059.060

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	29.059.060	541.621.193
Tăng dự phòng trong năm	426.691.391	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(6.904.017)	(78.424.778)
Hoàn nhập	-	(434.137.355)
Số dư cuối năm	448.846.434	29.059.060

(c) Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh toán của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh toán để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	GIÁ TRỊ GHI SỐ VND	DÒNG TIỀN THEO HỢP ĐỒNG VND	TRONG VÒNG 1 NĂM VND	1 - 2 NĂM VND	2 - 5 NĂM VND	TREN 5 NĂM VND
Vay ngắn hạn	413.133.029.920	422.968.611.127	422.968.611.127	-	-	-
Phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác	363.650.906.105	363.778.336.242	363.778.336.242	-	-	-
Phải trả người lao động	65.789.300.868	65.789.300.868	65.789.300.868	-	-	-
Chi phí phải trả	27.002.005.743	27.002.005.743	27.002.005.743	-	-	-
Vay dài hạn	397.073.375.426	485.147.782.257	-	211.777.784.810	260.117.950.226	13.252.047.221
Nợ dài hạn khác	173.309.910.091	173.309.910.091	-	125.595.682.866	-	47.714.227.225
	1.439.958.528.153	1.537.995.946.328	879.538.253.980	337.373.467.676	260.117.950.226	60.966.274.446

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	GIÁ TRỊ GHI SỐ VND	DÒNG TIỀN THEO HỢP ĐỒNG VND	TRONG VÒNG 1 NĂM VND	1 - 2 NĂM VND	2 - 5 NĂM VND	TREN 5 NĂM VND
Vay ngắn hạn	478.290.058.679	419.496.407.629	419.496.407.629	-	-	-
Phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác	246.489.761.689	339.478.087.247	339.478.087.247	-	-	-
Phải trả người lao động	67.918.393.954	67.918.393.954	67.918.393.954	-	-	-
Chi phí phải trả	23.708.971.886	23.708.971.886	23.708.971.886	-	-	-
Trái phiếu dài hạn phát hành	100.000.000.000	119.133.333.333	12.470.833.333	106.662.500.000	-	-
Vay dài hạn và nợ thuê tài chính	402.209.827.703	580.523.861.908	68.815.820.665	110.515.945.439	283.787.434.532	117.404.661.272
Nợ dài hạn khác	185.196.226.578	185.196.226.578	123.277.170.713	11.648.913.120	-	50.270.142.745
	1.503.813.240.489	1.735.455.282.535	1.055.165.685.427	228.827.358.559	283.787.434.532	167.674.804.017

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

Tập đoàn quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Tập đoàn có rủi ro hối đoái từ các giao dịch đầu tư bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn, là VND. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tập đoàn có nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng rủi ro hối đoái như sau:

	31/12/2014 USD	31/12/2013 USD
Tiền	543	871
Phải trả dài hạn khác	(60.000)	(341.300)
	(59.457)	(340.429)

Sau đây là tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	TỶ GIÁ TẠI NGÀY	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
1 USD	21.085	20.815

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn, sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, là không đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Tập đoàn như sau:

	GIÁ TRỊ GHI SỔ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	43.591.540.000	26.430.745.162
Đầu tư tài chính ngắn hạn khác vào tiền gửi ngân hàng	6.000.000.000	-
	49.591.540.000	26.430.745.162
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	129.005.709.982	152.619.955.702
Đầu tư tài chính dài hạn khác vào tiền gửi ngân hàng	4.700.000.000	-
Vay ngắn hạn	(413.133.029.920)	(478.290.058.679)
Các khoản phải trả, phải nộp khác	(1.800.000.000)	(9.063.708.333)
Vay dài hạn	(397.073.375.426)	(402.209.827.703)
Trái phiếu dài hạn phát hành	-	(100.000.000.000)
	(678.300.695.364)	(836.943.639.013)

Tập đoàn không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

Việc tăng 100 điểm lãi suất cơ bản sẽ làm lợi nhuận thuần của Tập đoàn giảm đi 2.645 triệu VND (2013: 3.139 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

		GIÁ TRỊ GHI SỔ	
		31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán			
Đầu tư tài chính ngắn hạn	(**)	47.807.128.679	42.675.353.904
Đầu tư tài chính dài hạn	(**)	295.145.134.838	273.950.703.616
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu			
Tiền và các khoản tương đương tiền	(*)	179.855.579.173	187.157.793.659
Đầu tư ngắn hạn khác vào tiền gửi ngân hàng	(*)	6.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác – ngắn hạn và dài hạn	(**)	228.929.797.449	215.732.014.699
Đầu tư dài hạn khác vào tiền gửi ngân hàng	(*)	4.700.000.000	-
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ			
Vay ngắn hạn	(**)	(413.133.029.920)	(478.290.058.679)
Phải trả người bán và các khoản phải trả, phải nộp khác	(**)	(363.650.906.105)	(246.489.761.689)
Phải trả người lao động	(**)	(65.789.300.868)	(67.918.393.954)
Chi phí phải trả	(**)	(27.002.005.743)	(23.708.971.886)
Trái phiếu dài hạn phát hành	(**)	-	(100.000.000.000)
Vay dài hạn	(**)	(397.073.375.426)	(402.209.827.703)
Phải trả dài hạn khác	(**)	(173.309.910.091)	(185.196.226.578)
		(677.520.888.014)	(784.297.374.611)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và 2013, giá trị hợp lý của tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn vào các khoản tiền gửi ngân hàng bằng giá trị ghi sổ của chúng.

(**) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các quy định có liên quan của Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

36. CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	2014 VND	2013 VND
Thu nhập từ thanh lý đầu tư tài chính dài hạn khác (Dự án 56 Bến Vân Đồn) bằng việc cần trừ với các khoản phải trả, phải nộp khác	-	5.492.492.766
Thu nhập từ thanh lý đầu tư tài chính dài hạn khác (Dự án 56 Bến Vân Đồn) bằng việc cần trừ với trả trước cho người bán	-	78.677.314.301

37. CỔ TỨC

Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 28 tháng 3 năm 2014 đã quyết định chia cổ tức của năm 2013 là 29.971 triệu VND, bằng 12% mệnh giá của những cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm chia cổ tức.

38. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Xác định các bên liên quan

Tập đoàn có mối quan hệ liên quan với các công ty liên kết và các cán bộ quản lý chủ chốt. Tập đoàn có các công ty con sau:

CÔNG TY CON	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ	% SỞ HỮU
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô (SAIGON FORD)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu FORD và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4102001544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 6 năm 2000, được điều chỉnh ngày 5 tháng 3 năm 2003, ngày 22 tháng 10 năm 2003, ngày 26 tháng 4 năm 2005, ngày 9 tháng 10 năm 2010 và ngày 22 tháng 7 năm 2013.	52,05%
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng (TGP)	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 14/GP-HN do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 1998.	51%
Công ty TNHH Đông Đô Thành	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4102014294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003 và được điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2003 và ngày 5 tháng 12 năm 2011 và ngày 2 tháng 8 năm 2012.	55%

	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ	% SỞ HỮU
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn (YAMAHA Cần Thơ)	Kinh doanh xe gắn máy mang nhãn hiệu YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5702001169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 11 tháng 8 năm 2006 và được điều chỉnh ngày 23 tháng 6 năm 2011.	88,12%
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh xe ô tô và xe gắn máy mang nhãn hiệu SUZUKI, HONDA và YAMAHA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Kinh doanh số 4103007242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 5 năm 2008.	55%
Công ty Cổ phần SAVICO Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp; đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe ô tô; cho thuê máy; dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 28 tháng 10 năm 2009 và ngày 6 tháng 10 năm 2010.	70%
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Kinh doanh xe mang nhãn hiệu TOYOTA và phụ tùng thay thế, cung cấp dịch vụ bảo trì.	Giấy phép Đầu tư số 571022000005 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007 và được điều chỉnh ngày 9 tháng 9 năm 2009 và ngày 4 tháng 5 năm 2012.	51%
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp SAVICO-Mekong	Kinh doanh xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1801231071 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 31 tháng 12 năm 2011 và được điều chỉnh ngày 13 tháng 1 năm 2012.	51%
Công ty Cổ phần SAVICO Đà Nẵng (*)	Kinh doanh bất động sản; cho thuê văn phòng và nhà xưởng; tư vấn, môi giới bất động sản; kinh doanh xe ô tô, xe có động cơ khác và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp dịch vụ vận chuyển.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401581979 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 3 tháng 1 năm 2014.	70%
Công ty Cổ phần OtoS (*)	Cung cấp dịch vụ quảng cáo; kinh doanh xe ô tô và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và sửa chữa; cung cấp phần mềm và các dịch vụ liên quan đến công nghệ thông tin.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0312801485 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 6 năm 2014 và được điều chỉnh ngày 8 tháng 8 năm 2014.	77,07%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

	HOẠT ĐỘNG CHÍNH	GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ	% SỞ HỮU
Công ty Cổ phần Đà Nẵng Sơn Trà (*)	Kinh doanh bất động sản; cung cấp dịch vụ khách sạn và du lịch; điều hành dịch vụ nhà hàng, cung cấp thực phẩm và thức uống; cung cấp dịch vụ vận tải và xây dựng dân sự.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0401610891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 17 tháng 6 năm 2014.	98%
Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long (*)	Kinh doanh ô tô mang nhãn hiệu GM và phụ tùng thay thế; cung cấp dịch vụ bảo trì và vận tải.	Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1801343681 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 26 tháng 6 năm 2014.	84,17%

(*) Trong năm, Công ty đã góp vốn 70% vào Công ty Cổ phần SAVICO Đà Nẵng, 77,07% vào Công ty Cổ phần OtoS, 98% vào Công ty Cổ phần Đà Nẵng Sơn Trà và 84,17% vào Công ty Cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long.

Giao dịch với các cán bộ quản lý chủ chốt

Lương, thù lao và công tác phí cho các cán bộ quản lý chủ chốt như sau:

	2014 VND	2013 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị	2.744.680.000	2.626.500.000
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	1.305.400.000	790.000.000
Ban Kiểm soát	112.500.000	112.500.000
	4.162.580.000	3.529.000.000

Các giao dịch với bên liên quan khác

Trong năm có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

BÊN LIÊN QUAN	MỐI QUAN HỆ	TÍNH CHẤT GIAO DỊCH	2014 VND	2013 VND
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)	Công ty liên kết	Cổ tức	5.142.712.500	4.114.170.000
		Vay từ công ty liên kết	-	17.300.000.000
		Các chi phí tài chính khác	12.750.000	664.686.111
		Cho công ty liên kết vay	20.000.000.000	-
Công ty Liên doanh ComfortDelgro SAVICO Taxi	Công ty liên kết	Mua tài sản cố định	1.129.090.909	-
		Tiền thuê và các chi phí liên quan khác thu từ công ty liên kết	2.482.487.393	3.056.355.441
		Hoa hồng nhận từ công ty liên kết	464.528.000	1.390.763.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành SAVICO	Công ty liên kết	Cổ tức	-	168.000.000
		Mua thiết bị	260.000.000	-
		Cho công ty liên kết vay	-	500.000.000
		Thu nhập tài chính khác	-	14.431.944

39. CAM KẾT THUÊ

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	47.257.649.291	35.080.647.220
Từ hai đến năm năm	138.391.280.524	85.632.134.485
Trên năm năm	201.071.134.598	90.231.479.437
	386.720.064.413	210.944.261.142

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
Mẫu B 09 - DN/HN

40. CHI PHÍ THƯƠNG MẠI VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí mua bất động sản để chuyển nhượng lại	191.174.063.841	1.534.142.737
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	6.918.360.213.959	2.634.876.879.860
Chi phí nhân công và nhân viên	245.333.725.996	212.751.053.950
Chi phí khấu hao và phân bổ	46.268.640.090	46.681.441.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	160.800.619.922	155.077.004.342
Chi phí khác	94.569.179.940	70.777.671.911

Người lập



Ngô Văn Danh
Kế toán trưởng

Ngày 23 tháng 3 năm 2015
Người duyệt



Mai Việt Hà
Tổng Giám đốc

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN SAVICO ĐẦU TƯ

KHU PHÚC HỢP SAVICO PLAZA

1. SAVICO PLAZA 115 - 117 HTM, Q. 1

Qui mô: DT đất: 3.023 m², 22 tầng cao và 3 tầng hầm,
- Chức năng thương mại, khách sạn và căn hộ
- Tổng vốn đầu tư 60 triệu USD.
SAVICO đầu Tư:
Dự án hợp tác giữa SAVICO & VinaLand Investment Limited



2. SAVICO PLAZA 104 Phố Quang, Q. Tân Bình

Qui mô: DT đất: 9.028,3 m², 2 tầng hầm và 13 tầng cao,
- Chức năng gồm 2 khu: Khu TMDV với diện tích đất khoảng 2.500m² và Khu Căn hộ cao tầng với diện tích đất là 6.500 m².
SAVICO đầu tư: Dự án hợp tác giữa SAVICO & Công ty Novaland
Tiến độ thực hiện: Đang triển khai dự án



3. SAVICO MEGA MALL

Qui mô: DT đất: 46.400 m². Dự án được chia thành 02 khu: Khu A với chức năng Đại Siêu thị, Trung tâm Thương mại, Khu giải trí, Khu B với chức năng kinh doanh ô tô và Văn phòng cho thuê.
Tổng diện tích sàn kinh doanh hơn 63.000 m² gồm 01 tầng hầm và 03 tầng cao.
SAVICO đầu Tư 100%
Tiến độ thực hiện: Công trình đã được đưa vào khai thác kinh doanh từ tháng 12/2011



4. DỰ ÁN NAM CẨM LỆ

Qui mô: DT đất: 21.822 m², với chức năng: Trung tâm thương mại, nhà ở cao tầng, showroom ô tô. Trong đó Phần Khu nhà liên kế gồm 4.000 m², được chia thành 39 lô đất nền, với diện tích từ 100 m² đến 150 m².

- Trục chính Đại lộ Phạm Hùng rộng 24m, các đường nội bộ khác rộng 7,5m.

Tiến độ pháp lý: Đã được cấp Giấy CN QSDĐ của từng khu và từng nền nhà liên kế.

SAVICO đầu Tư 100%

Tiến độ thực hiện: Hoàn thành đường giao thông nội bộ của dự án; Đang tìm đối tác đầu tư



SAVICO OFFICE BUILDING

1. CAO ỐC VĂN PHÒNG HMTc - SAVICO 91 Pasteur, Q. 1

Qui mô: DT đất: 1.604 m²; DT sàn xây dựng 8.030 m², 02 hầm và 7 tầng cao
Dự án hợp tác giữa Công ty Cổ phần SAVICO (51%) và Công ty TNHH MTV Quản Lý & Kinh Doanh Nhà Thành Phố (49%).
Tòa nhà đã được đưa vào khai thác kinh doanh từ 09/2010.

2. TÒA NHÀ VĂN PHÒNG 95B - 97 - 99 Trần Hưng Đạo, Q.1

Qui mô: Gồm 01 trệt, 01 lửng, 04 tầng cao.
SAVICO đầu Tư: 100%
Tòa nhà đã được đưa vào khai thác và sử dụng từ tháng 01/2006.

3. TÒA NHÀ VĂN PHÒNG 555 Trần Hưng Đạo, Q. 1

Qui mô
Gồm 01 trệt, 01 lửng và 05 tầng cao.
SAVICO đầu tư 100%
Tòa nhà đã được đưa vào khai thác và sử dụng từ tháng 06/2008

SAVICO TRADING CENTER

1. TTTM SAVICO - ĐÀ NẴNG

Qui mô: Gồm 01 trệt, 01 lửng, 03 tầng cao với tổng diện tích sử dụng 4.739 m²

SAVICO đầu Tư 100%

Tòa nhà đã được đưa vào khai thác kinh doanh từ 01/2007, công suất khai thác hiện nay đạt gần 90%



2. TTTM SAVICO - CẦN THƠ

Qui mô: Gồm 01 trệt, Tổng diện tích sử dụng gần 2.500m²

SAVICO đầu Tư 100%

Trung tâm đã được đưa vào khai thác kinh doanh từ năm 2007





4. TÒA NHÀ VĂN PHÒNG 35 Đồng Khởi

Qui mô: Gồm 01 hầm, 01 trệt và 06 tầng cao.

SAVICO đầu tư: 100%

Tòa nhà hoàn tất và chính thức đưa vào sử dụng trong Quý 3/2009



5. DỰ ÁN 66-68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Qui mô: DT đất: 582,2 m², 2 tầng hầm, 14 tầng cao; Chức năng: căn hộ dịch vụ và văn phòng cho thuê.

SAVICO đầu tư 100%

Tiến độ pháp lý: Chủ trương chấp thuận UBNDTP về dự án đầu tư.

Tiến độ thực hiện: Đang tìm đối tác đầu tư



6. CAO ỐC VĂN PHÒNG 277 – 279 Lý Tự Trọng, Q. 1

Qui mô: DT đất 450 m², DT sàn xây dựng 3.998,5m², 02 hầm, 01 trệt, 01 lửng và 09 tầng cao

SAVICO đầu tư 20%

Tiến độ thực hiện: Đã thi công phần móng, hầm, chuẩn bị thi công tiếp phần thân.

SAVICO RESIDENCE

KHU NHÀ Ở Hiệp Bình Phước-Tam Bình, Thủ Đức

Qui mô: DT đất 55.340 m², được qui hoạch làm chung cư cao tầng (18 tầng) gồm hơn 1.603 căn hộ & 63 nền nhà liên kế kết hợp trung tâm thương mại với tổng diện tích sàn xây dựng 170.000 m².

SAVICO đầu tư 100%

Tiến độ pháp lý: Hoàn tất việc cấp Giấy CNQSDĐ và bàn giao nhà cho một số khách hàng để đưa vào sử dụng.

Tiến độ thực hiện: Đang nhận góp vốn đầu tư của khách hàng và triển khai tiếp việc xây nhà liên kế để bàn giao cho khách hàng.



SAVICO HOTEL & RESORT

RESORT MERCURE SƠN TRÀ

Qui mô: DT đất 57.650 m², chức năng gồm: 22 căn biệt thự bãi biển cao cấp, khách sạn cao cấp có qui mô 120 phòng, chuẩn 4 sao thương hiệu Mercure cùng các tiện nghi giải trí khác spa, thể thao bãi biển,...

SAVICO đầu tư 100%

Tiến độ pháp lý: Đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ.

Chuyển đổi dự án qua Công ty con để tiếp tục triển khai dự án.

Tiến độ thực hiện: Công ty Accor (Pháp) là nhà điều hành và quản lý khai thác dự án với thương hiệu Mercure.

Thi công hạ tầng kỹ thuật đạt 70% khối lượng, hoàn thiện 03 villa mẫu để phục vụ cho việc bán hàng.



DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON LIÊN DOANH LIÊN KẾT

TRUNG TÂM HỘI NGHỊ TIỆC CƯỚI



Trung tâm tiệc cưới Melisa 85 Thoại Ngọc Hầu, Q. Tân Phú

Qui mô: Diện tích đất: 10.814 m², DTXD: 7.066 m², Gồm 1 tầng, 9 sảnh với 350 bàn tiệc

SAVICO đầu tư: Dự án hợp tác giữa SAVICO, Titco.

Trung tâm đã được hoàn thiện và đưa vào khai thác kinh doanh từ tháng 10/2014

CÁC CÔNG TY CON

Công ty Cổ phần SAVICO Hà Nội

• 7- 9 Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy,
Q. Long Biên, Tp. Hà Nội
ĐT: (84.4) 62 888 555 - Fax: (84.4) 62 888 556
Email: info@savicohanoi.com

Đơn vị trực thuộc:

• Trung tâm thương mại SAVICO Mega Mall
7 - 9 Nguyễn Văn Linh, P. Gia Thụy,
Q. Long Biên, Tp. Hà Nội
ĐT: (84.4) 62 668 855
Web: www.savicomegamall.com

• Công ty TNHH Toyota Long Biên
7 - 9 Nguyễn Văn Linh, Q. Long Biên, Tp. Hà Nội
ĐT: (84.4) 62 777 999 - Fax: (84.4) 62 777 998
Hotline: 0973.778.669
Email: toyotalongbien.hn@gmail.com
Web: www.toyotalongbien.org

• Công Ty TNHH Toyota Hải Dương
Số 1 đường Ngô Quyền, P. Cẩm Thượng, Tp. Hải Dương
ĐT: (84.320) 3555 999 - Fax: (84.320) 3555 997
Hotline: 090.345.9775

Công ty Liên Doanh Toyota Giải Phóng

• 807 Giải Phóng, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội
ĐT: (84.4) 3664 0124 - Fax: (84.4) 3664 0127
Hotline: 0903.259.295 - Email: tgp@fpt.vn
Web: www.toyotagiaiphong.com.vn
www.toyotagiaiphong.vn

Công ty LD Toyota Giải Phóng - Chi nhánh Pháp Vân

• P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội
ĐT: (84.4) 3642 5588 - Fax: (84.4) 3642 5599
Hotline: 098 999 7879

Công ty TNHH Toyota Cần Thơ

• Lô 20, Khu Đô Thị Phú An, Quang Trung,
Q. Cái Răng, Tp. Cần Thơ
ĐT: (84.710) 3 919 919 - Fax: (84.710) 391 8899
Hotline: 0934 919 919
Web: www.toyotacantho.savico.com.vn
www.toyotacantho.com.vn

Công ty TNHH Sài Gòn Ôtô (Sài Gòn Ford)

• 61A Cao Thắng, P. 3, Q. 3, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3818 1458 - Fax: (84.8) 3818 1466
Hotline dịch vụ: 090 746 8686
Hotline kinh doanh: 093.878.3139
Email: saigonford@saigonford.com.vn
Web: www.saigonford.com.vn

Các đơn vị trực thuộc:

• Chi nhánh Phổ Quang:

TT kinh doanh xe cũ & xưởng DV sửa chữa đồng sơn
104 Phổ Quang, P. 2, Q. Tân Bình, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3844.2947/ 3844.2948 - Fax: (84.8) 3844 2896
Hotline: 093 811 0139
Email: phoquang@saigonford.com.vn

• Sài Gòn Automax:

72 Trần Đình Xu, Q. 1, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3838 9508 - Fax: (84.8) 3838 9521
Web: www.mazdabenthanh.com.vn

• Sài Gòn Automax:

295 Bến Chương Dương, Q.1. Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3920 4393 - Fax: (84.8) 3920 4394
Web: www.saigonautomax.bonbanh.com

• Showroom Boutique 6A Trần Hưng Đạo:

6A Trần Hưng Đạo, Q. 1, Tp. HCM
Tel: (84.) 3915 3244 - Fax: (84.8) 3915 3243
Hotline: 093 898 0139
Email: saigonford@saigonford.com.vn

• Công ty Cổ phần Đầu tư TMDV Sài Gòn Ôtô Cần Thơ:

Lô 11C Võ Nguyên Giáp, P. Phú Thứ,
Q. Cái Răng, Tp. Cần Thơ
ĐT: (84.710) 3730 720 / 3730 719 - Fax: (84.710) 3.730.716
Hotline: 0902 357 558 - Email: cantho@saigonford.com.vn
Web: canthoford.vn

Công ty Cổ phần Bến Thành Ôtô (Ben Thanh Ford)

• 831 Trường Chinh, Q. Tân Phú, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3815 7979 - Fax: (84.8) 3815 8989
Hotline dịch vụ: 090 806 1061
Hotline bán hàng: 0938 191 191
Email: benthanhford@ benthanhford.com.vn
Web: benthanhford.savico.com.vn - benthanhford.com.vn

Công ty Cổ phần SAVICO Đà Nẵng

• 66 Võ Văn Tần, Quận Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
ĐT: (84-511) 3647 858 - Fax: (84-511) 3646 517

Các đơn vị trực thuộc:

Công ty Cổ phần Ôtô Sông Hàn (Hyundai Sông Hàn)

Trụ sở chính:
• 86 Duy Tân, P. Hòa Thuận Tây, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
ĐT: (84.511) 378 3555 - Fax: (84.511) 378 3883
Hotline: 0914 303 555 / 0511 3 783 888
Web: hyundaisonghan.com.vn

Hyundai Gia Lai

• 278 Lê Duẩn, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
ĐT: 059.3862255 - Fax : 059.3862266.
Hotline: 059.3735888

Công ty Cổ phần Dana - Danaford

Trụ sở chính:
• 56 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
ĐT: 0511. 364 6555 - Fax : 0511. 364 6746
Hotline cứu hộ : 0905 444 888
Email: danaford@danaford.com.vn
Web: www.danaford.com.vn
Hotline kinh doanh: 0905 105 888
Hotline dịch vụ: 0914 061 731
Chăm sóc khách hàng: 0905 444 838

Dana Ford Bình Định

• 73 Tây Sơn, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
ĐT: 056. 3546 555 - Fax : 056. 3546 488
Hotline : 0905 631 666 - Email: dongpq@danaford.com.vn

Ford Gia Lai

• 284 Lê Duẩn, P. Thắng Lợi, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
ĐT: (84-059) 3535555 - Fax : (84-059) 3551777

Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao

Trụ sở chính:
• 510 Quốc lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3726 3022 – Fax: (84.8) 3727 3133
Hotline: 0936 311 318
Email: phongkinhdoanh@saigonngoisao.com.vn
Web: www.saigonngoisao.com.vn

Các cửa hàng gắn máy:

• **Cửa hàng:**
14-16 Trần Hưng Đạo, Q. 1, Tp. HCM
Điện thoại: (08) 38386147 – Fax: (08) 38386146

• **Cửa hàng:**
778 Kha Vạn Cân, Q. Thủ Đức
ĐT: (84.8) 3897 9022

• **Cửa hàng:**
379 Quang Trung, Q. Gò Vấp
Điện thoại: (08) 22464364 – Fax: (08) 62579143

Công ty TNHH TM DV Sài Gòn Phương Nam

510 Quốc Lộ 13, P. Hiệp Bình Phước, Q. Thủ Đức.
Điện thoại : (08) 3727 3438 – Fax: (08) 37273133

Công ty TNHH TM DV Sài Gòn (Yamaha Sài Gòn)

• 164 - 166C, Đường 3/2, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT: (84.710) 3780 164 - Fax: (84.710) 3780 166
Email: saigon@yamahasai.com
Web: www.yamahasai.com

Hệ thống phân phối xe gắn máy Yamaha:

• **Cửa hàng**
164 - 166C, Đường 3/2, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT : (84.710) 3780 164 - Fax: (84.710) 3780 166

• **Cửa hàng**
Kiốt 15-17-19-21 Công viên Văn Hóa Miền Tây,
Số 45 Đường CMT8, P. An Thới, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ
ĐT : (84.710) 3783 979 - (84.710) 3783 839

• **Cửa hàng**
291 Ấp An Nhơn, xã Trung Thành,
Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long
ĐT : (84.070) 3976 888 - Fax: (84.070) 3976 777

• Trạm dịch vụ và phụ tùng:

164/1B, Đường 3/2, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT : (84.710) 3782 982

Công ty Cổ phần Ôtô Sài Gòn Cửu Long

(Chevrolet Cần Thơ)
Trụ sở chính:
• 274 Đường 30/4, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT : (84.710) 3838 868 - (84.710) 3739 779
Hotline: 0965 838 868
Email: contact@chevroletcantho.com.vn
Web: chevroletcantho.com.vn

Công ty Cổ phần OTOS

Trụ sở chính:
• 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT : (84.8) 3821 3913 - Fax: (84.8) 3821 5992
Hotline: 0906 870 699 - Web: otos.vn

CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (TESC)

507 Xa Lộ Hà Nội, Q. 2, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3898 9242 - Fax: (84.8) 3898 9243
Hotline: 1900 6428
Email: tesc@toyotasaigon.com
Web: www.toyotasaigon.savico.com.vn

Đơn vị trực thuộc:

Chi nhánh:
18 Phan Văn Trị, P. 7, Q. Gò Vấp, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3989 6636 - Fax: (84.8) 3989 6637
Hotline: 1900 6438

• TT xe đã qua sử dụng

18 Phan Văn Trị , P. 10, Q. Gò Vấp
ĐT: (84.8) 3921 2808 - Fax : (84.8) 3921 2809
Hotline : 0918 3305050
Email: usedcar@toyotasaigon.com
Web: www.toyotadaquasudung.com

Công ty TNHH Comfort Delgro SAVICO Taxi

384A/2 Kha Vạn Cân, KP5, P. Hiệp Bình Chánh,
Q. Thủ Đức, Tp. HCM
ĐT: (84.8) 3726 7930
Web: comfortsavico.com.vn / comfortsavico@vnn.vn

Công ty Cổ phần DV Ôtô TP Mới Bình Dương (Bình Dương Ford)

Lô C13, Đường Nguyễn Huệ, Khu Liên hợp,
P. Hòa Phú, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
ĐT: (84-650) 380 1381- Fax: (84-650) 380 1380
Hotline: 0902 558 448
Email: binhduongford@binhduongford.com.vn
Web: www.binhduongford.com.vn



GẮN KẾT LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG

ĐOÀN KẾT, ĐỒNG THUẬN, VƯỢT QUA THÁCH THỨC; TỰ ĐỔI MỚI, ĐÓN ĐẦU CƠ HỘI, GẶT HAI THÀNH CÔNG.

Designed by Brandlab (08 6292 1650) 04/2015



SAVICO

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
TỔNG HỢP SÀI GÒN**

68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8) 3821 3913

Fax: (84-8) 3821 3553 / 3821 5992

Email: savico@savico.com.vn

www.savico.com.vn